

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
LỜI MỞ ĐẦU	6
BÀI 1: MỞ SỔ KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP BẰNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA SME.NET 2015	7
1. Tạo dữ liệu kế toán:.....	8
2. Thiết lập thông tin ban đầu	12
2.1 Danh mục Hệ thống tài khoản	12
2.2 Một số các tùy chọn chung khác	14
3. Nhập số dư ban đầu	15
3.1 Khai báo danh mục.....	15
3.1.1 Danh mục Nhóm khách hàng, nhà cung cấp.....	15
3.1.2 Danh mục khách hàng, Nhà cung cấp	16
3.1.3 Danh mục Nhóm vật tư hàng hóa dịch vụ và danh mục Vật tư hàng hóa dịch vụ.....	19
3.1.4 Danh mục Đối tượng tập hợp chi phí.....	20
3.1.5 Danh mục loại Tài sản cố định	22
3.1.6 Danh mục Cơ cấu tổ chức	22
3.1.7 Danh mục Nhân viên	26
3.1.8 Danh mục Ngân hàng và tài khoản ngân hàng	27
3.2 Nhập số dư ban đầu	28
4. Một số chức năng khác.....	37
4.1 Lưu trữ, bảo quản sổ kế toán.....	37
4.2 Cập nhật phần mềm theo thông báo của nhà cung cấp.....	39
4.3 Phục hồi dữ liệu kế toán.....	41

BÀI 2: THỰC HÀNH KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN.....	44
1. Nguyên tắc hạch toán.....	45
2. Thực hành kế toán vốn bằng tiền	45
2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ	45
2.2 Kế toán tiền gửi	58
3. Xem và in báo cáo	63
3.1 Xem và in báo cáo tiền mặt tại quỹ	63
3.2 Xem và in báo cáo tiền gửi ngân hàng	67
BÀI 3: THỰC HÀNH KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ.....	70
1. Nguyên tắc hạch toán.....	71
2. Thực hành Kế toán mua hàng	71
2.1 <i>Mua hàng không qua kho.</i>	72
2.2 <i>Mua hàng về nhập kho.</i>	74
3. Thực hành Kế toán công nợ phải trả.....	169
3.1 Trả tiền bằng quỹ tiền mặt.....	169
3.2: Trả tiền bằng tiền gửi ngân hàng:.....	169
4. Xem và in báo cáo liên quan đến mua hàng và công nợ phải trả	171
BÀI 4: THỰC HÀNH KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU	179
1. Nguyên tắc hạch toán.....	180
2. Thực hành kế toán bán hàng	180
2.1 Lập Báo giá:	180
2.2 Lập Đơn đặt hàng:	182
2.3 Bán hàng chưa thu tiền:.....	183
2.4 Bán hàng thu tiền ngay	191
2.5 Bán hàng trả chậm, trả góp	194
3. Thực hành Kế toán công nợ phải thu	202

3.1 Thu tiền khách hàng bằng tiền mặt	202
3.2 Thu tiền khách hàng bằng tiền gửi ngân hàng.....	202
4. Xem và in báo cáo liên quan đến bán hàng	204
BÀI 5: THỰC HÀNH KẾ TOÁN KHO.....	222
1. Nguyên tắc hạch toán.....	223
2. Thực hành kế toán kho.....	223
2.1 Hàng mua đi đường	224
2.2 Nhập kho hàng hóa tự chế, gia công:.....	226
2.3 Nhận vốn góp bằng vật tư, hàng hóa.....	227
2.4. Kiểm kê vật tư hàng hóa	229
2.5 Xuất kho vật tư hàng hóa.....	230
2.6 Tính giá xuất kho.....	233
3. Xem và in báo cáo kho	233
BÀI 6: THỰC HÀNH KẾ TOÁN CÔNG CỤ DỤNG CỤ.....	238
1. Nguyên tắc hạch toán.....	239
2. Thực hành kế toán công cụ dụng cụ	239
2.1 Ghi tăng CCDC.....	240
2.2: Phân bổ CCDC	244
2.3 Kiểm kê công cụ dụng cụ:	247
2.4 Điều chuyển CCDC:	249
3. Xem và in báo cáo công cụ dụng cụ	254
BÀI 7: THỰC HÀNH KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.....	256
1. Nguyên tắc hạch toán.....	257
2. Thực hành Kế toán tài sản cố định	257
2.1 Mua TSCĐ không qua lắp đặt, chạy thử.....	259
2.2 Mua TSCĐ qua lắp đặt, chạy thử:.....	264
2.3 Nhượng bán, thanh lý TSCĐ.....	268

2.4	Khấu hao TSCĐ.....	271
2.5	Góp vốn đầu tư bằng TSCĐ.....	273
2.6	Đánh giá lại tài sản cố định.....	274
2.7	Điều chuyển tài sản cố định	276
3.	Xem và in báo cáo tài sản cố định.....	277
BÀI 8: THỰC HÀNH KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG		280
1.	Nguyên tắc hạch toán.....	281
2.	Thực hành kế toán tiền lương.....	281
2.1	Chấm công	282
2.2	Tổng hợp bảng chấm công:.....	283
2.3	Tính lương	285
2.4	Hạch toán chi phí lương:	291
2.5	Trả lương :	292
2.6	Nộp bảo hiểm.....	295
3.	Xem và in bảng lương	296
BÀI 9: THỰC HÀNH KẾ TOÁN THUẾ		298
1.	Nguyên tắc hạch toán.....	299
2.	Thực hành Kế toán thuế:.....	299
2.1	Lập tờ khai thuế lần đầu:	299
2.2	Lập tờ khai thuế GTGT bổ sung.....	303
2.3	Khấu trừ thuế:	305
2.4	Nộp thuế:.....	306
3.	Xem và in các báo cáo liên quan đến hoạt động quản lý thuế.....	310
BÀI 10: THỰC HÀNH KẾ TOÁN TỔNG HỢP VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....		316
1.	Xác định thuế TNDN và kết quả kinh doanh.....	317
1.1	Xác định thuế TNDN phải nộp	317
1.2	Xác định kết quả kinh doanh	320

2. Một số chức năng bổ sung khác	321
2.1 Tính tỷ giá xuất quỹ	321
2.2 Đánh giá lại tài khoản ngoại tệ	323
2.3 Lập chứng từ ghi sổ	325
2.4 Chi phí trả trước	327
2.5 Khóa sổ cuối kỳ	331
3. Xem báo cáo tài chính	332
3.1 Báo cáo tài chính	332
3.2 Thuyết minh báo cáo tài chính.....	337

LỜI MỞ ĐẦU

Trong các hoạt động kinh tế, chất lượng hệ thống thông tin kế toán có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Vì thế một hệ thống quản lý tài chính kế toán nhanh, mạnh, cung cấp một cách chính xác và kịp thời thông tin, làm cơ sở cho nhà lãnh đạo ra các quyết định quản trị một cách nhanh chóng, hiệu quả là vô cùng cần thiết. Ngày nay, do tính đa dạng và phức tạp của các hoạt động kinh doanh, cùng với sự phát triển không ngừng của Công nghệ Thông tin, các phần mềm kế toán đang trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả và chính xác nhất. Các phần mềm kế toán giúp các doanh nghiệp xử lý thông tin nhanh, an toàn; cung cấp các báo cáo kế toán kịp thời, hiệu quả.

Kế thừa những nội dung cơ bản của Giáo trình Kế toán doanh nghiệp, bộ Giáo trình này được biên soạn nhằm giúp người đọc có cái nhìn cụ thể hơn về phần mềm kế toán MISA, hướng dẫn cách thức sử dụng phần mềm MISA SME.NET 2015. Đối tượng của Giáo trình kế toán máy doanh nghiệp là các sinh viên đã và đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp chuyên ngành kế toán tài chính và các chuyên ngành về kinh tế khác, đã có kiến thức sơ đẳng về nguyên lý kế toán. Mục tiêu chính của giáo trình là:

▮ Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về hệ thống phần mềm kế toán, tiêu chuẩn lựa chọn và đánh giá phần mềm, các loại phần mềm và các nhà cung cấp phần mềm trên thị trường.

▮ Cung cấp cho sinh viên quy trình xử lý của phần mềm kế toán nói chung và phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 nói riêng; giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường tiếp cận nhanh với phần mềm MISA cũng như các phần mềm kế toán khác sẵn có tại doanh nghiệp. Từ đó, họ có thể làm việc một cách hiệu quả nhất, mang lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp mình.

BÀI 1: MỞ SỔ KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP BẰNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA SME.NET 2015

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

Giới thiệu tổng quan về phần mềm MISA SME.NET 2015

Hướng dẫn cài đặt

Các bước tiến hành mở sổ kế toán

Cách nhập số dư ban đầu

Cách phân công công việc và quyền hạn trong phòng kế toán

Việc lưu trữ và bảo quản sổ kế toán trên máy vi tính

Phương thức trao đổi chứng từ kế toán giữa các bộ phận

Quy trình cập nhật phần mềm theo thông báo của nhà cung cấp

1. Tạo dữ liệu kế toán:

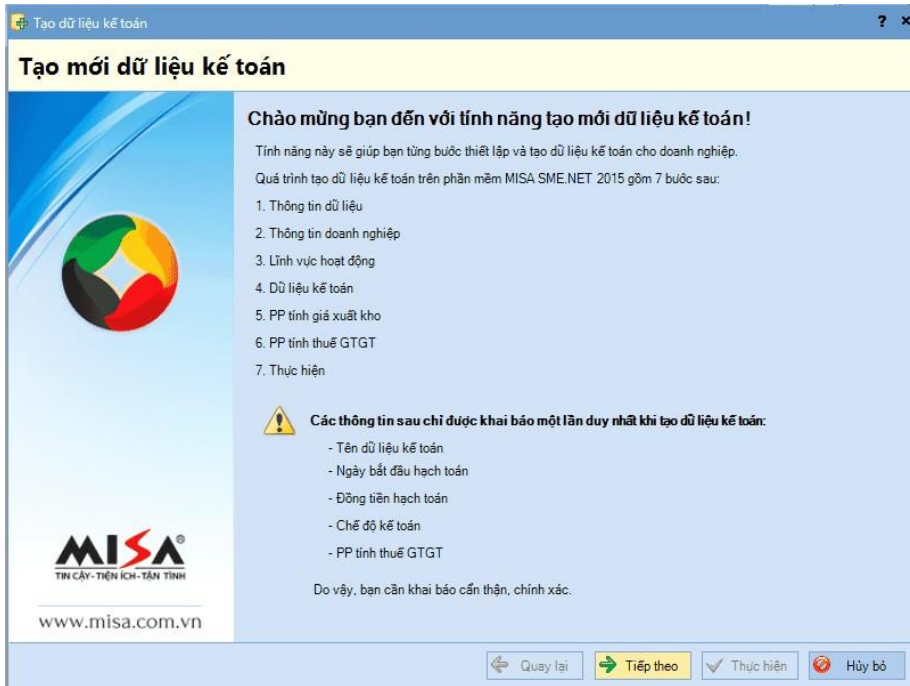
Thông thường đối với một doanh nghiệp mới thành lập hoặc một doanh nghiệp đã hoạt động lâu năm nhưng bắt đầu một năm tài chính mới thì phải tiến hành mở sổ kế toán mới tương ứng với năm tài chính đó. Việc mở sổ kế toán (hay còn gọi là tạo dữ liệu kế toán) được thực hiện ngay lần đầu tiên khi NSD bắt đầu sử dụng phần mềm.

Để bắt đầu tạo dữ liệu kế toán mới, NSD tiến hành theo một trong hai cách sau:

- Cách 1: vào menu **Start\Programs\MISA SME.NET 2015\MISA SME.NET 2015 Tools\Company Setup**.
- Cách 2: sau khi khởi động MISA SME.NET 2015, tại hộp thoại **Đăng nhập**, nhấn <<**Hủy bỏ**>>.



- Tại màn hình gồm các chức năng như Xem dữ liệu kế toán mẫu, Tạo dữ liệu kế toán mới và Mở dữ liệu kế toán, nhấn **Tạo dữ liệu kế toán mới** , xuất hiện hộp thoại:



- Trong quá trình mở sổ, có tất cả 7 bước để khai báo các thông tin cần thiết như: Tên dữ liệu và nơi lưu, thông tin về doanh nghiệp, lĩnh vực hoạt động, dữ liệu đa chi nhánh hay không có chi nhánh, thông tin dữ liệu (ngày bắt đầu hạch toán, chế độ kế toán áp dụng, loại tiền...), phương pháp tính giá xuất kho, phương pháp tính thuế GTGT... Với mỗi bước, NSD tích chọn các thông tin sao cho phù hợp với đơn vị mình và nhấn **Tiếp theo** để chuyển sang các bước tiếp. Nếu phải sửa đổi thông tin ở các bước trước đó, nhấn **Quay lại** để thực hiện chỉnh sửa.

- ...

Tạo dữ liệu kế toán

Tạo mới dữ liệu kế toán

1. Thông tin dữ liệu	Máy chủ chứa cơ sở dữ liệu Máy chủ SQL: NPHAIMISASME2015
2. Thông tin doanh nghiệp	Chọn loại dữ liệu kế toán <input checked="" type="radio"/> Tạo mới từ đầu Dữ liệu kế toán không có số liệu. Bạn phải khai báo từ đầu các danh mục như khách hàng, nhà cung cấp, vật tư, ... và nhập số dư ban đầu. <input type="radio"/> Tạo mới dữ liệu từ năm trước Tạo dữ liệu kế toán năm mới từ dữ liệu kế toán năm trước. Bạn sẽ tận dụng được toàn bộ các danh mục và số dư đầu kỳ từ năm trước chuyển sang. Chọn dữ liệu kế toán:
3. Lĩnh vực hoạt động	
4. Dữ liệu kế toán	
5. PP tính giá xuất kho	
6. PP tính thuế GTGT	
7. Thực hiện	
	Địa chỉ Email khi quên mật khẩu đăng nhập Email:

Tạo dữ liệu kế toán - frmCompanySetup [Time show: 1238,039 ms]

Tạo mới dữ liệu kế toán

1. Thông tin dữ liệu	Đơn vị của bạn là doanh nghiệp thương mại, dịch vụ hay sản xuất, xây lắp? <input checked="" type="checkbox"/> Thương mại, dịch vụ <input type="checkbox"/> Sản xuất, xây lắp
2. Thông tin doanh nghiệp	Đơn vị của bạn có các loại nghiệp vụ phát sinh nào? <input checked="" type="checkbox"/> Quỹ <input checked="" type="checkbox"/> Kho <input checked="" type="checkbox"/> Thuế <input type="checkbox"/> Giá thành <input checked="" type="checkbox"/> Ngân hàng <input checked="" type="checkbox"/> Công cụ dụng cụ <input checked="" type="checkbox"/> Tổng hợp <input checked="" type="checkbox"/> Thủ kho <input checked="" type="checkbox"/> Mua hàng <input checked="" type="checkbox"/> Tài sản cố định <input checked="" type="checkbox"/> Quản lý phát hành hóa đơn <input checked="" type="checkbox"/> Thủ quỹ <input checked="" type="checkbox"/> Bán hàng <input checked="" type="checkbox"/> Tiền lương <input checked="" type="checkbox"/> Hợp đồng
3. Lĩnh vực hoạt động	
4. Dữ liệu kế toán	
5. PP tính giá xuất kho	
6. PP tính thuế GTGT	
7. Thực hiện	
	Sử dụng riêng danh mục ở các chi nhánh <input type="checkbox"/> Khách hàng/Nhà cung cấp <input type="checkbox"/> Tài khoản ngân hàng <input checked="" type="checkbox"/> Nhân viên <input type="checkbox"/> Đối tượng tập hợp chi phí <input type="checkbox"/> Vật tư hàng hóa <input type="checkbox"/> Công trình

Tạo dữ liệu kế toán - frmCompanySetup [Time show: 1238,039 ms]

Tạo mới dữ liệu kế toán

1. Thông tin dữ liệu	<p><input checked="" type="radio"/> Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ</p> <p>Theo phương pháp này thì số thuế GTGT phải nộp được tính bằng số thuế GTGT đầu ra trừ đi số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.</p> <p>Xác định nhóm HHDV mua vào chính</p> <p><i>i</i> Nhóm HHDV này sẽ mặc định được chọn trên các chứng từ liên quan.</p> <p>1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cun</p>
2. Thông tin doanh nghiệp	
3. Lĩnh vực hoạt động	
4. Dữ liệu kế toán	
5. PP tính giá xuất kho	
6. PP tính thuế GTGT	
7. Thực hiện	

Tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên Doanh thu

Theo phương pháp này thì số thuế GTGT phải nộp được tính bằng tỷ lệ % của từng nhóm ngành nghề tính thuế GTGT nhân với doanh thu.

Xác định nhóm ngành nghề chính tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên Doanh thu

i Nhóm ngành nghề này sẽ mặc định được chọn trên các chứng từ liên quan.

1. Phân phối, cung cấp hàng hóa áp dụng thuế suất 1%

Quay lại Tiếp theo Thực hiện Hủy bỏ

Tạo dữ liệu kế toán - frmCompanySetup [Time show: 1238,039 ms]

Tạo mới dữ liệu kế toán

1. Thông tin dữ liệu	<p>Chương trình đã có đầy đủ thông tin cho việc tạo dữ liệu kế toán. Sau khi tạo dữ liệu thành công bạn phải thiết lập thêm một số thông tin trong Hệ thống tùy chọn.</p> <p>Vui lòng nhấn nút "Thực hiện" để hoàn tất việc tạo dữ liệu kế toán.</p> <p>Tên đăng nhập: Admin Tên dữ liệu kế toán: KE_TOAN_2015 Tên công ty: Công ty TNHH ABC Địa chỉ: 218 Đồi Cấm, Ba Đình, Hà Nội Mã số thuế: 0101243150 Điện thoại: 0437627891 Fax: 0437627946 Email: Có chi nhánh: (có) Năm tài chính bắt đầu: 2014 (từ ngày: 01/01/2014 đến ngày: 31/12/2014) Ngày bắt đầu hạch toán: 01/01/2014 Đồng tiền hạch toán: VND Chế độ kế toán: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC Lĩnh vực hoạt động: Thương mại, dịch vụ, Sản xuất, xây lắp Phương pháp tính giá: Bình quân cuối kỳ Phương pháp tính thuế GTGT: Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ</p>
2. Thông tin doanh nghiệp	
3. Lĩnh vực hoạt động	
4. Dữ liệu kế toán	
5. PP tính giá xuất kho	
6. PP tính thuế GTGT	
7. Thực hiện	

Quay lại Tiếp theo **Thực hiện** Hủy bỏ

- Nhấn **Thực hiện** để thực hiện tạo dữ liệu kế toán.

2. *Thiết lập thông tin ban đầu*

Đây là bước cần thiết để doanh nghiệp xác định các thông tin ban đầu, các thông tin có ảnh hưởng chung đến toàn bộ hệ thống kế toán trong suốt quá trình làm việc của NSD. Việc thiết lập các thông tin này sẽ giúp cho NSD thực hiện các công việc kế toán một cách thuận lợi hơn.

Một số thông tin ban đầu cần được thiết lập:

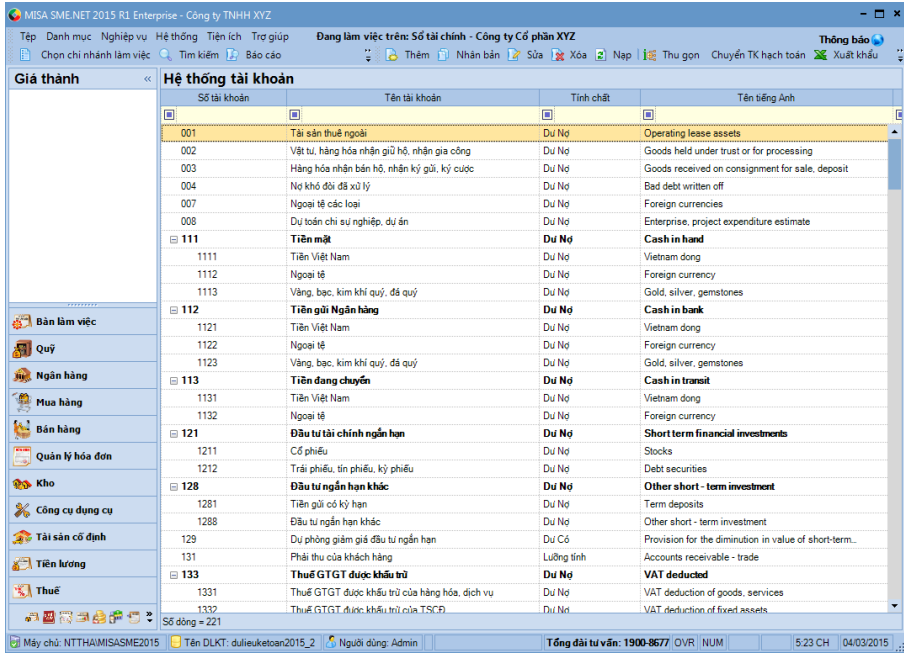
- Danh mục hệ thống tài khoản.
- Một số các tùy chọn chung khác.

2.1 *Danh mục Hệ thống tài khoản*

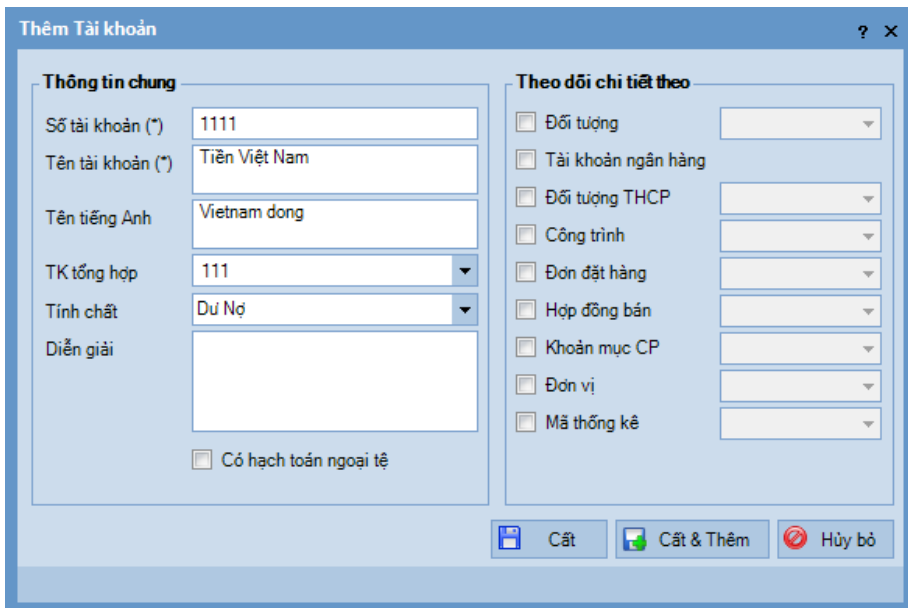
¶ Mục đích: Danh mục Hệ thống tài khoản được sử dụng để quản lý hệ thống các tài khoản, vì hầu hết mọi thông tin kế toán đều được phản ánh trên tài khoản. Thông thường các phần mềm kế toán đã thiết lập sẵn hệ thống tài khoản chuẩn theo quy định của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, với mỗi doanh nghiệp lại có một đặc thù sản xuất kinh doanh riêng vì thế mà yêu cầu quản lý các tiết khoản trên cơ sở hệ thống tài khoản cũng khác nhau. Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 cho phép NSD mở thêm các tiết khoản trên cơ sở hệ thống tài khoản chuẩn. Hệ thống tài khoản này sẽ được sử dụng trong các bút toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

¶ Cách thực hiện

- Trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu thêm mới hoặc chi tiết thêm tài khoản cho phù hợp với yêu cầu quản lý, NSD vào mục **Danh mục\Tài khoản\Hệ thống tài khoản**:



- Chọn **Thêm** trên thanh công cụ (hoặc kích chuột phải chọn **Thêm**):



2.2 Một số các tùy chọn chung khác

Mục đích: MISA SME.NET 2015 có chức năng tùy chọn hệ thống cho phép thiết lập một số tùy chọn có tính ngầm định trong chương trình khi nhập liệu hoặc khi xem báo cáo kế toán như: Tùy chọn riêng, Tùy chọn chung, Vật tư hàng hóa, Định dạng số, Sao lưu....

Cách thực hiện:

- Để thiết lập các thông tin về hệ thống, NSD vào mục **Hệ thống\Tùy chọn**.
- Tùy thuộc vào đặc thù mỗi doanh nghiệp mà NSD tích chọn các thông tin sao cho phù hợp với doanh nghiệp mình.

The screenshot shows the 'Tùy chọn' (Settings) window. The sidebar on the left lists various settings categories, with '1. Tùy chọn riêng' selected. The main content area is divided into several sections:

- Giao diện nhập liệu:** Contains four checked options: 'Thu nhỏ giao diện nhập chứng từ', 'Cho phép sao chép dữ liệu khi thêm dòng chứng từ mới', 'Hạn chế tài khoản khi nhập chứng từ', and 'Nhấn phím Enter tại ô mã hàng thì nhảy xuống dòng dưới'.
- Màu hiển thị:** Contains two dropdown menus: 'Chứng từ chưa ghi số' (set to Green) and 'Số âm trên báo cáo' (set to Red).
- Hiển thị trên quy trình:** Contains one checked option: 'Tự động hiển thị của số chọn chức năng khi di chuột đến các biểu tượng trong quy trình nghiệp vụ'.
- Địa chỉ Email khi quên mật khẩu đăng nhập:** Contains an empty text input field labeled 'Email'.

At the bottom right, there are three buttons: 'Đồng ý' (checked), 'Hủy bỏ', and 'Áp dụng'.

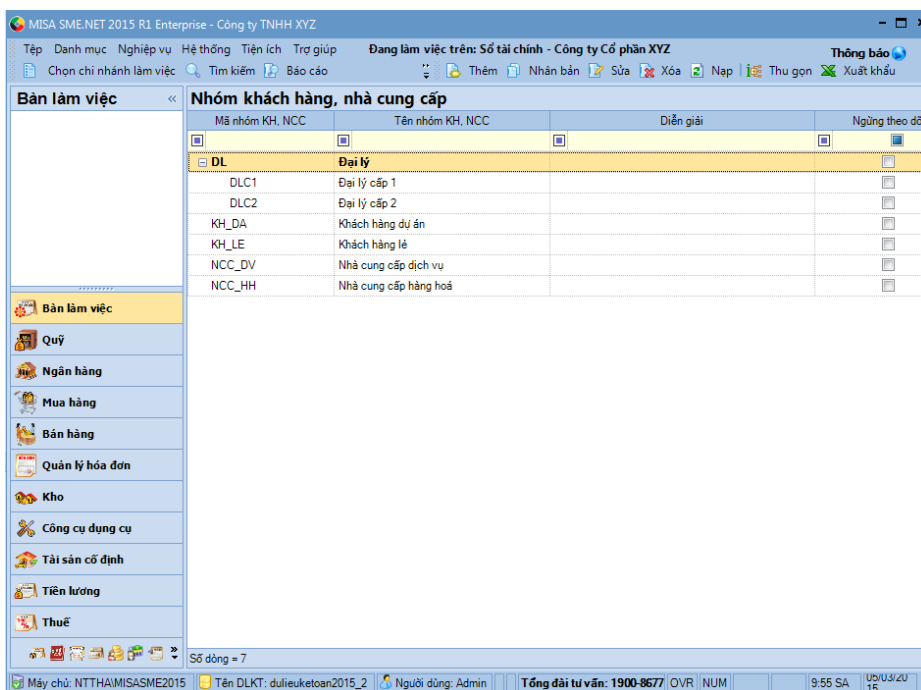
3. Nhập số dư ban đầu

3.1 Khai báo danh mục

Sau khi tiến hành mở sổ kế toán, để nhập được số dư ban đầu và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên phần mềm kế toán trước hết kế toán phải khai báo một số danh mục liên quan. Các danh mục cần khai báo trước khi nhập số dư ban đầu như:

3.1.1 *Danh mục Nhóm khách hàng, nhà cung cấp*

NSD khai báo danh mục Nhóm Khách hàng, Nhà cung cấp để thiết lập các khách hàng, nhà cung cấp khác nhau nhưng có cùng một tính chất vào cùng 1 nhóm như: cùng địa bàn hoạt động, cùng cung cấp một mặt hàng, nhóm mặt hàng,... tiện cho công tác quản lý các đối tượng của đơn vị. Phương pháp đặt mã hiệu sẽ được trình bày rõ hơn ở phần Danh mục Khách hàng, Nhà cung cấp. NSD vào menu **Danh mục\Nhóm khách hàng nhà cung cấp** để tiến hành khai báo các thông tin liên quan.



3.1.2 *Danh mục khách hàng, Nhà cung cấp*

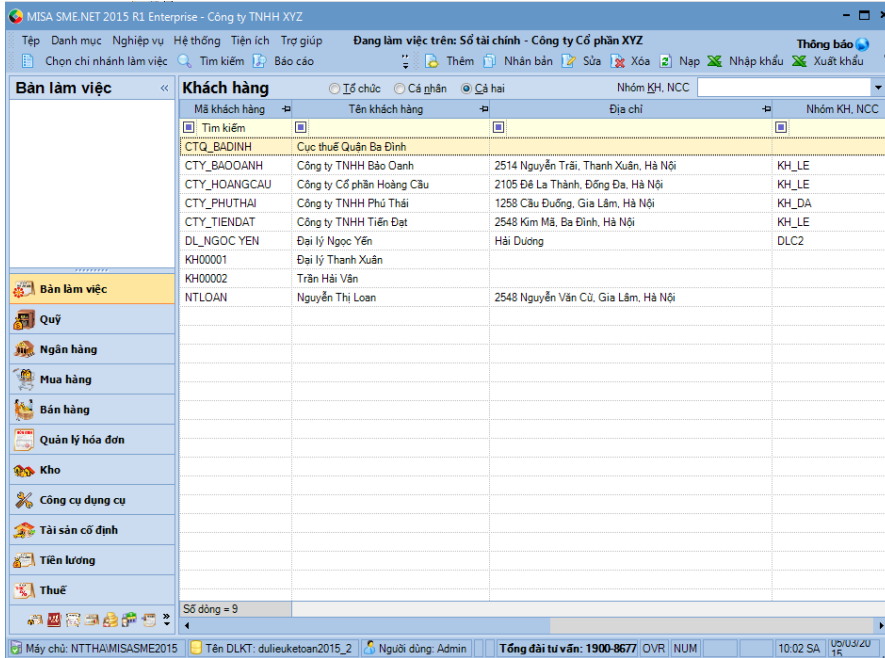
Danh mục này được NSD khai báo nhằm quản lý thông kê mua, bán hàng hóa và theo dõi công nợ chi tiết đến từng khách hàng, nhà cung cấp. Mỗi khách hàng, nhà cung cấp sẽ được nhận diện bằng mã khác nhau gọi là mã khách hàng, nhà cung cấp. Mã này thông thường sẽ do NSD đặt sao cho phù hợp với mô hình hoạt động và quản lý của doanh nghiệp. Có rất nhiều phương pháp đặt mã khác nhau, các phương pháp này phụ thuộc vào yêu cầu tổ chức quản lý đối tượng và phụ thuộc vào tính chất của từng đối tượng cụ thể.

Một số điểm lưu ý khi thiết lập mã khách hàng, nhà cung cấp trong các phần mềm kế toán:

- Mỗi khách hàng hoặc nhà cung cấp phải được đặt một mã khác nhau.
- Không nên đưa ra một mã mà thành phần thông tin trong mã đó lại là của một mã khác. VD: Mã 1: CTY_NHATQUANG (Công ty Nhật Quang), mã 2: CTY_NHAT (Công ty Nhật)

Để khai báo danh mục KH, NCC, NSD tiến hành như sau:

- Vào menu **Danh mục\Đối tượng\Khách hàng**:



- Chọn **Thêm** trên thanh công cụ để thêm mới khách hàng:

- Khai báo các thông tin liên quan về khách hàng sau đó nhấn

<<Cất để lưu chứng từ vừa nhập.

- Thực hiện khai báo Nhà cung cấp tương tự.
- Tích chọn thông tin “Nhà cung cấp” nếu khách hàng nào vừa là khách hàng, vừa là nhà cung cấp.

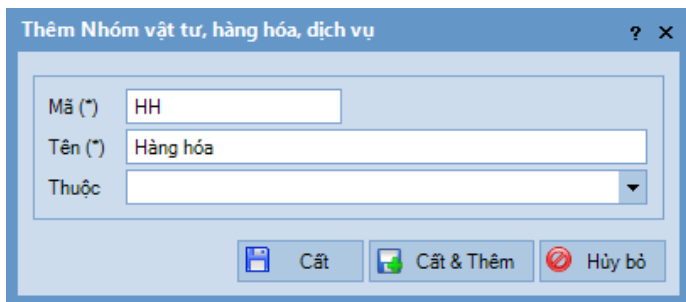
Mỗi khách hàng, nhà cung cấp có thể liên quan đến mọi TK công nợ. Vì vậy, thông qua mã khách hàng, nhà cung cấp NSD có thể xem được các báo cáo công nợ không chỉ liên quan đến một TK công nợ mà liên quan đến mọi TK công nợ của khách hàng, nhà cung cấp đó. Phần mềm sẽ tự động cộng gộp theo danh mục khách hàng, nhà cung cấp các phát sinh, số dư TK để có các sổ tổng hợp phát sinh, số dư các TK công nợ theo từng đối tượng.

3.1.3 *Danh mục Nhóm vật tư hàng hóa dịch vụ và danh mục Vật tư hàng hóa dịch vụ.*

Danh mục nhóm vật tư hàng hóa, dịch vụ cho phép NSD thiết lập VTHH, dịch vụ khác nhau nhưng có cùng 1 tính chất, 1 tiêu chí quản lý để phục vụ cho công tác quản lý VTHH của doanh nghiệp. Ví dụ: Công ty kinh doanh quần áo có thể chia nhóm quần áo trẻ em, nhóm quần áo phụ nữ hoặc Siêu thị chia hàng thành nhóm thực phẩm tươi sống, nhóm hàng gia dụng... tùy vào đặc thù sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp

Để khai báo danh mục nhóm VTHH, NSD tiến hành như sau:

- Vào menu Danh mục\Nhóm vật tư, hàng hóa, dịch vụ
- Nhấn **Thêm** trên thanh công cụ để thêm mới nhóm vật tư hàng hóa



The screenshot shows a dialog box titled "Thêm Nhóm vật tư, hàng hóa, dịch vụ". It contains three input fields: "Mã (*)" with the value "HH", "Tên (*)" with the value "Hàng hóa", and "Thuộc" which is a dropdown menu. At the bottom, there are three buttons: "Cắt", "Cắt & Thêm", and "Hủy bỏ".

- Khai báo các thông tin liên quan đến Nhóm vật tư, hàng hóa, dịch vụ sau đó nhấn <<Cắt để lưu chứng từ vừa nhập

Danh mục VTHH dùng để quản lý tình hình nhập, xuất, tồn của các VTHH.

Mỗi vật tư, hàng hóa sẽ mang một mã riêng. Việc đặt mã hiệu cho VTHH cũng giống như đặt mã hiệu cho đối tượng khách hàng, nhà cung cấp, nó do NSD tự đặt sao cho thuận tiện nhất và dễ nhớ nhất phù hợp với công tác quản lý vật tư, hàng hóa tại doanh nghiệp. Thông thường các doanh nghiệp hay lựa chọn cách đặt mã theo tên của VTHH. Trong trường hợp cùng một vật tư nhưng có nhiều loại khác nhau thì NSD có thể bổ sung thêm đặc trưng của VTHH đó.

Việc đặt mã cho vật tư, hàng hóa trong bảng mã vật tư, hàng hóa tương ứng với việc mở thẻ (sổ) chi tiết để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vật tư, hàng hóa, thành phẩm trong kế toán thủ công.

Để khai báo danh mục Vật tư hàng hóa, NSD tiến hành như sau:

- Vào menu **Danh mục\Vật tư hàng hóa**, chọn chức năng **Thêm**:

The screenshot shows a software window titled "Thêm Vật tư, hàng hóa, dịch vụ". It contains two main sections: "Thông tin chung" and "Ngâm định".

Thông tin chung:

- Mã (*): VT00001
- Tên (*): Điện thoại Nokia Lumia 520
- Tính chất (*): Vật tư hàng hóa
- Nhóm VTTH: HH
- Mô tả: (empty)
- ĐVT chính: Chiếc
- Thời hạn BH: 1 năm
- Số lượng tồn tối thiểu: 0,00
- Nguồn gốc: (empty)

Ngâm định:

Ngâm định	Chiết khấu	Đơn vị chuyển đổi	Mã gụy cách
Kho ngâm định	KHH		
Tài khoản kho	1561		
TK doanh thu	5111		
TK chi phí	632		
Tỷ lệ CKMH (%)	0,00		

Additional tax fields:

- Đơn giá mua: 3.480.000,00
- Đơn giá bán: 0,00
- Thuế suất GTGT (%): 10%
- Thuế suất thuế NK (%): 0,00
- Thuế suất thuế XK (%): 0,00
- Nhóm HHDV chịu thuế TTĐB: (empty)

Buttons at the bottom: Cắt, Cắt & Thêm, Hủy bỏ.

- NSD khai báo các thông tin liên quan đến Vật tư hàng hóa sau đó nhấn <<**Cắt** để lưu chứng từ vừa nhập

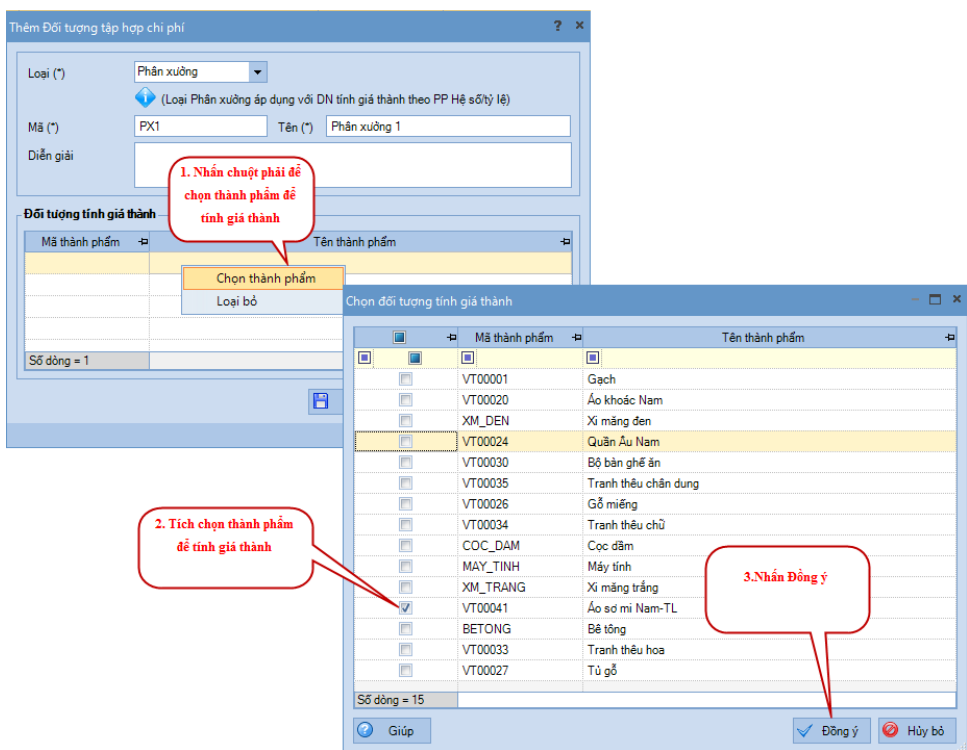
3.1.4 *Danh mục Đối tượng tập hợp chi phí*

Đối tượng tập hợp chi phí là phạm vi, giới hạn mà các chi phí phát sinh được tập hợp theo phạm vi, giới hạn đó. Danh mục Đối tượng tập hợp chi phí được thiết lập để tập hợp các yếu tố chi phí theo từng đối tượng tính giá thành khi phát sinh các chi phí liên quan trực tiếp đến đối tượng đó, đối với các chi phí chung sẽ được tập hợp chung và cuối kỳ phân bổ cho từng đối tượng tập hợp

chi phí theo từng tiêu thức nhất định.

Để khai báo danh mục đối tượng tập hợp chi phí, NSD tiến hành như sau:

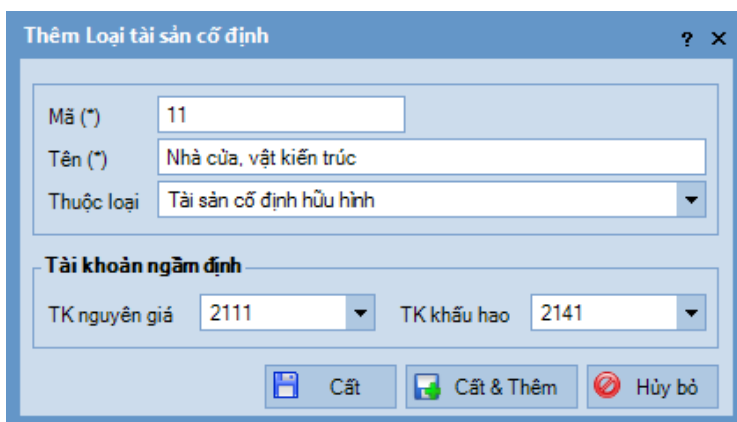
- Vào menu Danh mục\Đối tượng tập hợp chi phí
- Nhấn **Thêm** trên thanh công cụ để thêm mới đối tượng tập hợp chi phí



- Khai báo các thông tin liên quan đến Đối tượng tập hợp chi phí sau đó nhấn <<**Cất**>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- Đối tượng tập hợp chi phí như phân xưởng, thành phẩm, quy trình sản xuất hay công đoạn phục vụ cho các đơn vị tính giá thành theo phương pháp sản xuất liên tục - gián đoạn; phương pháp hệ số-tỷ lệ, phương pháp tính giá thành phân bước

3.1.5 *Danh mục loại Tài sản cố định*

Danh mục loại Tài sản cố định cho phép thiết lập danh mục loại TSCĐ được sử dụng cho doanh nghiệp, phục vụ cho công tác hạch toán và trích khấu hao TSCĐ. Hệ thống đã cập nhật sẵn một danh mục TSCĐ theo thống kê danh mục TSCĐ của Bộ Tài chính tại menu **Danh mục\Loại tài sản cố định**. Tuy nhiên, NSD có thể thêm hoặc sửa đổi danh mục này cho phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp



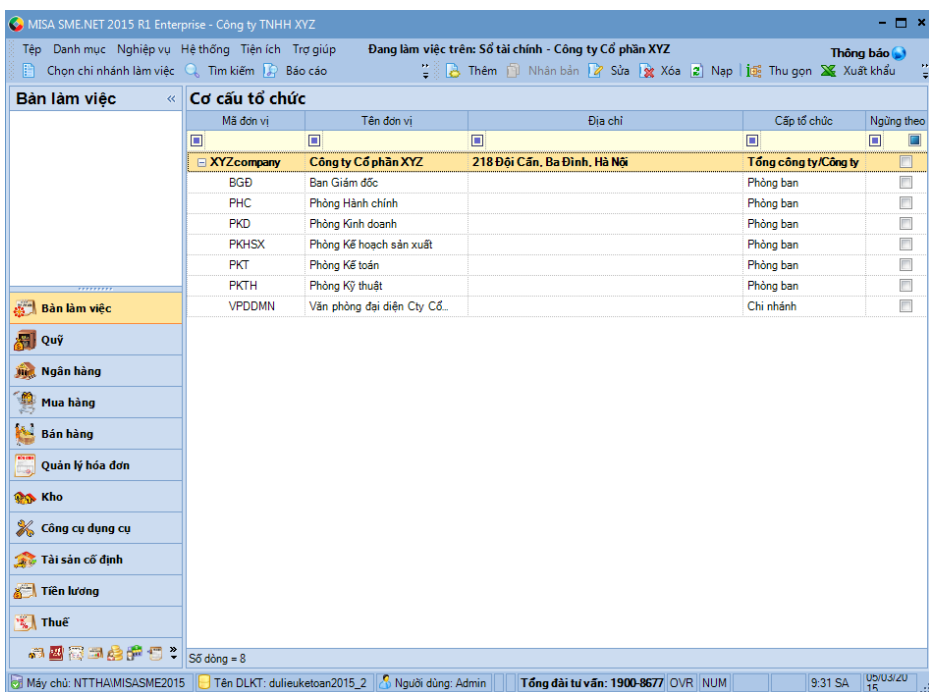
The screenshot shows a software dialog box titled "Thêm Loại tài sản cố định" (Add Fixed Asset Type). The dialog contains the following fields and controls:

- Mã (*)**: Text input field containing "11".
- Tên (*)**: Text input field containing "Nhà cửa, vật kiến trúc".
- Thuộc loại**: Dropdown menu with "Tài sản cố định hữu hình" selected.
- Tài khoản ngầm định** (Default Accounts) section:
 - TK nguyên giá**: Dropdown menu with "2111" selected.
 - TK khấu hao**: Dropdown menu with "2141" selected.
- Buttons**: "Cất" (Save), "Cất & Thêm" (Save & Add), and "Hủy bỏ" (Cancel).

3.1.6 *Danh mục Cơ cấu tổ chức*

Danh mục Cơ cấu tổ chức cho phép NSD thiết lập danh sách toàn bộ quản lý cơ cấu chi nhánh, phòng ban, bộ phận trong doanh nghiệp. Danh mục phòng ban không chỉ phục vụ cho công việc tính lương nhân viên mà còn sử dụng cho công việc theo dõi toàn bộ chi phí, TSCĐ, CCDC...theo phòng ban, đơn vị. Để tiến hành khai báo danh mục Cơ cấu tổ chức, NSD tiến hành như sau:

Vào menu **Danh mục\Cơ cấu tổ chức**.



- Mỗi doanh nghiệp sẽ chỉ có một cơ cấu với cấp tổ chức là **Tổng công ty/Công ty** => cơ cấu này sẽ được phần mềm tự động sinh ra khi kế toán thực hiện tạo một dữ liệu kế toán mới và nó tương đương với cấp tổ chức lớn nhất của doanh nghiệp. Với trường hợp này kế toán sẽ chọn chức năng **Sửa** trên thanh công cụ, nếu muốn bổ sung, thay đổi thông tin về doanh nghiệp:

Tab **Thông tin chung** cho phép khai báo các thông tin về doanh nghiệp

Sửa Cơ cấu tổ chức

1. Thông tin chung 2. Thông tin in lên báo cáo, chứng từ

Mã đơn vị (*) TCTXYZcompany

Tên đơn vị (*) Tổng Công ty XYZ

Thuộc đơn vị

Cấp tổ chức (*) Tổng công ty/Công ty

Địa chỉ 218 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Số đăng ký KD Ngày cấp Nơi cấp

Ngừng theo dõi

Cắt Cắt & Thêm Hủy bỏ

Tab **Thông tin lên báo cáo, chứng từ** cho phép khai báo các thông tin về đơn vị và người ký sẽ hiển thị các chứng từ hoặc báo cáo được in ra:

Sửa Cơ cấu tổ chức

1. Thông tin chung 2. Thông tin in lên báo cáo, chứng từ

Thông tin đơn vị

Tên đơn vị Công ty TNHH XYZ Mã số thuế 0101243150

Địa chỉ Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại 043 762 7891 Fax 043 762 9746 Email

Website TK ngân hàng 0124010015487

ĐV chủ quản Công ty Cổ phần MISA MST ĐV chủ quản

Người ký

Chức danh	Tiêu đề người ký	Tên người ký
Giám đốc	Giám đốc	Vũ Ngọc Đức
Kế toán trưởng	Kế toán trưởng	Hoàng Tuấn Phát
Thủ kho	Thủ kho	Ngô Tuyết Trinh
Thủ quỹ	Thủ quỹ	Nguyễn Mai Lan
Người lập biểu	Người lập báo cáo tính	Vũ Thị Ngọc

In tên người ký lên chứng từ, báo cáo Lấy tên người lập biểu theo tên người đăng nhập

Ngừng theo dõi

Cắt Cắt & Thêm Hủy bỏ

- **Khai báo cơ cấu có cấp tổ chức là Chi nhánh:** Chỉ có công ty Đa chi nhánh và khi tạo dữ liệu chọn có chi nhánh (hoặc trên **Hệ thống\Tuỳ chọn\Tuỳ chọn** chung có tích chọn thông tin **Có chi nhánh**) là mới thực hiện khai báo Chi nhánh. Để khai báo chi nhánh mới nhấn **Thêm** trên thanh công cụ.

Tab **Thông tin chung** cho phép khai báo các thông tin về chi nhánh

=> với các thông tin có ký hiệu (*) kế toán sẽ bắt buộc phải khai báo:

The screenshot shows a software window titled "Thêm Cơ cấu tổ chức" with two tabs: "1. Thông tin chung" (selected) and "2. Thông tin in lên báo cáo, chứng từ". The "1. Thông tin chung" tab contains the following fields and options:

- Mã đơn vị (*): VPNN
- Tên đơn vị (*): Văn phòng Hà nội
- Thuộc đơn vị (*): Tổng Công ty XYZ
- Cấp tổ chức (*): Chi nhánh
- Địa chỉ: (empty text box)
- Số đăng ký KD: (empty text box)
- Ngày cấp: (empty dropdown menu)
- Nơi cấp: (empty text box)
- Radio buttons: Hạch toán phụ thuộc, Hạch toán độc lập
- Checkbox: Kê khai thuế GTGT, TTĐB riêng

At the bottom right, there are three buttons: "Cắt", "Cắt & Thêm", and "Hủy bỏ".

- Tab **Thông tin lên báo cáo, chứng từ** cho phép khai báo các thông tin về đơn vị và người ký sẽ hiển thị các chứng từ hoặc báo cáo được in ra.

- Khai báo cơ cấu có cấp tổ chức là: Văn phòng/Trung tâm, Phòng ban, Phân xưởng, Nhóm/Tổ/Đội

- Nhấn chức năng **Thêm** trên thanh công cụ

Thêm Cơ cấu tổ chức

1. Thông tin chung




Mã đơn vị (*)

Tên đơn vị (*)

Thuộc đơn vị (*) Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC-DEF ▼

Cấp tổ chức (*) Phòng ban ▼

TK chi phí lương

 **Cất**  **Cất & Thêm**  **Hủy bỏ**

- Nhập mã, tên phòng ban
- Nhập tài khoản hạch toán chi phí lương tương ứng với phòng ban
- Nhấn **Cất** để lưu thông tin vừa khai báo.

3.1.7 *Danh mục Nhân viên*

Cho phép khai báo các thông tin liên quan đến nhân viên trong doanh nghiệp phục vụ cho việc quản lý và trả lương. Để khai báo danh mục nhân viên, NSD tiến hành như sau:

- Vào menu **Danh mục\Đối tượng\Nhân viên**
- Nhấn **Thêm** để tiến hành khai báo mới nhân viên

Thêm Nhân viên ? x

Là khách hàng Là nhà cung cấp

Thông tin chung

Mã (*)	NV00001	Chức danh	Nhân viên
Tên (*)	Hoàng Ngọc Mai	Đơn vị (*)	Phòng Kinh doanh
Giới tính	<input type="radio"/> Nam <input checked="" type="radio"/> Nữ	Lương thỏa thuận	5.600.000
Ngày sinh		Hệ số lương	
Mã số thuế		Lương đóng BH	3.000.000
Số CMND		Số người phụ thuộc	0
Ngày cấp		TK ngân hàng	012454000124
Nơi cấp		Mở tại NH	Ngân hàng TMCP Quân đội

Thông tin liên hệ

Địa chỉ			
ĐT di động		Email	
ĐT cố định			

Cất **Cất & Thêm** **Hủy bỏ**

- Nhập đầy đủ các thông tin liên quan.
- Nhấn <<**Cất** để lưu chứng từ vừa nhập.

3.1.8 *Danh mục Ngân hàng và tài khoản ngân hàng*

Danh mục ngân hàng dùng để khai báo thông tin về các ngân hàng mà doanh nghiệp mở nhằm phục vụ cho việc giao dịch với ngân hàng, thanh toán với khách hàng, nhà cung cấp qua tài khoản tiền gửi tại ngân hàng.

Danh mục tài khoản ngân hàng dùng để khai báo các tài khoản ngân hàng để lấy thông tin về các tài khoản này lên các chứng từ giao dịch liên quan như Nộp tiền vào tài khoản, Séc/ y nhiệm chi...

Để khai báo danh mục loại Tài khoản ngân hàng, NSD tiến hành như sau:

- Vào menu **Danh mục\Tài khoản ngân hàng**
- Nhấn **Thêm** trên thanh công cụ để thêm mới Tài khoản ngân hàng

- Khai báo các thông tin liên quan đến Tài khoản ngân hàng sau đó nhấn <<**Cắt**>> để lưu chứng từ vừa nhập

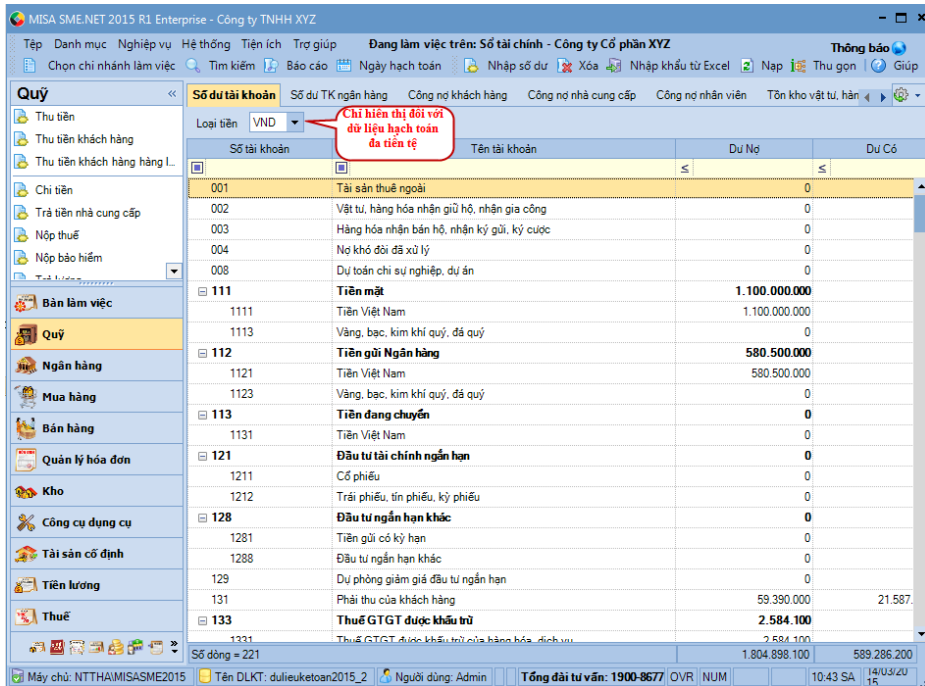
3.2 Nhập số dư ban đầu

Sau khi khai báo xong danh mục như khách hàng, nhà cung cấp, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định,... NSD sẽ tiến hành nhập số dư ban đầu cho các tài khoản. Số dư ở đây có thể là dư Nợ hoặc dư Có, là VND hay ngoại tệ.

Việc nhập số dư được thực hiện sau khi khai báo xong các danh mục ban đầu và trước khi hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

Hướng dẫn chung

- Để nhập số dư của các tài khoản, NSD vào menu **Nghiệp vụ\Nhập số dư ban đầu**



- Tại màn hình nhập số dư ban đầu, NSD kích đúp chuột vào các tài khoản cần nhập số dư, hoặc chọn tài khoản cần nhập, sau đó nhấn vào biểu tượng **Nhập** trên thanh công cụ hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl+N**.

□ Một số trường hợp đặc biệt cần theo dõi chi tiết:

Đối với một số tài khoản có nhiều tài khoản chi tiết như 131, 331, 334, 141... doanh nghiệp có thể theo dõi theo từng đối tượng; TK 112 số dư chi tiết theo từng tài khoản ngân hàng, quản lý số tồn VTHH theo từng kho; chi phí dở dang đầu kỳ của từng ĐTTHCP, công trình, đơn đặt hàng, hợp đồng bán.

□ **Nhập số dư ban đầu cho các TK chi tiết theo đối tượng:**

Các tài khoản thuộc nhóm cần theo dõi theo đối tượng như: 131, 138, 141, 331, 334, 338... NSD kích chọn chi tiết theo đối tượng cụ thể là khách hàng, nhà cung cấp hay là nhân viên.

Sửa Tài khoản

Thông tin chung

Số tài khoản (*) 131

Tên tài khoản (*) Phải thu của khách hàng

Tên tiếng Anh Accounts receivable - trade

TK tổng hợp

Tính chất Lường tính

Diễn giải

Có hạch toán ngoại tệ

Ngừng theo dõi

Theo dõi chi tiết theo

Đối tượng Khách hàng

Tài khoản ngân hàng

Đối tượng THCP

Công trình

Đơn đặt hàng

Hợp đồng bán

Khoản mục CP

Đơn vị

Mã thống kê

Cắt Cắt & Thêm Hủy bỏ

- Khi nhập số dư ban đầu, tại tab Số dư tài khoản NSD kích đúp vào TK131, 331...hoặc chọn tab Công nợ khách hàng, công nợ Nhà cung cấp, Công nợ nhân viên kích chuột vào chức năng **Nhập số dư** trên thanh công cụ.

Nhập số dư công nợ khách hàng

Số tài khoản 131

Số dư trên số: **Tài chính**

Mã khách hàng	Tên khách hàng	Dư Nợ	Dư Có	Chi tiết công nợ
CTY_BAODANH	Công ty TNHH Bảo Danh	32.514.000,00	0,00	Nhập chi tiết công nợ
CTY_HOANGCAU	Công ty Cổ phần Hoàng Cầu	0,00	0,00	Nhập chi tiết công nợ
CTY_PHUTHAI	Công ty TNHH Phú Thái	0,00	0,00	Nhập chi tiết công nợ
CTY_TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt	0,00	0,00	Nhập chi tiết công nợ
DL_NGOC YEN	Đại lý Ngọc Yến	0,00	0,00	Nhập chi tiết công nợ
Số đóng = 5		0,00	0,00	

Giúp Nhấn F6 để nhập chi tiết công nợ khách hàng

Cắt Đóng

1. Chọn tài khoản phát sinh công nợ khách hàng

2. Nhập tổng số dư công nợ của khách hàng

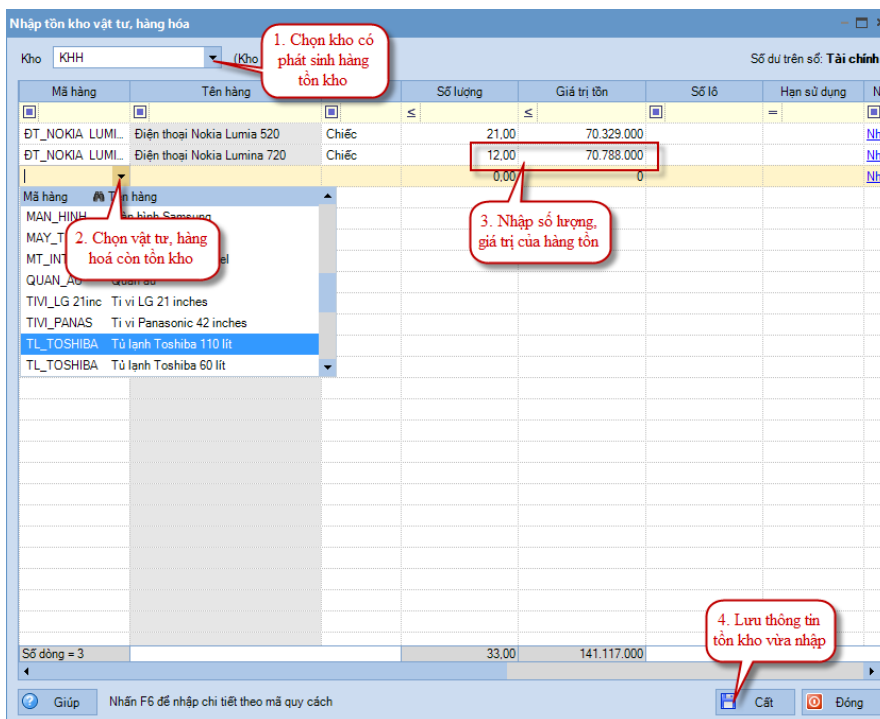
3. Lưu thông tin số dư vừa nhập

- Để quản lý chi tiết số dư công nợ của hóa đơn nào thì NSD nhấn “*Nhập chi tiết công nợ*” để nhập số dư chi tiết từng hóa đơn hoặc NSD có thể nhập khẩu từ Excel.

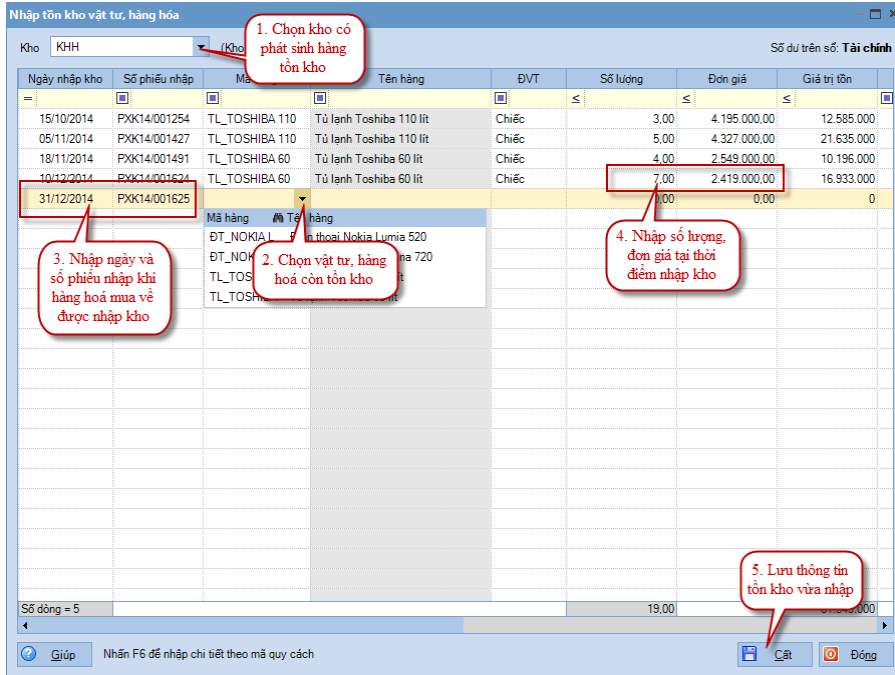
▮ **Nhập số dư Tồn kho Vật tư, hàng hóa.**

- Số dư tồn kho vật tư, hàng hóa giúp kế toán quản lý được số lượng, giá trị tồn trên từng kho của Vật tư, hàng hóa đầu kỳ là bao nhiêu.
- NSD vào phần **Nghiệp vụ Nhập số dư ban đầu**, tại tab **Tồn kho vật tư, hàng hoá**, NSD chọn chức năng **Nhập tồn kho** trên thanh công cụ hoặc **Nhập khẩu từ excel** theo mẫu ngầm định phần mềm (nếu có sẵn số liệu từ Excel).

- Với vật tư, hàng hoá áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là **Bình quân cuối kỳ hoặc Bình quân t ức thời**



- Với vật tư, hàng hoá áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là **Đích giá hoặc Nhập trước xuất trước**



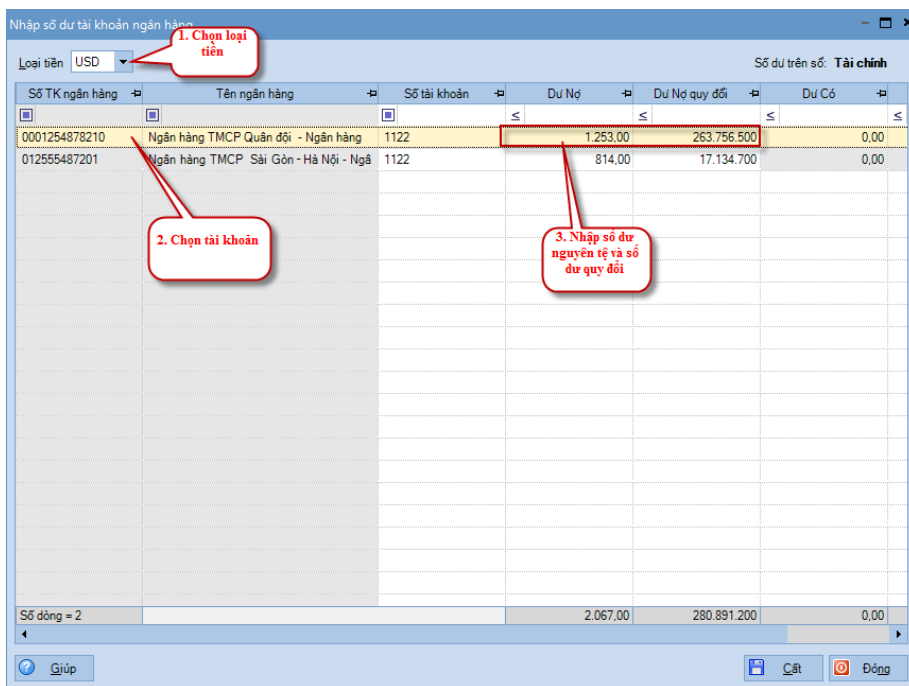
Chọn kho phát sinh hàng tồn và chọn vật tư hàng hoá còn tồn kho đầu kỳ.

Nhập ngày nhập kho, số phiếu nhập, số lượng, đơn giá cho từng lần nhập kho đã phát sinh của vật tư hàng hoá và các thông tin khác (nếu có) như: số lô, hạn sử dụng, nhập mã quy cách, số lượng theo đơn vị chính

Sau khi khai báo xong tồn kho vật tư, hàng hoá, nhấn <<Cất>>.

Nhập số dư TK ngân hàng

- Vào menu **Nghiệp vụ\Nhập số dư ban đầu**, tại tab **Số dư tài khoản** kích đúp vào tài khoản 112 hoặc tại tab **Số dư tài khoản ngân hàng**, chọn chức năng **Nhập số dư** trên thanh công cụ



- Chọn loại tiền ngoại tệ có phát sinh số dư cần nhập.
- Chọn tài khoản và nhập số dư cho các tài khoản ngân hàng có phát sinh số dư ban đầu.
- Sau khi nhập xong, nhấn <<Cất>>.

Nhập Chi phí dở dang

- Vào menu **Nghiệp vụ/Nhập số dư ban đầu**, chọn Tab **Chi phí dở dang**, NSD chọn nhập dở dang đầu kỳ cho Đối tượng tập hợp chi phí, cho công trình, đơn đặt hàng hay hợp đồng, sau đó chọn chức năng **Nhập chi phí** trên thanh công cụ.

MISA SME.NET 2015 R1 Enterprise - Công ty TNHH XYZ

Đang làm việc trên: Sổ tài chính - Công ty Cổ phần XYZ

Chọn chỉ nhánh làm việc: Tìm kiếm: Báo cáo: Ngày hạch toán: Nhập chi phí: Xóa: Nhập khẩu từ Excel: Nạp: Giúp

Quỹ: Công nợ khách hàng | Công nợ nhà cung cấp | Công nợ nhân viên | Tên kho vật tư, hàng hóa | **Chi phí dở dang**

Đối tượng tập hợp chi phí | Công trình | Đơn đặt hàng | Hợp đồng bán

Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Loại đối tượng THCP	NVL trực tiếp	Nhấn công trực tiếp	Chi
Tim kiểm					
ASMN_TL	Sơ mi NamTL	Phần xưởng	0	0	
COC_DAM	Cọc dầm	Sản phẩm	0	0	
CPQAN	Phần xưởng tập hợp Chi phí quần Áo Nam	Phần xưởng	0	0	
FX_COC_DAM	Phần xưởng sản xuất cọc dầm	Phần xưởng	28.514.000	31.585.000	
QT_S	Quy trình sản xuất áo	Quy trình sản xuất	0	0	
QTS	Quy trình sản xuất xi măng	Quy trình sản xuất	59.000.000	108.900.000	
NC	Nhấn dầm	Công đoạn	59.000.000	108.900.000	
QTSXTG	Quy trình sản xuất tủ gỗ	Quy trình sản xuất	0	0	
CDSXGM	Công đoạn sản xuất Gỗ miếng	Công đoạn	0	0	
CDSXTG	Công đoạn sản xuất tủ gỗ	Công đoạn	0	0	
VT00020	Áo khoác Nam	Sản phẩm	120	22	
XM_DEN	Xi măng đen	Sản phẩm	0	0	
XM_TRANG	Xi măng trắng	Sản phẩm	0	0	
Số dòng = 13			87.514.120	140.485.022	

Máy chủ: NTTHA\MISASME2015 | Tên DLKT: dulieuketoan2015_2 | Người dùng: Admin | Tổng đài tư vấn: 1900-8677 | OVR | NUM | 9:23 SA | 15/05/2015

- Nhập chi phí dở dang của từng khoản mục chi phí, tương ứng với từng đối tượng tập hợp chi phí.
- Trường hợp muốn nhập chi phí dở dang chi tiết theo từng yếu tố chi phí, kế toán tích chọn vào thông tin **Nhập chi tiết theo các yếu tố chi phí**:

Khai báo chi phí dở dang đầu kỳ cho đối tượng THCP

Nhập chi tiết theo các yếu tố chi phí

1. Tích chọn

Chi phí	Tên đối tượng THCP	Loại đối tượng THCP	NVL trực tiếp	Nhân công trực tiếp	NVL gián tiếp	Nhân công gián tiếp	Khấu hao	Chi phí mua ngoài	Chi phí khác	Tổng chi phí
COC_DAM	Cọc dầm	Sản phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0
PX_COC_DAM	Phần xuất xưởng	Phần xuất xưởng	28.514.000	31.585.000	0	0	0	0	20.514.000	80.613.000
QTSX_XI_MANG	Quy trình sản xuất	Quy trình sản xuất	59.000.000	108.900.000	0	0	0	0	67.820.000	235.720.000
NGHIEN_DA	Giai đoạn nghiên cứu	Công đoạn	59.000.000	108.900.000	0	0	0	0	67.820.000	235.720.000
XM_DEN	Xi măng đen	Sản phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0
XM_TRANG	Xi măng trắng	Sản phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0
Số dòng = 6			87.514.000	140.485.000	0	0	0	0	88.334.000	316.333.000

2. Nhập chi phí dở dang theo từng yếu tố chi phí

Tự động chuyển dữ liệu từ khoản mục Chi phí chung sang yếu tố Chi phí khác

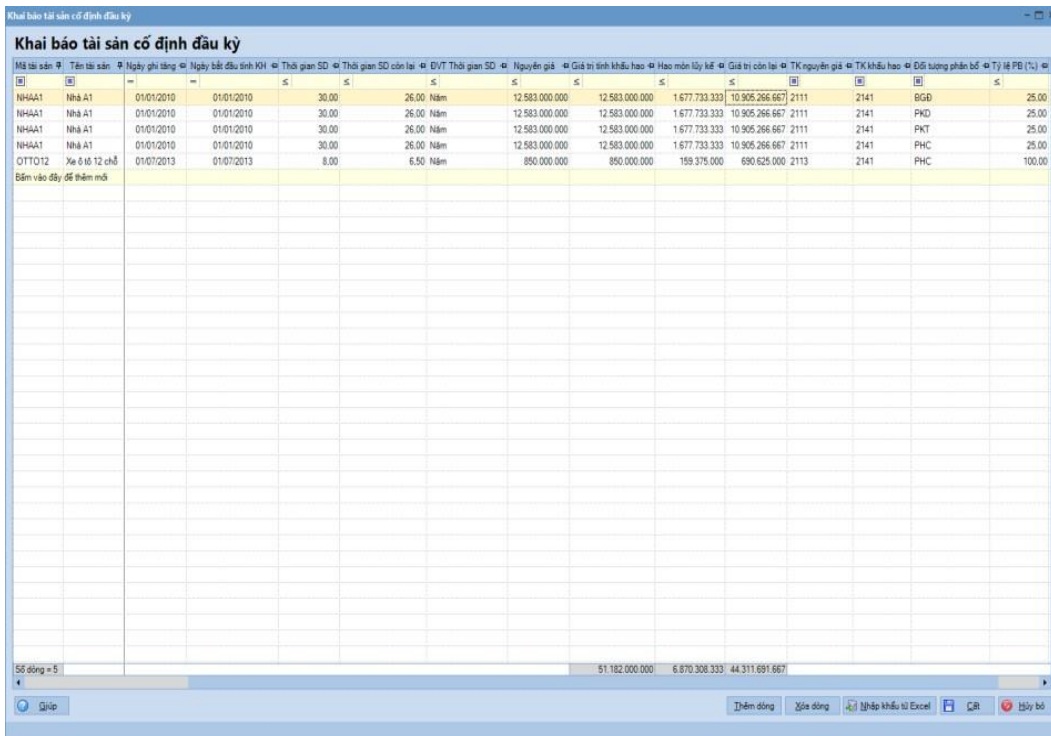
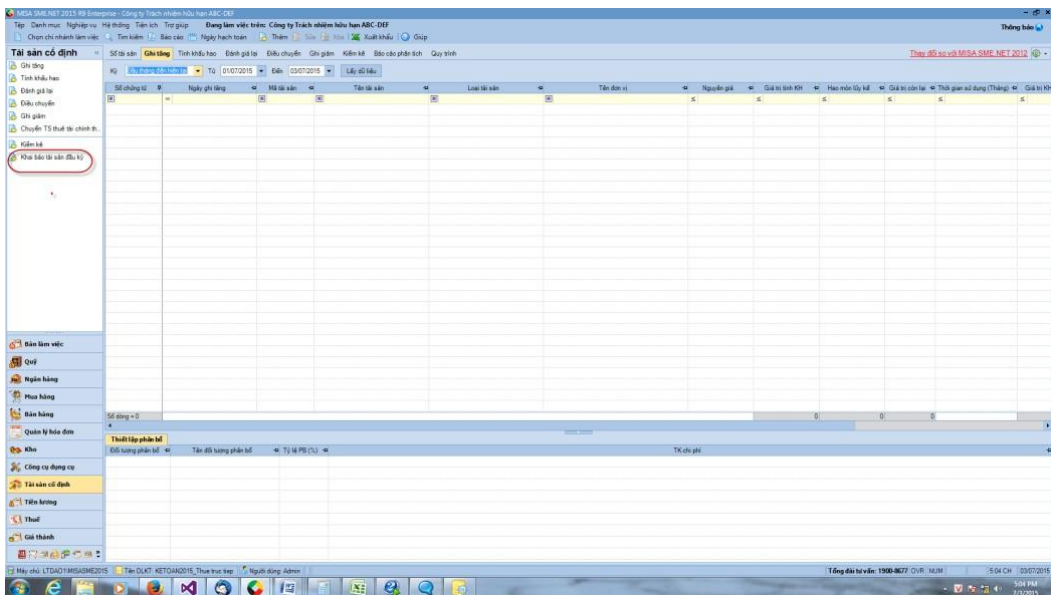
Số dòng = 6

Giúp Nhập khẩu từ Excel Cất Hủy bỏ

☐ Sau khi khai báo xong, nhấn <<Cất>>.

☐ Khai báo Tài sản cố định đầu kỳ.

- Tại phân hệ **Tài sản cố định**, chọn chức năng **Khai báo tài sản đầu kỳ** bên thanh tác nghiệp (hoặc vào menu **Nghiệp vụ\Tài sản cố định\Khai báo tài sản đầu kỳ**).



- Nhập các thông tin chi tiết cho tài sản cố định năm trước như: Mã tài sản, Tên tài sản, Ngày ghi tăng, Ngày bắt đầu sử dụng, Nguyên giá, Giá trị tính khấu hao...

4. Một số chức năng khác

MISA SME.NET 2015 còn cung cấp một số tiện ích quản trị như: lưu trữ bảo quản dữ liệu, phục hồi dữ liệu, cập nhật phần mềm... giúp kế toán làm việc một cách hiệu quả nhất, đảm bảo an toàn về dữ liệu.

4.1 Lưu trữ, bảo quản số kế toán

▮ Mục đích

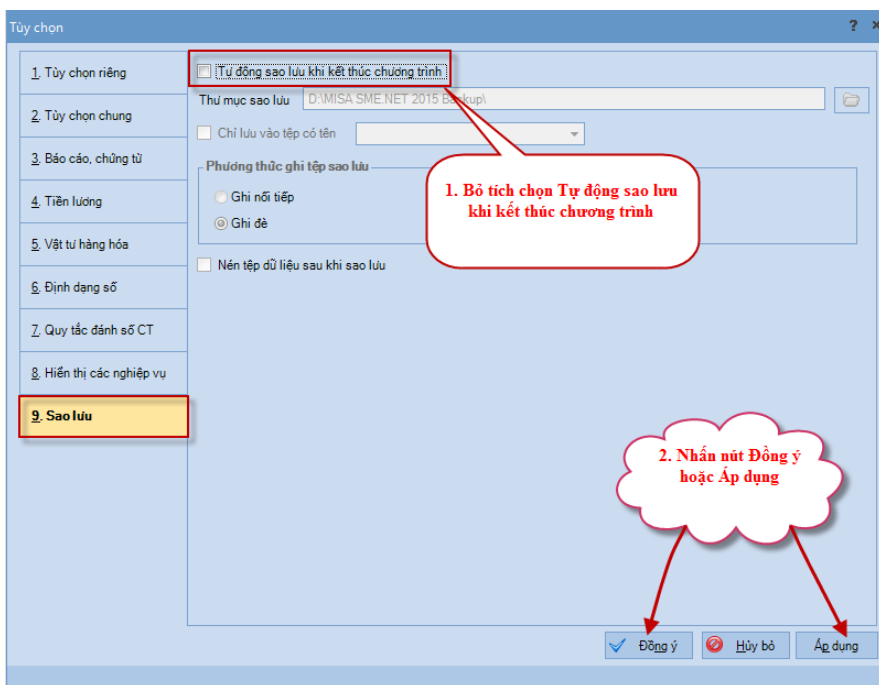
Kế toán thường phải lập các bản sao lưu, dự phòng khi theo dõi số kế toán trên máy vi tính nhằm đảm bảo an toàn cho các chứng từ, sổ sách, báo cáo trong trường hợp gặp sự cố bất thường xảy ra do nhiều nguyên nhân khác nhau. Việc lập các bản sao này có thể diễn ra định kỳ hoặc không định kỳ tùy thuộc vào thiết lập ban đầu của NSD.

Trong phần mềm kế toán, thao tác sao lưu sẽ tạo ra một bản sao toàn bộ các chứng từ, sổ sách hoàn toàn giống so với bản gốc, làm giảm tối đa hậu quả khi có sự cố. Các bản sao lưu này nên được cất giữ ở vị trí an toàn như: ổ cứng, băng từ...

▮ Cách thực hiện

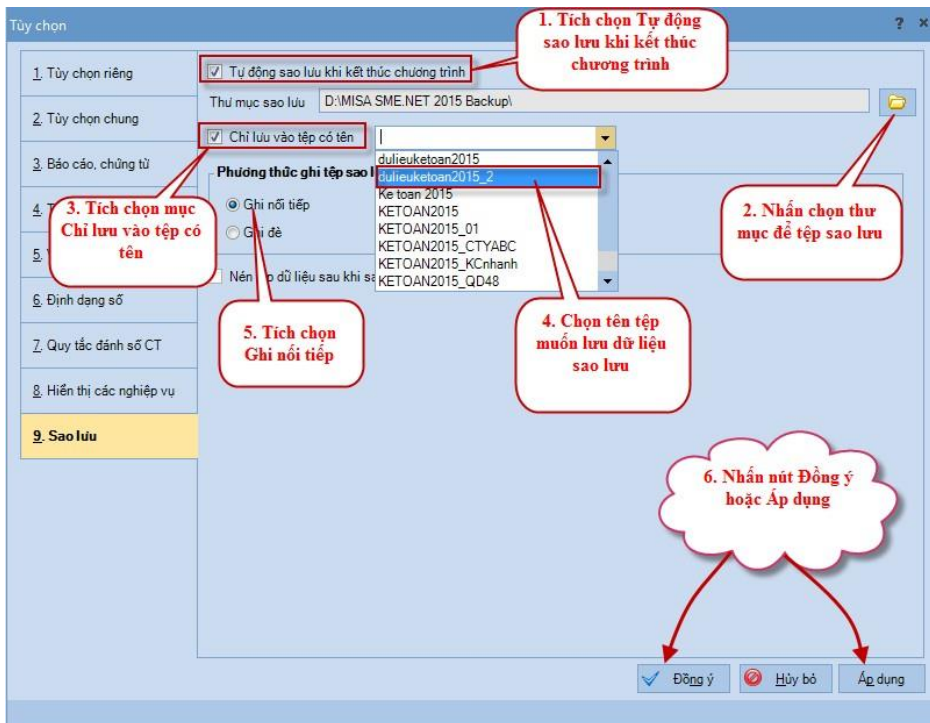
- Trên giao diện phần mềm, vào menu **Hệ thống\Tùy chọn\Sao lưu,**

NSD tùy chọn sử dụng các thao tác



- NSD chọn Tự động sao lưu sau khi kết thúc chương trình và chọn thư mục sao lưu. Nếu tích chọn “**Chỉ sao lưu vào tệp có tên**”, trên màn hình hộp thoại Tùy chọn thực hiện một trong hai phương thức sao lưu như sau:

□ **Phương thức 1 - Ghi nối tiếp:** khi sao lưu dữ liệu hệ thống sẽ ghi nối tiếp lên dữ liệu đã sao lưu và tên sẽ đặt theo tên của dữ liệu đã chọn. NSD thao tác các bước như hình dưới đây.



☐ **Phương thức 2 - Ghi đè:** khi sao lưu dữ liệu hệ thống sẽ ghi đè lên file dữ liệu đã sao lưu và tên sẽ đặt theo tên của dữ liệu đã chọn. NSD thao tác các bước như hình dưới đây.

- NSD nên tích chọn “**Nén tệp dữ liệu sau khi giao lưu**”.

4.2 Cập nhật phần mềm theo thông báo của nhà cung cấp

4.2.1 Mục đích: Cho phép tự động cập nhật các phiên bản mới nhất của MISA SME.NET 2015 mà không cần cài đặt lại từ đĩa DVD hay download bộ cài về. Tuy nhiên tính năng này đòi hỏi máy tính phải được kết nối internet.

4.2.2 Cách thực hiện.

- Trên giao diện phần mềm, vào menu **Trợ giúp\Tự động cập nhật**,



- Nhấn **Cập nhật** , hệ thống sẽ cập nhật phiên bản mới



- Sau khi cập nhật thành công, xuất hiện giao diện thông báo phiên bản mới nhất vừa cập nhật:



4.3 Phục hồi dữ liệu kế toán

4.3.1 Mục đích: Trong quá trình hạch toán, sử dụng các phần mềm kế toán, NSD có thể bị mất các chứng từ, sổ sách, báo cáo đã lập do nhiều nguyên nhân khác nhau. Khi đó nếu NSD đã từng lập các bản sao dự phòng thì có thể tiến hành phục hồi lại các bản sao đó, sau đó in lại sổ sách, báo cáo bị mất.

4.3.2 Cách thực hiện

- Việc phục hồi dữ liệu kế toán được tiến hành như sau: NSD vào menu

**Start\Programs\MISA SME.NET 2015\MISA SME.NET 2015
Tools\Data Manager 2015.**

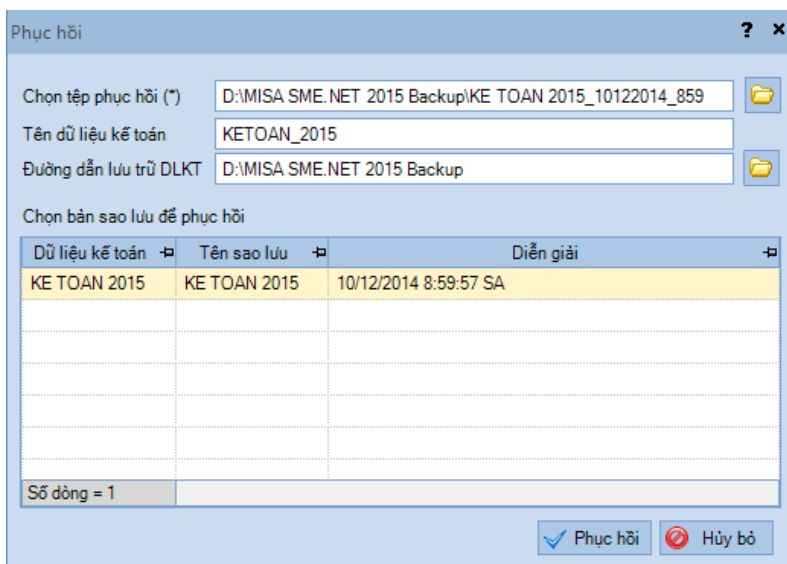


• Nhấn << Đồng ý >>

Tên dữ liệu kế toán	Phiên bản	Dung lượng (MB)	Ngày tạo	Tệp dữ liệu kế toán
DLVIETTHANG_DONVITINH	SME2015-R9.10	204.44	01/07/2015 9:31:00 SA	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\
DLVIETTHANG_DONVITINH_2015	SME2015-R8.19	153.25	20/06/2015 8:42:05 SA	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\
KETOAN2015	SME2015-R9.10	525.31	15/05/2015 1:30:24 CH	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\
KETOAN2015_QD48	SME2015-R6.4	185.12	15/06/2015 10:07:12 SA	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\
KETOAN2015_Thue truc tiep	SME2015-R9.10	253.19	22/06/2015 8:15:52 SA	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\
KTMarina_Thue_2014_0803_2015	SME2015-R8.19	276.31	19/06/2015 9:25:19 SA	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\
MISASME2015Sample	SME2015-R8.19	294.81	16/06/2015 9:16:12 SA	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\
TEST DON VI CHUYEN DOI	SME2015-R9.10	204.44	01/07/2015 9:36:07 SA	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\
TEST DON VI CHUYEN DOI_2015	SME2015-R9.10	154.19	01/07/2015 9:05:17 SA	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\
TOANTIAN_2015	SME2015-R8.19	307.44	19/06/2015 2:13:52 CH	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\
VIETTHANGTHUE_2015_2015	SME2015-R9.10	250.19	19/06/2015 1:34:30 CH	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\
VIETTHANGTHUE_2015CD	SME2015-R9.6	269.94	18/06/2015 1:55:55 CH	C:\MISA JSC\MISA SME NET 2015\Data\

Số dòng = 12

• Trên thanh công cụ kích chọn biểu tượng **Phục hồi**



- Chọn tệp phục hồi: chọn tệp dữ liệu đã được sao lưu trước đó, tệp dữ liệu có định dạng **.mbk** (VD: KETOAN_2015.mbk)
- Tên dữ liệu kế toán: chương trình tự động hiển thị tên dữ liệu kế toán phục hồi, NSD có thể sửa lại
- Đường dẫn lưu trữ DLKT: Chọn đường dẫn lưu dữ liệu kế toán sau khi phục hồi
- Trường hợp tệp sao lưu trước đó được sao lưu nối tiếp, thì NSD cần chọn bản sao lưu cần phục hồi
- Nhấn <<**Phục hồi**>>, hệ thống sẽ thực hiện phục hồi lại dữ liệu đã chọn

BÀI 2: THỰC HÀNH KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

▣ Nguyên tắc hạch toán

▣ Mô hình hoạt động thu chi tiền mặt, tiền gửi

▣ Sơ đồ hạch toán kế toán vốn bằng tiền

▣ Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

1. Nguyên tắc hạch toán

⌋ Doanh nghiệp phải sử dụng thống nhất đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam. Muốn sử dụng đồng tiền ngoại tệ để ghi sổ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Tài chính.

⌋ Nếu sử dụng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

⌋ Hạch toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ở TK tiền mặt phải tính ra tiền theo giá thực tế tại thời điểm phát sinh, phải theo dõi chi tiết số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất từng loại và không áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

⌋ Vào cuối mỗi kỳ, kế toán phải điều chỉnh lại các ngoại tệ theo tỷ giá thực tế.

2. Thực hành kế toán vốn bằng tiền

2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ

□ Mẫu phiếu thu

Công ty TNHH XYZ
Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Mẫu số: 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU
Ngày 19 tháng 01 năm 2015

Quyển số:

Số: PT00005
Ng: 1111
Có: 711

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Loan
Địa chỉ: 2548 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội
Lý do nộp: Thu từ việc thanh lý TSCĐ
Số tiền: **2.517.000 VND**
Viết bằng chữ: **Hai triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng chẵn.**
Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày... tháng ... năm...

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

Vũ Ngọc Đức Hoàng Tuấn Phát Nguyễn Thị Loan Nguyễn Mai Lan

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng chẵn.

□ **Mẫu phiếu chi**

Công ty TNHH XYZ
Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Mẫu số: 02 - TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Quyển số:

Số: PC00022
Ng: 331
Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH Hồng Hà
Địa chỉ: 1078 Phố Huế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Lý do chi: Trả tiền nhà cung cấp
Số tiền: **25.000.000 VND**
Viết bằng chữ: **Hai mươi lăm triệu đồng chẵn.**
Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày.....tháng.....năm.....

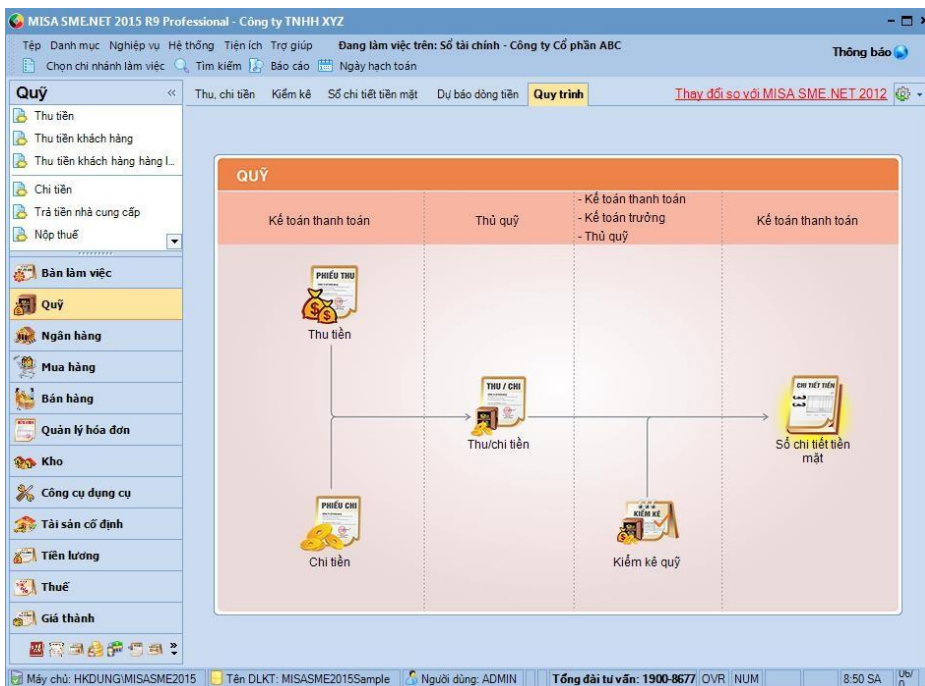
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--------------------------------	--	--

Vũ Ngọc Đức Hoàng Tuấn Phát Nguyễn Mai Lan

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi lăm triệu đồng chẵn.

Với vai trò kế toán tiền mặt

Bước 1: Chọn đến phân hệ **Quỹ**.



Bước 2: Chọn loại chứng từ cần lập: Phiếu thu hoặc Phiếu chi.

Bước 3: Lập chứng từ theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Một số thông tin chung cho các nghiệp vụ:

- Lý do thu/chi: Mô tả nội dung của nghiệp vụ phát sinh.
- Ngày chứng từ: Là ngày phát sinh của chứng từ, ngày này phải nằm trong năm làm việc hiện thời và lớn hơn ngày khóa sổ kế toán kỳ kế toán trước.
- Ngày hạch toán: Là ngày ghi sổ chứng từ => thông thường, ngày hạch toán trùng với ngày chứng từ.
- Số chứng từ: Do NSD tự đặt, thông thường số chứng từ thường

gắn với loại chứng từ (Ví dụ: Phiếu thu - PT000..., Phiếu chi - PC000...). Trong phần mềm số chứng từ thường được đánh tăng dần căn cứ vào số chứng từ đặt đầu tiên. Tuy nhiên, NSD vẫn có thể sửa lại số chứng từ của các chứng từ đã hạch toán nếu muốn.

Với vai trò thủ quỹ

Bước 1: Chọn đến phân hệ **Thủ quỹ**.

Bước 2: Sau khi thủ quỹ thực hiện thu, chi tiền thì tiến hành ghi sổ

chứng từ thu/chi tiền mặt. Phần mềm sẽ cho phép thủ quỹ xem được Sổ quỹ để quản lý số tồn tại quỹ trên sổ sách và đối chiếu với số tồn thực tế.

The screenshot shows the MISA SME.NET 2015 R9 Professional interface. The main window displays a table of transactions with columns: Ngày ghi sổ quỹ, Ngày hạch toán, Ngày chứng từ, Số chứng từ, Loại tiền, Số tiền, Quy đổi, Người nhận/Người nộp, and Loại chứng từ. A dialog box titled 'Ghi sổ quỹ' is open, showing options for 'Ghi sổ theo ngày hạch toán trên chứng từ' and 'Ghi sổ theo ngày 06/07/2015'. The dialog also has a 'Ghi chú' field and buttons for 'Ghi sổ' and 'Hủy bỏ'.

Ngày ghi sổ quỹ	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Loại tiền	Số tiền	Quy đổi	Người nhận/Người nộp	Loại chứng từ	
11/05/2015	11/05/2015	11/05/2015	PT00124	Thu hoàn thuế GTGT	VND	20.000.000	20.000.000	Phiếu thu	
30/01/2015	30/01/2015	30/01/2015	PC00003	Thu hoàn thuế sau khi	VND	3.300.000	3.300.000	Phiếu chi	
16/01/2015	16/01/2015	16/01/2015	PT00003	Thu hoàn ứng sau khi	VND	1.500.000	1.500.000	Trần Đức Chi	Phiếu thu
16/01/2015	16/01/2015	16/01/2015	PC0115.002	Chi mua văn phòng p	VND	1.650.000	1.650.000		Phiếu chi
15/01/2015	15/01/2015	15/01/2015			VND	16.500.000			Phiếu chi
15/01/2015	15/01/2015	15/01/2015			VND	10.000.000	Nguyễn Văn Bình	Phiếu chi	
13/01/2015	13/01/2015	13/01/2015			VND	190.000.000			Phiếu thu
					VND	4.000.000	Trần Đức Chi	Phiếu chi	
					VND	50.000.000	Nguyễn Thị Lan	Phiếu thu	

Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ tiền mặt.

VD: Ngày 05/01/2015 nhân viên Nguyễn Thị Lan rút 50.000.000 VND tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) về nhập quỹ.

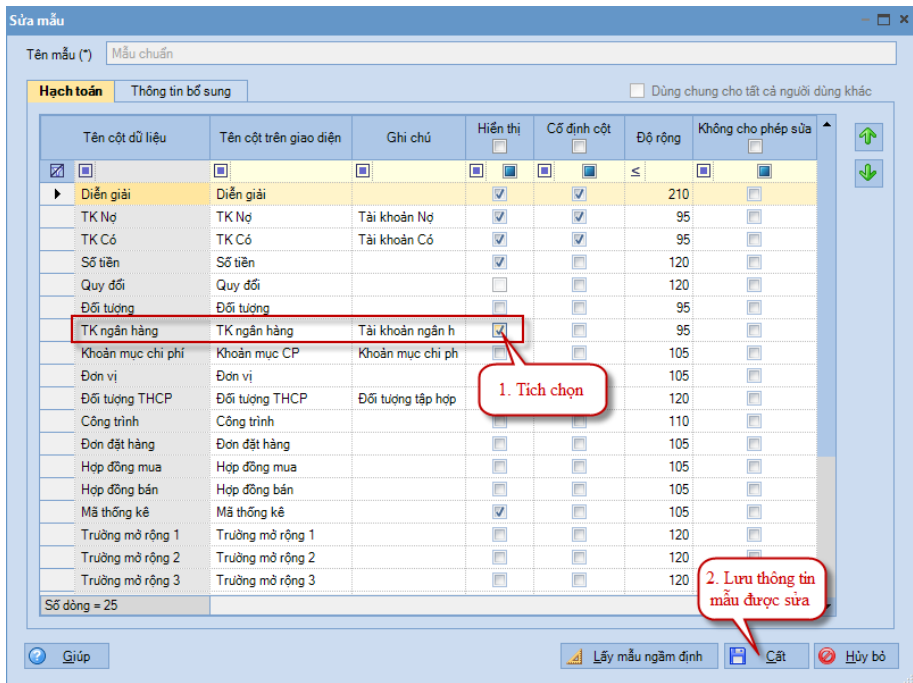
NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**, hoặc dùng phím **tắt Ctrl+N**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	TK ngân hàng	Mã thống kê
Rút tiền gửi về nộp quỹ	1111	1121	50.000.000	05401111970032	
Bấm vào đây để thêm mới					
Số dòng = 1			50.000.000		

- **Hiện thị trên sổ:** Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 86).
- **Đối tượng:** Chọn nhân viên là Nguyễn Thị Lan => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên nhân viên và tên người nộp.
- **Lý do nộp:** Chọn lý do là *“Rút tiền gửi về nộp quỹ”* từ trong danh sách. Với các trường hợp lý do nộp không giống như trong danh sách, NSD chọn là *“Thu khác”*, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh
- Ngày chứng từ: 05/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ 1111/Có TK 1121 (Phần mềm đã tự mặc định)
- Số tiền: 50.000.000 VND

- TK Ngân Hàng: Chọn chi tiết TK ngân hàng BIDV.
- Nhấn <<**Cất**>> để lưu phiếu thu vừa nhập.

Trường hợp trên phiếu thu không xuất hiện cột TK Ngân hàng. NSD chọn chức năng **Mẫu\Quản lý mẫu** trên thanh công cụ, sau đó chọn chức năng <<**Sửa**>>, xuất hiện hộp hội thoại sửa mẫu:



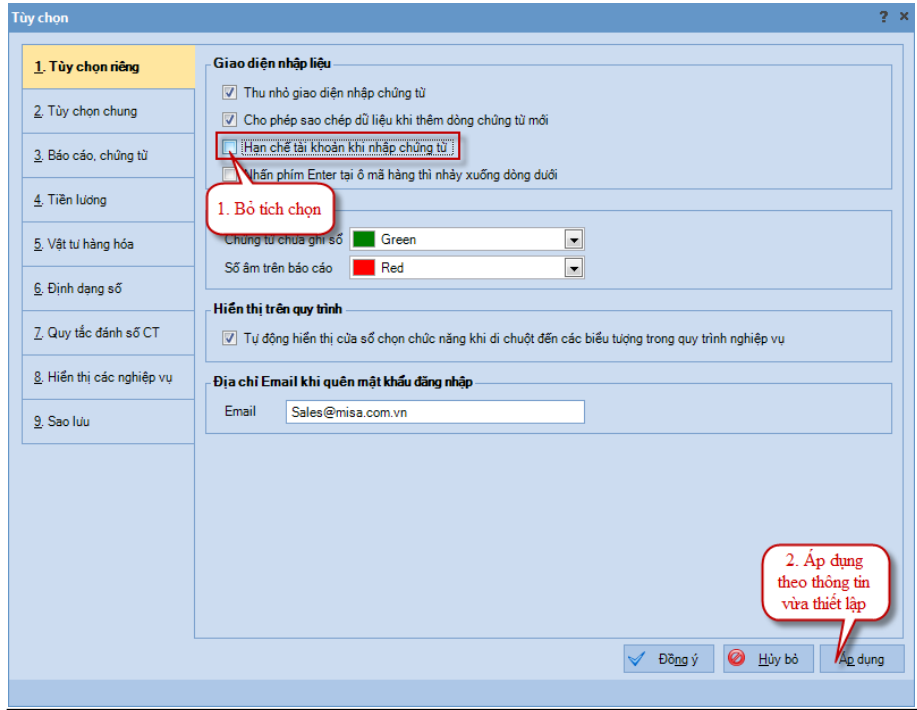
Sau khi sửa mẫu xong, tại hộp thoại **Quản lý mẫu**, NSD chọn chức năng <<**p dụng**>>, chương trình sẽ xuất hiện thêm cột chọn tài khoản ngân hàng trên màn hình nhập liệu chứng từ.

- Thu hồi các khoản đầu tư.
- VD: (Giả sử, ngày 06/01/2015 mua cổ phiếu của công ty Hà Thành, giá mua là 200.000.000 VND. Chưa thanh toán) Ngày 13/01/2015 bán cổ phiếu đầu tư, giá bán: 190.000.000 VND, đã thu bằng tiền mặt. Như vậy, doanh nghiệp bị lỗ 10.000.000 VND.
- NSD tiến hành nhập liệu nghiệp vụ bán cổ phiếu như sau => Tại phân hệ **Quỹ**,

chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

- **Hiện thị trên sổ:** Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 86).
- **Lý do nộp:** Chọn lý do nộp là “*Thu khác*” và nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 13/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- TK Nợ: TK 1111 (Phần mềm tự mặc định)/TK Có: chọn TK 1211 và nhập số tiền tương ứng là 190.000.000 VND
- Vì có phát sinh lỗ, thêm dòng và nhập vào phần diễn giải: Lỗ phát sinh và nhập Nợ TK 635/Có TK 1211 và nhập số tiền tương ứng là 10.000.000 VND
- TK Ngân Hàng: Chọn chi tiết TK ngân hàng phát sinh nghiệp vụ bán cổ phiếu.
- Nhấn <<**Cắt** để lưu phiếu thu vừa nhập.

Trong một số trường hợp nhập TK Nợ khác với TK1111, phần mềm báo lỗi. NSD vào menu **H thống\Tùy ch n\Tùy ch n riêng**



- Thu hồi các khoản phải thu

- Đối với khoản phải thu từ công nợ của khách hàng => xem chi tiết hướng dẫn tại Kế toán bán hàng và công nợ phải thu trang 202
- Đối với các khoản phải thu còn lại sẽ được thực hiện trên phiếu thu của phân hệ **Quỹ**, nhưng riêng khoản thu từ tạm ứng của nhân viên, kế toán còn phải thực hiện thêm chức năng quyết toán tạm ứng trên phân hệ **Tổng hợp**.

VD: (Giả sử ngày 12/01/2015 Trần Đức Chi tạm ứng 4.000.000 VND để đi công tác). Ngày 16/01/2015 Trần Đức Chi thanh toán khoản tạm ứng, số tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp là 2.500.000 VND. Số còn thừa là 1.500.000 VND, Trần Đức Chi đã nộp hoàn ứng bằng tiền mặt.

NSD tiến hành nhập liệu nghiệp vụ trên như sau

▮ Hạch toán nghiệp vụ quyết toán tạm ứng của nhân viên sau khi đi công tác về trên phân hệ **Tổng hợp**:

- Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Chứng từ quyết toán tạm ứng** (hoặc trên tab **Chứng từ nghiệp vụ khác** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ quyết toán tạm ứng**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải thuế	% thuế GTGT	Tiền
Thanh toán tiền tạm ứng	6427	141	2.500.000	Thuế giá trị gia tăng		
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 1			2.500.000			

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (
- Diễn giải: Nhập là “*Thanh toán tiền tạm ứng*”.
- Ngày chứng từ: 16/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK 6427/Có TK 141, số tiền 2.500.000 VND
- Tại cột Đối tượng có: chọn nhân viên là Trần Đức Chi.
- Nhấn <<**Cắt** để lưu chứng từ vừa nhập.

Hạch toán nghiệp vụ thu hồi khoản tạm ứng không chi hết của nhân viên trên phân hệ **Quỹ**:

- Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

Phiếu thu - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Hiển thị trên sổ: Sổ tài chính và quản trị

Thông tin chung

Đối tượng: TDCHI | Trần Đức Chi

Người nộp: Trần Đức Chi

Địa chỉ: [Empty]

Lý do nộp: Thu hoàn ứng | Thu hoàn ứng sau khi quyết toán tạm ứng nhân viên...

Kèm theo: [Empty] chứng từ gốc

Tham chiếu: [Empty]

Chứng từ

Ngày hạch toán: 16/01/2015

Ngày ghi sổ: 16/01/2015

Số chứng từ: PT00003

1. Hạch toán

Loại tiền: VND | Tỷ giá: 1,00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Mã thống kê
Thu hoàn ứng sau khi quyết toán tạm ứng	1111	141	1.500.000	TDCHI	
Bấm vào đây để thêm mới					
Số dòng = 1			1.500.000		

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Đối tượng: Chọn nhân viên là Trần Đức Chi => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên nhân, tên người nộp và cột Đối tượng.
- Lý do nộp: Chọn lý do là “Thu hoàn ứng”, hệ thống sẽ tự động hiển thị nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 16/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ 1111/Có TK 141 (Phần mềm đã tự mặc định)
- Số tiền 1.500.000 VND

- Lý do chi: Chọn lý do là “*Gửi tiền vào ngân hàng*” từ trong danh sách. Với các trường hợp lý do chi không giống như trong danh sách, NSD chọn là “*Chi khác*”, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh

- Ngày chứng từ: 15/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ 1121/Có TK 1111 (Phần mềm đã tự mặc định)
- Số tiền: 10.000.000 VND
- TK Ngân Hàng: Chọn chi tiết TK ngân hàng BIDV.
- Nhấn <<**Cất** để lưu phiếu chi vừa nhập.

- Chi phí phát sinh bằng tiền mặt

VD: Ngày 30/01/2015: Thanh toán tiền điện tháng 1 cho công ty Điện lực, số tiền chưa thuế là 3.000.000 VND (Tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp 2.000.000 VND, tính vào chi phí bán hàng là 1.000.000 VND). Thuế GTGT 10%, hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0012745, ký hiệu AB/15T.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Chi tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Đối tượng: Chọn đối tượng là Công ty Điện lực => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiện thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.

- Lý do chi: Chọn lý do là “*Chi khác*”, hệ thống sẽ tự động hiện thị nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.

- Ngày chứng từ: 30/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK 6427/Có TK 1111 và nhập số tiền tương ứng là 2.000.000VND

- Nợ TK 6417/Có TK 1111 và nhập số tiền tương ứng số tiền là 1.000.000 VND

- Thêm dòng phản ánh thuế GTGT: Nợ TK 1331/Có TK 1111 và số tiền là 300.000 VND

Phiếu chi - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Tiền ịch Mẫu In Giúp Đóng

Phiếu chi Hiện thị trên gổ Số tài chính

Thông tin chung

Đối tượng CT_DL Công ty Điện lực Hà Nội

Người nhận

Địa chỉ Số 75, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Lý do chi Chi khác

Nhân viên Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán 30/01/2015

Ngày chứng từ 30/01/2015

Số chứng từ PC00003

1. Hạch toán 2. Thuế Loại tiền VND Tỷ giá 1,00

Diễn giải	TK No	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Khoản mục CP	Đơn vị	E
Thanh toán tiền điện tháng 1	6427	1111	2.000.000	CT_DL			
Thanh toán tiền điện tháng 1	6417	1111	1.000.000	CT_DL			
Thuế GTGT	1331	1111	300.000	CT_DL			
Bấm vào đây để thêm mới							
			3.300.000				

Số dòng = 3

- Ở phần **Thuế**, nhập mức thuế suất: 10% phần mềm tự động tính ra giá tính thuế. NSD nhập các thông tin về hóa đơn như: ký hiệu hóa đơn AB/15T, số 0012745. Nhóm hàng hóa dịch vụ: 1

Phiếu chi - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Tiền ịch Mẫu In Giúp Đóng

Phiếu chi Hiện thị trên gổ Số tài chính

Thông tin chung

Đối tượng CT_DL Công ty Điện lực Hà Nội

Người nhận

Địa chỉ Số 75, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Lý do chi Chi khác

Nhân viên Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán 30/01/2015

Ngày chứng từ 30/01/2015

Số chứng từ PC00003

1. Hạch toán 2. Thuế Loại tiền VND Tỷ giá 1,00

Diễn giải	TK thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	% thuế GTGT	Giá trị HHĐV chưa thuế	Ký hiệu HD	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn
Thuế giá trị gia tăng	1331	300.000	10%	3.000.000	AB/15T	30/01/2015	0012745
Bấm vào đây để thêm mới							
		300.000		3.000.000			


Số dòng = 1

- Nhấn <<Cắt để lưu phiếu chi vừa nhập.

2.2 Kế toán tiền gửi


Giấy báo Có

Ngân Hàng A Châu Chi nhánh: ACB - CN CHUA HA	GIAY BAO CO Ngày: 02-03-2010	Ma GDV: Ma KH: 44048 So GD:
Kính gọi: CTY CP MISA Ma số thuế: 0101243150		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CO tại khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
So tài khoản ghi CO:	21137519	
So tiền bằng số:	4,500,523.00	
So tiền bằng chữ:	BON TRIEU NAM TRAM NGAN NAM TRAM HAI MUOI BA DONG CHAN	
Nội dung:	Lai nhập vốn	
Giao dịch viên	Kiểm soát	




Giấy báo Nợ

Ngân Hàng A Châu Chi nhánh: ACB - CN CHUA HA	GIAY BAO NO Ngày: 02-03-2010	Ma GDV: NGUYEN THU HANG Ma KH: 44048 So GD: 13
Kính gọi: CTY CP MISA Ma số thuế: 0101243150		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NO tại khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
So tài khoản ghi NO:	21137519	
So tiền bằng số:	4,000,000,000.00	
So tiền bằng chữ:	BON TY DONG CHAN	
Nội dung:	CK GUI KY HAN: DAU TU LINH HOAT 12 THANG -KY NHAN LAI HANG 1 THANG	
Giao dịch viên	Kiểm soát	



Ủy nhiệm chi

	ỦY NHIỆM CHI/ PAYMENT ORDER	Số/ No: UNC00002
Ngày/ Date: 15/01/2011		
_____ ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ APPLICANT _____		
Tên tài khoản/ Acct's Name: Công ty TNHH ABC		
Số tài khoản/ Acct No: 900011110010 Tại ngân hàng Á Châu_ Chi nhánh/ At ACB_Branch:		
_____ ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ BENEFICIARY _____		
Đơn vị thụ hưởng/ Beneficiary: Đại lý Ô tô Long Biên		
<input type="checkbox"/> Số tài khoản/ Acct No:		
<input type="checkbox"/> CMND/Hộ chiếu/ ID Card/PP No: Ngày cấp/ Date: Nơi cấp/ Place:		
Tại ngân hàng/ Beneficiary's Bank: Tỉnh, TP/ Province, City:		
Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Năm trăm năm mươi triệu đồng Bảng số/ In figures: 550.000.000 chẵn.		
Nội dung/ Details: Ghi tăng TSCĐ		
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ Applicant	NGÂN HÀNG Á CHÂU/ ACB	NGÂN HÀNG B/ B Bank
Kế toán trưởng Chủ tài khoản	Ghi số ngày/ Post Date: ... / ... /	Ghi số ngày/ Post Date: ... / ... /
Chief Accountant Account Holder	Giao dịch viên Trưởng đơn vị	Giao dịch viên Trưởng đơn vị
	Teller Manager	Teller Manager

Thu hồi các khoản đầu tư tài chính

VD: Ngày 14/01/2015, kế toán nhận được giấy báo Có của ngân hàng về khoản đầu tư tài chính được thu hồi từ Công ty TNHH Hoàng Cầu với số tiền là 121.857.000 VND. Lãi thu được từ đầu tư là 20.157.000 VND.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Ngân hàng**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

Thu tiền gửi - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Thu tiền gửi

Hiện thị trên số: Số tài chính và quản trị

Thông tin chung

Đối tượng: CTY_HOANG CAU Công ty Cổ phần Hoàng Cầu

Địa chỉ: 1235 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Nộp vào TK: 0540111970032 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Lý do thu: Thu khác Thu từ khoản đầu tư tài chính

Nhân viên thu:
 Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 14/01/2015

Ngày ghi sổ: 14/01/2015

Số chứng từ: NTTK00001

1. Hạch toán Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Đơn vị	Công trình
Thu hồi khoản đầu tư tài chính	1121	222	121.857.000	CTY_HOANG C		
Thu hồi lãi đầu tư tài chính	1121	515	20.157.000	CTY_HOANG C		
Bấm vào đây để thêm mới						
			142.014.000			

Số dòng = 2

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Đối tượng: Chọn đối tượng là công ty Hoàng Cầu => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên đối tượng.
- Nộp vào TK: Chọn TK ngân hàng BIDV
- Lý do thu: Chọn lý do là “Thu khác”, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh
- Ngày chứng từ: 14/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK 1121/Có TK 222 và nhập số tiền là 121.857.000 VND
- Nợ TK 1121/Có TK 515 và nhập số tiền là 20.157.000 VND
- Nhấn <<Cắt để lưu chứng từ vừa nhập.
- Vay nợ dài hạn

VD: Ngày 23/01/2015, kế toán nhận được giấy báo Có của ngân hàng về khoản vay dài hạn từ Công ty TNHH Bảo Oanh với số tiền vay là 750.000.000 VND. NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Ngân hàng**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết

Thu tiền gửi - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Tiềm ích Mẫu In Giúp Đóng

Thu tiền gửi

Hiện thị trên số: Số tài chính và quản trị

Thông tin chung

Đối tượng: CTY_BAO OANH Công ty TNHH Bảo Oanh

Địa chỉ: 1024 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Nộp vào TK: 711A16176274 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Lý do thu: Vay nợ Vay tiền của...

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 23/01/2015

Ngày chứng từ: 23/01/2015

Số chứng từ: NTTK00002

1. Hạch toán

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Mã thống kê
Vay tiền của...	1121	3411	750.000.000	CTY_BAO OANH	
Bấm vào đây để thêm mới					
Số dòng = 1			750.000.000		

- Hiện thị trên số: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Đối tượng: Chọn đối tượng là công ty Bảo Oanh => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.
- Nộp vào TK: Chọn TK ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Lý do thu: Chọn lý do là “Vay nợ” và nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 23/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ 1121/Có TK 3411 (Phần mềm đã tự mặc định)
- Số tiền: 750.000.000 VND
- Nhấn <<Cắt để lưu chứng từ vừa nhập
- Chi phí phát sinh bằng tiền.

VD: Ngày 30/01/2015 thanh toán tiền nước tháng 1/2015 cho phân xưởng sản xuất bằng y nhiệm chi của ngân hàng BIDV cho công ty nước sạch Hà Nội số tiền chưa thuế là 5.000.000 VND, VAT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT/001, số 1234567 ký hiệu AA/15T.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Ngân hàng**, chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Chi tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

- Phương thức thanh toán: Chọn phương thức là lập *Ủy nhiệm chi*
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Đối tượng: Chọn đối tượng là Công ty nước sạch Hà Nội => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.
- Nội dung TT: Chọn lý do là “*Chi khác*”, hệ thống sẽ tự động hiển thị nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 30/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK 6277/Có TK 1121 và nhập số tiền tương ứng là 5.000.000 VND
- Thêm dòng phản ánh thuế GTGT: Nợ TK 1331/Có TK 1121 và số tiền là 500.000 VND
-

Ủy nhiệm chi Phương thức thanh toán Ủy nhiệm chi

Hiện thị trên sổ Sổ tài chính và quản trị

Thông tin chung

Tài khoản chi: 05401111970032 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Nội dung TT: Chi khác Chi khác

Đối tượng: CTY_NS Công ty nước sạch Hà Nội

Địa chỉ:

Tài khoản nhận: 01254875215578 Ngân hàng cổ phần quân đội

Nhân viên: Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 30/01/2015

Ngày chứng từ: 30/01/2015

Số chứng từ: UNCC0001

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Khoản mục CP	Đơn vị	Đ
Thanh toán tiền điện nước tháng 1	6277	1121	5.000.000	CTY_NS			
Thuế GTGT	1331	1121	500.000	CTY_NS			
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 2			5.500.000				

Ở phần **Thuế**, nhập mức thuế suất: 10% phần mềm tự động tính ra giá tính thuế. NSD nhập các thông tin về hóa đơn như: ký hiệu hóa đơn AA/15T, số 1234567. Nhóm hàng hóa dịch vụ: 1

Ủy nhiệm chi - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Phương thức thanh toán: Ủy nhiệm chi

Hiện thị trên số: Số tài chính và quản trị

Thông tin chung

Tài khoản chi: 05401111970032 | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Nội dung TT: Chi khác | Chi khác

Đối tượng: CTY_NS | Công ty nước sạch Hà Nội

Địa chỉ:

Tài khoản nhận: 01254875215578 | Ngân hàng cổ phần quân đội

Nhân viên: Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 30/01/2015

Ngày ghi sổ: 30/01/2015

Số chứng từ: UNCO0001

Loại tiền: VND | Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	% thuế GTGT	Giá trị HHDV chưa thuế	Ký hiệu HĐ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn
Thuế giá trị gia tăng	1331	500.000	10%	5.000.000	AA/15T	30/01/2015	1234567
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 1		500.000		5.000.000			

- Nhấn <<Cắt để lưu chứng từ vừa nhập.

3. Xem và in báo cáo

3.1 Xem và in báo cáo tiền mặt tại quỹ

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến tiền mặt tại quỹ, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo tiền mặt tại quỹ.

Báo cáo trên phần mềm MISA SME.NET 2015 gồm có 2 loại là báo cáo động và báo cáo tĩnh. Báo cáo tĩnh là sẽ view và xem theo mẫu sẵn có. Mẫu báo cáo động ngoài những cột nhìn thấy trên báo cáo NSD có thể sửa mẫu và bổ sung, sửa đổi, loại bỏ cột không cần... trên báo cáo, lọc và xem theo nhiều tiêu chí khác nhau, mang lại nhiều tiện ích vượt trội, hỗ trợ kế toán cung cấp số liệu nhanh chóng và tiện dụng hơn.

- In báo cáo tiền mặt tại quỹ:
 - Tại giao diện báo cáo cần in, chọn chức năng **In**, xuất hiện hộp thoại

Tùy chỉnh in:

- Tab **Người ký** cho phép khai báo thông tin chân chữ ký của báo cáo
- Tab **Tùy chỉnh font** cho phép thiết lập font, size chữ trên báo cáo:

Chức danh	Tiêu đề người ký	Tên người ký	Hiển thị
Giám đốc	Giám đốc	Nguyễn Văn An	<input checked="" type="checkbox"/>
Kế toán trưởng	Kế toán trưởng		<input checked="" type="checkbox"/>
Thủ kho	Thủ kho		<input type="checkbox"/>
Thủ quỹ	Thủ quỹ		<input type="checkbox"/>
Người lập biểu	Người lập biểu	Vũ Ngọc Phan	<input checked="" type="checkbox"/>

Khác

Lặp lại tiêu đề cột ở các trang sau (PDF, Word)

In mỗi nhóm thành một báo cáo riêng

Khổ giấy: Không chọn

Không hiển thị giao diện này ở lần in sau

Lấy lại mặc định | Đồng ý | Hủy bỏ

Nhấn <<Đồng ý>> để thực hiện chức năng in

Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt

Công ty Cổ phần MISA
 Công ty TNHH XYZ
 Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Mẫu số: S07a-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT
 Tài khoản: 111; Loại tiền: VND; Tháng 01 năm 2015

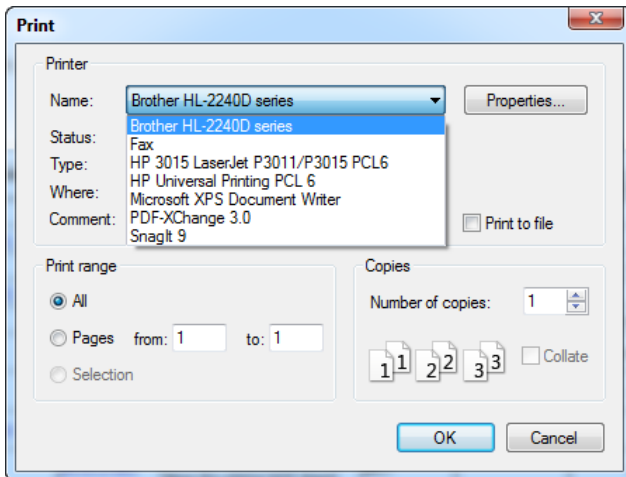
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số phiếu thu	Số phiếu chi	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn	Người nhận/Người nộp
						Nợ	Có		
				Số tiền đầu kỳ				30.000.000	
05/01/2015	05/01/2015	PT00001		Rút tiền gửi và nộp quỹ	1121	30.000.000		100.000.000	Nguyễn Thị Lan
12/01/2015	12/01/2015		PC00001	Tạm ứng cho nhân viên	141		4.000.000	96.000.000	Trần Đức Chi
13/01/2015	13/01/2015	PT00002		Bán cổ phiếu đầu tư	1121	190.000.000		286.000.000	
15/01/2015	15/01/2015		PC00002	Gửi tiền vào ngân hàng	1121		10.000.000	276.000.000	Nguyễn Văn Bình
15/01/2015	15/01/2015		PC0115.001	Chi mua máy tính cho phòng kế toán	242		15.000.000	261.000.000	
15/01/2015	15/01/2015		PC0115.001	Chi mua máy tính cho phòng kế toán	1331		1.500.000	259.500.000	
16/01/2015	16/01/2015	PT00003		Thu hoàn ứng sau khi quyết toán tạm ứng nhân viên	141	1.500.000		261.000.000	Trần Đức Chi
16/01/2015	16/01/2015		PC0115.002	Chi mua văn phòng phẩm sử dụng cho phòng kinh doanh	6417		1.500.000	259.500.000	
16/01/2015	16/01/2015		PC0115.002	Chi mua văn phòng phẩm sử dụng cho phòng kinh doanh	1331		150.000	258.000.000	
30/01/2015	30/01/2015		PC00003	Thanh toán tiền điện tháng 1	6427		2.000.000	256.000.000	
30/01/2015	30/01/2015		PC00003	Thanh toán tiền điện tháng 1	6417		1.000.000	255.000.000	
30/01/2015	30/01/2015		PC00003	Thế GTGT	1331		300.000	255.000.000	
Tổng cộng								241.500.000	258.050.000

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01
 - Ngày mở sổ:

Người lập biểu: Vũ Ngọc Phan
 Kế toán trưởng: (Ký, họ tên)
 Ngày: tháng năm
 Giám đốc: (Ký, họ tên, đóng dấu)
 Nguyễn Văn An

MISA SME.NET 2015

Chọn chức năng **In**, phần mềm sẽ hiển thị cửa sổ cho phép NSD lựa chọn máy in, và các thông số phù hợp.



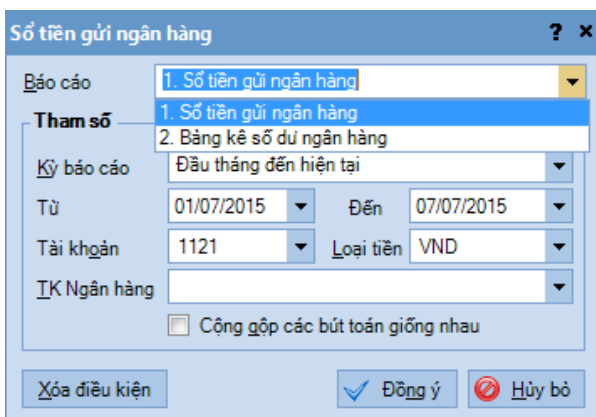
- Nhấn <<OK>> để hoàn tất việc in báo cáo

3.2 Xem và in báo cáo tiền gửi ngân hàng

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến tiền gửi ngân hàng, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo tiền gửi ngân hàng.

- Số tiền gửi ngân hàng:

- Tại phân hệ **Ngân hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Ngân hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn **Chọn tham số** .
- Chọn báo cáo cần xem, sau đó khai báo các tham số báo cáo như: khoảng thời gian, tài khoản in, loại tiền, tài khoản ngân hàng...:



Số tiền gửi ngân hàng ? x

Báo cáo: 1. Số tiền gửi ngân hàng

Tham số: 1. Số tiền gửi ngân hàng
2. Bảng kê số dư ngân hàng

Kỳ báo cáo: Đầu tháng đến hiện tại

Từ: 01/07/2015 Đến: 07/07/2015

Tài khoản: 1121 Loại tiền: VND

TK Ngân hàng: []

Cộng gộp các bút toán giống nhau

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
Tài khoản: 1121; Loại tiền: VND; TK Ngân hàng: 05401111970032 - Ngân hàng TMCP Đầu...

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Thu	Chi	Tồn
05/01/2015	05/01/2015	PT00001	Rút tiền gửi về nộp quỹ	1111	0	50.000.000	(50.000.000)
14/01/2015	14/01/2015	NTTK00001	Thu lãi đầu tư tài chính ...	515	121.857.000	0	71.857.000
15/01/2015	15/01/2015	PC00002	Gửi tiền vào ngân hàng	1111	10.000.000	0	81.857.000
30/01/2015	30/01/2015	UNC00001	Thuế GTGT	1331	0	500.000	81.357.000
30/01/2015	30/01/2015	UNC00001	Thanh toán tiền điện nước tháng 1	6277	0	5.000.000	76.357.000
					131.857.000	55.500.000	

Số dòng = 5

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 | Tên DLKT: KE_TOAN_2015 | Người dùng: Admin | Tổng đài tư vấn: 1900-8677 OVR NUM | 10:31 SA 01/01/2015

Bài tập thực hành

Kế toán tiền mặt tại quỹ

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tiền mặt như sau:

1. Ngày 15/01/2015, chi tiền tạm ứng công tác phí cho nhân viên Nguyễn Văn Nam, số tiền: 1.500.000 VND.
2. Ngày 19/01/2015, chi tiếp khách tại nhà hàng Sunflower số tiền 2.100.000 VND.
3. Ngày 24/01/2015, Phạm Văn Minh thanh toán tiền điện tháng 01/2015 (tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp), Số tiền chưa thuế là 1.500.000 VND (VAT 10%). Hóa đơn tiền điện mẫu số 01GTKT2/001 số 0051245, ký hiệu AA/15P, ngày 22/01/2015.
- 4.⁶⁸ Ngày 25/01/2015, thu nợ của công ty cổ phần Huệ Hoa, số

tiền: 15.486.250 VND.

5. Ngày 26/01/2015, Nguyễn Thị Lan chi thanh toán tiền nước tháng 01/2015 (tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp), Số tiền chưa thuế là 1.000.000 VND (VAT 5%). Hóa đơn mẫu số 01GTKT2/001 số 0032471, ký hiệu AB/15P, ngày 24/01/2015.

6. Ngày 27/01/2015, Nguyễn Thị Lan chi mua văn phòng phẩm (tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp), Số tiền chưa thuế là 2.000.000 VND (VAT 10%). Hóa đơn mẫu số 01GTKT3/001 số 0021689, ký hiệu AA/15P, ngày 27/01/2015.

Kế toán tiền gửi ngân hàng

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tiền gửi như sau:

- Ngày 08/01/2015, công ty TNHH Tân Hòa thanh toán nợ kỳ trước, số tiền: 60.510.000 VND theo giấy báo Có của ngân hàng Công thương.
- Ngày 12/01/2015, chuyển tiền nộp thuế GTGT tháng 12/2015 bằng y nhiệm chi, số tiền: 12.834.091 theo giấy báo Nợ của Ngân hàng BIDV.
- Ngày 16/01/2015, chuyển tiền gửi ngân hàng BIDV trả tiền còn nợ cho công ty Hồng Hà 11.000.000 VND.
- Ngày 25/01/2015, chuyển tiền gửi ngân hàng Công thương trả tiền vay ngắn hạn Vietcombank, số tiền: 60.000.000 VND (đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng).
- Ngày 29/01/2015, chuyển tiền gửi ngân hàng Công thương sang ngân hàng BIDV, số tiền: 12.000.000 VND (Đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng Công thương, chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng BIDV).

BÀI 3: THỰC HÀNH KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

Nguyên tắc hạch toán

Mô hình hoạt động mua hàng, công nợ phải trả

Sơ đồ hạch toán kế toán mua hàng, công nợ phải trả

Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

1. Nguyên tắc hạch toán

▮ Giá gốc của hàng hóa mua vào được tính theo nguồn nhập và phải theo dõi, phản ánh riêng biệt trị giá mua và chi phí thu mua hàng hóa.

▮ Chi phí thu mua hàng hóa trong kỳ được tính cho hàng hóa tiêu thụ trong kỳ và hàng hóa tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí thu mua hàng hóa tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

▮ Kế toán chi tiết hàng hóa phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm hàng hóa.

2. Thực hành Kế toán mua hàng

□ Lập Đơn mua hàng: Khi phát sinh yêu cầu cần mua hàng, đơn vị có thể thực hiện đặt hàng nhà cung cấp bằng cách lập Đơn mua hàng và gửi đến nhà cung cấp.

VD: Ngày 05/01/2015, đặt hàng công ty Hà Thành: 10 điện thoại NOKIA N7 với đơn giá chưa thuế là 4.200.000 VND và 15 điện thoại SAMSUNG D9 giá chưa thuế 4.000.000 VND, thuế GTGT 10%.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Đơn mua hàng** (hoặc trên tab **Đơn mua hàng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Đơn mua hàng - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Đơn mua hàng

Thông tin chung

Nhà cung cấp: CTY_HA THANH + Công ty Cổ phần Hà Thành

Địa chỉ: 1254 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Mã số thuế:

Diễn giải: Đặt mua hàng

NV mua hàng: + Điều khoản TT: Số ngày được nợ:

Tham chiếu: +

Đơn hàng

Ngày đơn hàng: 05/01/2015

Số đơn hàng: ĐMH00001

Tình trạng: Chưa thực hiện

Ngày giao hàng:

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1,00

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Số lượng nhận	Đơn giá	Thành tiền	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	10,00	0,00	4.200.000,00	42.000.000	10%	4.200.000
ĐT_SAMSUNG D9	Điện thoại SAMSUNG D9	Chiếc	15,00	0,00	4.000.000,00	60.000.000	10%	6.000.000
Bấm vào đây để thêm mới								
Số dòng = 2			25,00	0,00		102.000.000		10.200.000
Tổng tiền hàng					102.000.000		Tiền thuế	10.200.000
Tiền chiết khấu					0		Tổng tiền thanh toán	112.200.000

Ctrl+F2 - Xem số tiền

- Nhà cung cấp: Chọn mã nhà cung cấp tương ứng với công ty Hà Thành, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
- Diễn giải: Đặt mua hàng.
- Ngày đặt hàng: 05/01/2015
- Chọn mã hàng tương ứng với điện thoại NOKIA N7 và SAMSUNG D9, phần mềm tự động hiển thị các thông tin tương ứng
- NSD nhập số lượng và đơn giá tương ứng.
- Nhấn <<Cắt để lưu đơn mua hàng vừa nhập.

2.1 Mua hàng không qua kho.

VD: Ngày 12/01/2015 mua 10 cuộn chỉ khâu của công ty Hồng Hà sử dụng trực tiếp cho sản xuất ở phân xưởng 1. Đơn giá chưa thuế: 50.000VND, VAT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0012745, ký hiệu AB/15P. Chưa thanh toán.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Chứng từ mua hàng hoá** (hoặc trên tab **Mua hàng hoá, dịch vụ** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ mua hàng hoá**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ mua hàng là “*Mua hàng trong nước không qua kho*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Chưa thanh toán*”.
- Nhà cung cấp: Chọn mã nhà cung cấp tương ứng với công ty Hồng Hà, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan..
- Ngày chứng từ: 12/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Tab Hàng tiền: Chọn mã hàng tương ứng là Chi, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan. Nhập số lượng: 10 và đơn giá: 50.000 VND

Chứng từ mua hàng

2. Mua hàng trong nước không qua kho

Hiện thị tên sổ: Sổ tài chính và quản trị

Chưa thanh toán Thanh toán ngay

Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn

Thông tin chung

Nhà cung cấp: CTY_HONG HA Công ty TNHH Hồng Hà

Diễn giải: Mua chi dùng cho phân xưởng sản xuất

NV mua hàng: []

Tham chiếu: []

Chứng từ

Ngày hạch toán: 12/01/2015

Ngày chứng từ: 12/01/2015

Số chứng từ: MH00001

Điều khoản TT: [] Số ngày được nợ: [] (ngày) Hạn thanh toán: []

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Mã hàng	Tên hàng	TK chi phí	TK công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
CHI	Chi khâu 500m	621	331	Cuộn	10,00	50.000,00	500.000
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 1					10,00		500.000

Phân bổ chiết khấu... **Tổng tiền hàng** 500.000 **Tiền thuế GTGT** 0

Tiền chiết khấu 0 **Tổng tiền thanh toán** 500.000

- Tab **Thuế**: nhập mức thuế suất: 10% phần mềm tự động tính ra giá tính thuế và chọn Nhóm hàng hóa dịch vụ: 1

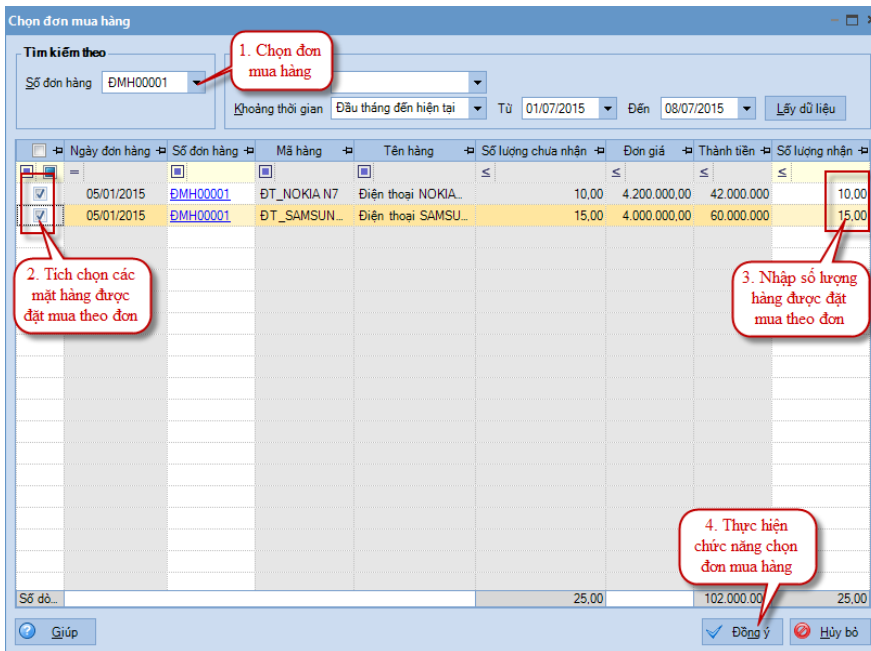
- Tab **Thống kê**: chọn đối tượng tập hợp chi phí tương ứng với Phân xưởng 1.
- Nhấn <<**Cất** để lưu chứng từ mua hàng vừa nhập.

2.2 Mua hàng về nhập kho.

VD: Ngày 16/01/2015 mua hàng của công ty Hà Thành theo đơn đặt hàng ngày 05/01/2015: 10 điện thoại NOKIA N7 với đơn giá chưa thuế là 4.200.000 VND và 15 điện thoại SAMSUNG D9 giá chưa thuế 4.000.000 VND. VAT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001 số 0067850, ký hiệu hóa đơn AA/15T. Thanh toán bằng tiền mặt.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Chứng từ mua hàng hoá** (hoặc trên tab **Mua hàng hoá**, dịch vụ chọn chức năng **Thêm\Chứng từ mua hàng hoá**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ mua hàng là “*Mua hàng trong nước nhập kho*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Thanh toán ngay\Tiền mặt*”.
- Chọn chức năng **Tiện ích**Lập từ Đơn mua hàng trên thanh công cụ:



- Sau khi chọn xong đơn mua hàng, hệ thống sẽ tự động lấy thông tin sang chứng từ mua hàng:

Chứng từ mua hàng 1. Mua hàng trong nước nhập kho

Chưa thanh toán Thanh toán ngay Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn

Thông tin chung

Nhà cung cấp: CTY_HA THANH Công ty Cổ phần Hà Thành

Người giao hàng: _____

Diễn giải: Đặt mua hàng

NV mua hàng: _____ Kèm theo _____ chứng từ gốc

Tham chiếu: DMH00001 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán: 16/01/2015

Ngày chứng từ: 16/01/2015

Số phiếu nhập: MH00002

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Tiền	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	156	1561	1111	Chiếc	10,00	4.200.000,00	42.000.000	
ĐT_SAMSUNG D	Điện thoại SAMSUNG D9	156	1561	1111	Chiếc	15,00	4.000.000,00	60.000.000	
Số dòng = 2									
							25,00	102.000.000	

Tổng tiền hàng 102.000.000 **Tiền thuế GTGT** 10.200.000

Tiền chi trả 0 **Tổng tiền thanh toán** 112.200.000

- Ngày chứng từ: 12/01/2015
- Trường hợp hàng về kèm hoá đơn, NSD tích chọn thông tin **Nhận kèm hoá đơn**, sau đó khai báo các thông tin về hoá đơn trên tab **Hoá đơn** như: mẫu số 01GTKT3/001 số 0067850, ký hiệu hóa đơn AA/15T
- Nhấn <<**Cắt**>> để lưu chứng từ mua hàng vừa nhập.
- Đối với các nghiệp vụ mua hàng có phát sinh chi phí thu mua:

VD: Trường hợp ví dụ ở nghiệp vụ 2 phát sinh thêm chi phí vận chuyển là 2.200.000 VND (VAT 10%), theo hóa đơn GTGT mẫu số 01/GTKT3/001, ký hiệu AA/15P, số 0012345. Đã thanh toán cho công ty Hà Thành bằng tiền mặt. Giả sử công ty phân bổ chi chi phí mua hàng theo số lượng.

NSD tiến hành nhập liệu theo các bước sau:

- Lập chứng từ hạch toán chi phí vận chuyển của công ty Hà Thành => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Chứng từ mua dịch vụ** (hoặc

trên tab **Mua hàng hoá, dịch vụ** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ mua dịch vụ**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 86).

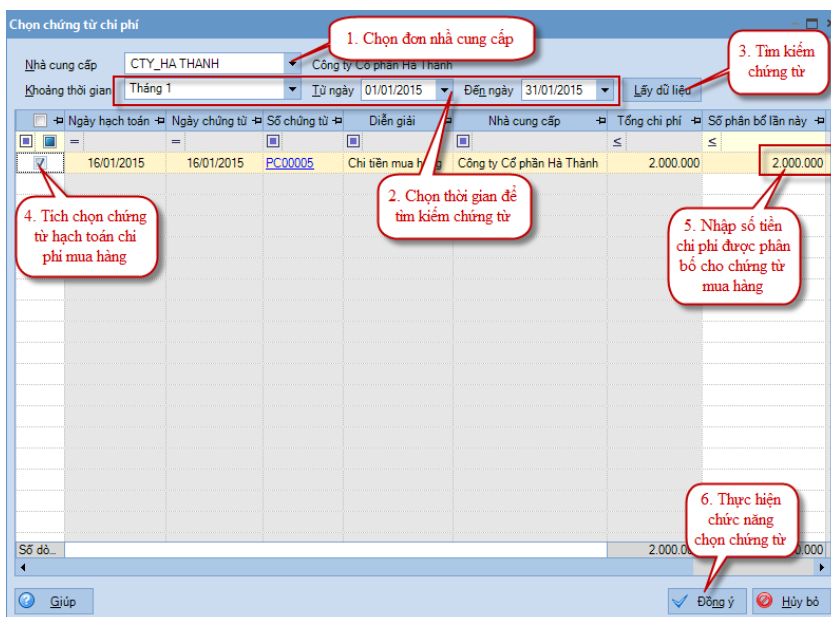
- Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Thanh toán ngay\Tiền mặt*”.
- Do chứng từ mua dịch vụ hạch toán chi phí mua hàng, nên NSD tích chọn “*Là chi phí mua hàng*”.
- Nhà cung cấp: Chọn mã nhà cung cấp tương ứng với công ty Hà Thành, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
- Ngày chứng từ: 16/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Tab Hàng tiền: Chọn mã dịch vụ đã được khai báo trên danh mục vật tư, hàng hoá, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan. Nhập đơn giá: 2.000.000 VND
- Tab Hoá đơn: Khai báo các thông tin về hoá đơn như: mẫu

số 01GTKT3/001 số 0067850, ký hiệu hóa đơn AA/15T

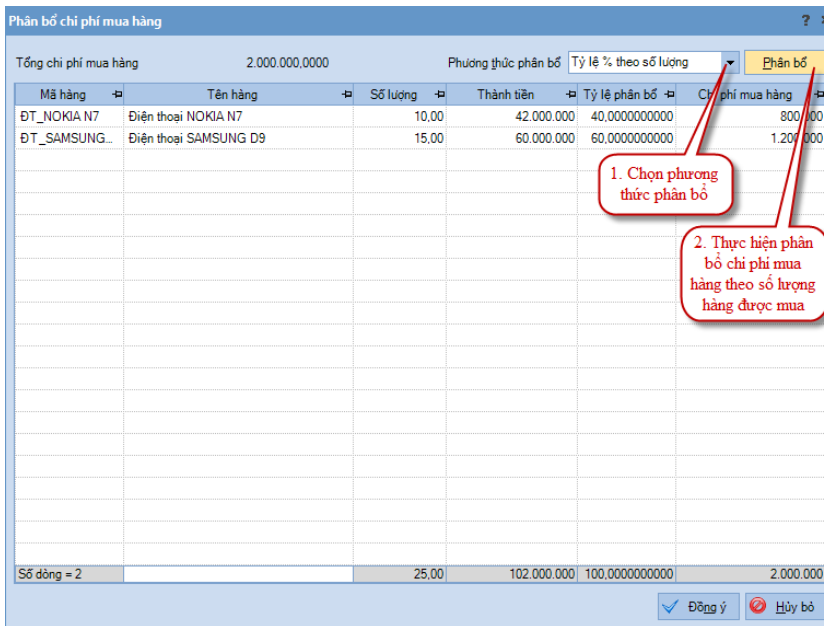
Nhấn **Cất** để lưu chứng từ mua dịch vụ vừa lập.

• Phân bổ chi phí mua hàng vào chứng từ mua hàng hoá => Mở chứng từ mua hàng hoá, dịch vụ đã được lập ở nghiệp vụ 2. Nhấn <<Sửa>>, sau đó thực hiện theo hướng dẫn sau:

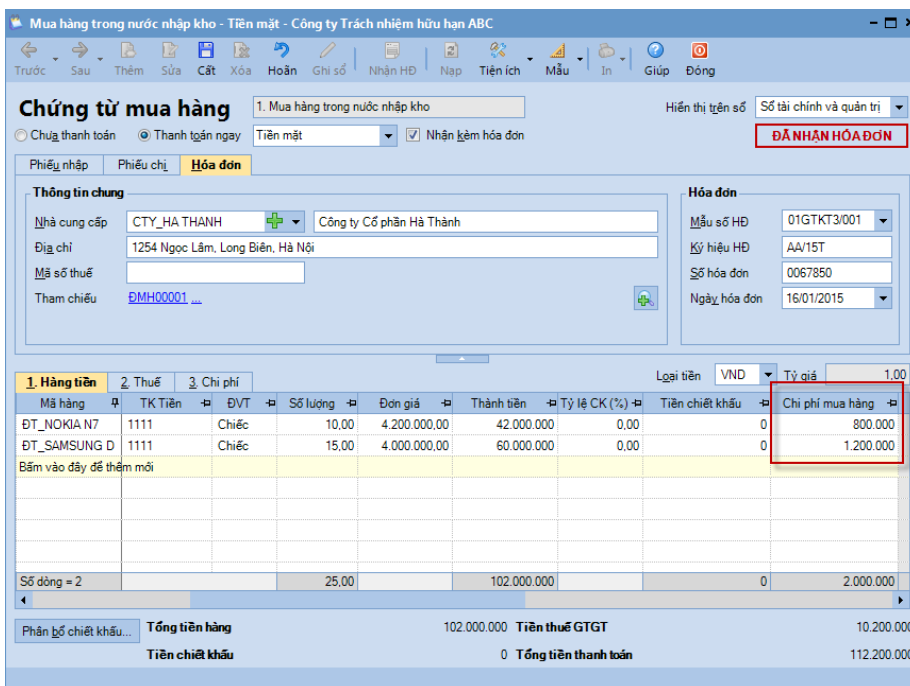
Trên tab **Chi phí**, nhấn **Chọn** :



Sau khi chọn xong chứng từ mua dịch vụ, NSD nhấn **Phân bổ** :



- Nhấn **Đồng ý**, thông tin phân bổ sẽ được tự động lấy ra chứng từ mua hàng:



- Nhấn **Cất** để lưu thông tin chi phí mua hàng vừa được khai báo bổ sung trên chứng từ mua hàng hoá, dịch vụ.

2.3 Mua hàng hóa nhập khẩu

VD: Ngày 20/01/2015, nhập khẩu hàng của công ty FUJI (chưa thanh toán tiền): 4000 lit Bia, Đơn giá chưa thuế: 1 USD/lit. Thuế nhập khẩu: 30%, thuế TTĐB: 45%, thuế GTGT: 10% theo tờ khai hải quan số 4590 ngày 20/01/2015. Tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng ngày 20/01/2015 là 20.700 VND/USD (Doanh nghiệp chưa nộp thuế xuất khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT theo tờ khai hải quan. Giá hải quan áp để tính thuế bằng với giá của hàng hóa doanh nghiệp đã khai trên tờ khai hải quan).

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Chứng từ mua hàng hoá** (hoặc trên tab **Mua hàng hoá, dịch vụ** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ mua hàng hoá**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết

- Lựa chọn loại chứng từ mua hàng là “*Mua hàng nhập khẩu nhập kho*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Chưa thanh toán*”.
- Nhà cung cấp: Chọn mã nhà cung cấp tương ứng với công ty FUJI, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan..
- Ngày chứng từ: 20/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: USD và nhập tỷ giá là 20.700 VND
- Tab Hàng tiền: Chọn mã hàng tương ứng là Bia, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan. Nhập số lượng: 4.000 và đơn giá: 1 USD => phần mềm tự động tính ra thành tiền và tiền quy đổi.

Mua hàng nhập khẩu nhập kho chưa thanh toán - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nhận HD Nap Tiên ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ mua hàng 3. Mua hàng nhập khẩu nhập kho Hiển thị trên số Số tài chính và quản trị

Chứng thanh toán Thanh toán ngay

Phiếu nhập Hóa đơn

Thông tin chung

Nhà cung cấp: CTY_FUJI Công ty FUJI

Người giao hàng:

Dịch giải: Mua hàng nhập khẩu

NV mua hàng: Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 20/01/2015

Ngày chứng từ: 20/01/2015

Số phiếu nhập: MH00003

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

Loại tiền: USD Tỷ giá: 20.700,00

1. Hàng tiền	2. Thuế	3. Phí trước hải quan	4. Phí hàng về kho							
Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK kho	TK công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền quy đổi	
BIA	Bia hơi	156	1561	331	Lít	4.000,00	1,00	4.000,00	82.800,000	
Bấm vào đây để thêm mới										
Số dòng = 1						4.000,00		4.000,00	82.800,000	
Phân bổ chiết khấu...						Tổng tiền hàng	4.000,00	82.800,000	Thuế NK	24.840,000
						Tiền chiết khấu	0,00	0	Thuế TTĐB	48.438,000
						Tổng tiền thanh toán	4.000,00	82.800,000	Tiền thuế GTGT	15.607,800

- Tab **Thuế**: nhập các thông tin về thuế gồm:
 - Nhập % thuế NK: 30%, phần mềm tự tính ra số tiền thuế tương ứng.
 - Nhập % thuế TTĐB: 45%, phần mềm tự tính ra số tiền thuế tương ứng
 - Nhập % thuế GTGT: 10%, phần mềm tự tính ra số tiền thuế tương ứng => đồng thời
 - TK đối ứng thuế GTGT: 1388 (Nếu doanh nghiệp đã nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu thì TK đối ứng là 1331)

Mua hàng nhập khẩu nhập kho chưa thanh toán - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nhận HĐ Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ mua hàng 3. Mua hàng nhập khẩu nhập kho Hiện thị trên số Số tài chính và quản trị

Chứng thanh toán Thanh toán ngay

Phiếu nhập Hóa đơn

Thông tin chung

Nhà cung cấp CTY_FUJI Công ty FUJI

Người giao hàng

Diễn giải Mua hàng nhập khẩu

NV mua hàng Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán 20/01/2015

Ngày chứng từ 20/01/2015

Số phiếu nhập MH00003

Điều khoản TT Số ngày được nợ (ngày) Hạn thanh toán

Loại tiền USD Tỷ giá 20.700.00

1. Hàng tiền	2. Thuế	3. Phí trước hải quan	4. Phí hàng về kho	Loại tiền USD Tỷ giá 20.700.00					
Mã hàng	% thuế NK	Tiền thuế NK	TK thuế NK	% thuế TTD	Tiền thuế TTD	TK thuế TTD	% thuế GTG	Tiền thuế GTGT	TKĐU thuế GTGT
8IA	30,00	24.840.000	3333	45,00	48.438.000	3332	10%	15.607.800	1388
Bấm vào đây để thêm mới									
Số dòng = 1		24.840.000		48.438.000				15.607.800	

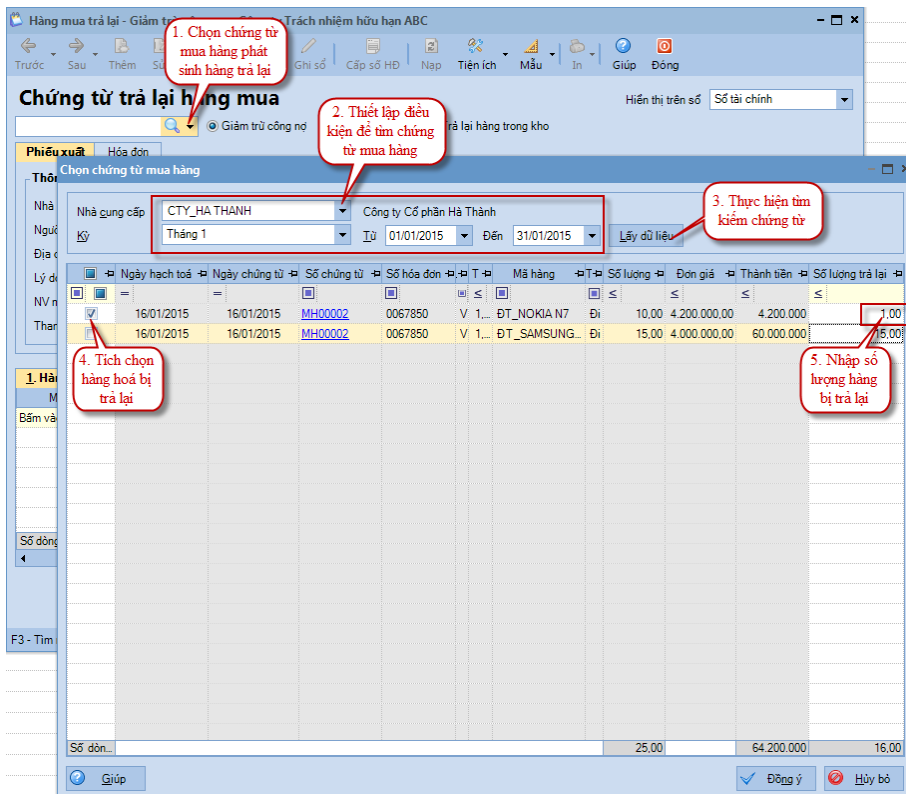
Phân bổ chiết khấu...	Tổng tiền hàng	4.000,00	82.800,000	Thuế NK	24.840,000
	Tiền chiết khấu	0,00		Thuế TTD	48.438,000
	Tổng tiền thanh toán	4.000,00	82.800,000	Tiền thuế GTGT	15.607,800

- Nhấn <<Cắt để lưu chứng từ mua hàng vừa nhập.
- Lập chứng từ hàng mua trả lại, giảm giá.

VD: Ngày 17/01/2015 trả lại 01 điện thoại Nokia N7 do có hư hỏng nặng mua ngày 16/01/2015 của công ty Hà Thành, theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001 số 0000003, ký hiệu hóa đơn AB/15T ngày 17/01/2015.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Trả lại hàng mua** (hoặc trên tab **Trả lại hàng mua** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Hiện thị trên số: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Lựa chọn phương thức giảm trừ cho chứng từ trả lại hàng là “*Thu tiền mặt*”.
- Tích chọn *Trả lại hàng trong kho*:
- Chọn chứng từ mua hàng có phát sinh hàng mua bị trả lại:



- Nhấn **Đồng ý** , thông tin hàng bị trả lại sẽ được tự động lấy lên chứng từ trả lại hàng mua:
- Ngày chứng từ: 17/01/2015

Hàng mua trả lại - Tiền mặt - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Cấp số HĐ Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ trả lại hàng mua

Hiện thị trên số: Số tài chính

Nhập số CT mua hàng: Giảm trừ công nợ Thu tiền mặt Trả lại hàng trong kho

Phiếu xuất | Phiếu thu | Hóa đơn

Thông tin chung

Nhà cung cấp: CTY_HA THANH Công ty Cổ phần Hà Thành

Người nhận hàng:

Địa chỉ: 1254 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Lý do xuất:

NV mua hàng: kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu: MH00002 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán: 17/01/2015

Ngày chứng từ: 17/01/2015

Số phiếu xuất: XK0119.001

1. Hàng tiền		2. Khác		Loại tiền: VND		Tỷ giá: 1,00		
Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK tiền	TK kho	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	156	1111	1561	Chiếc	1,00	4.200.000,00	4.200.000
Bấm vào đây để thêm mới								
Số dòng = 1						1,00		4.200.000
Tổng tiền hàng								4.200.000
Tiền thuế GTGT								420.000
Tổng tiền thanh toán								4.620.000

- Nhấn **Cắt** để lưu chứng từ trả lại hàng mua vừa lập.
- Chọn chức năng **Cấp số hoá đơn** trên thanh công cụ:

Cấp số hóa đơn ? x

Đã cấp đến số hóa đơn <0000002>, cấp đến ngày 17/01/2015.

Thông tin hóa đơn

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu HĐ: AB/15T

Số hoá đơn: 0000003

Ngày hoá đơn: 17/01/2015

- Nhấn **Đồng ý** , thông tin hoá đơn sẽ được tự động cập nhật lên tab Hoá đơn của chứng từ trả lại hàng mua vừa lập.

3. *Thực hành Kế toán công nợ phải trả*

Đối với nghiệp vụ trả tiền cho nhà cung cấp, NSD có thể thực hiện trên phân hệ Quỹ, Ngân hàng hoặc Mua hàng. Tuy nhiên, để thuận tiện cho công tác theo dõi, quản lý chi tiết công nợ theo từng hóa đơn NSD nên hạch toán các nghiệp vụ này tại mục **Trả tiền nhà cung cấp**, phân hệ **Mua hàng**

3.1 Trả tiền bằng quỹ tiền mặt

(Phương pháp hạch toán tương tự 3.2 Trả tiền bằng quỹ tiền gửi ngân hàng)

3.2: Trả tiền bằng tiền gửi ngân hàng:

VD: Ngày 26/01/2015 thanh toán nợ của công ty Hồng Hà cho hàng mua ngày 12/01/2015 bằng séc chuyển khoản của Ngân hàng BIDV.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Trả tiền nhà cung cấp** (hoặc vào **Nghiệp vụ\Mua hàng\Trả tiền nhà cung cấp**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Trả tiền nhà cung cấp

Phương thức thanh toán: Séc chuyển khoản Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Nhà cung cấp: CTY_HONG HA Ngày trả tiền: 26/01/2015 NV mua hàng: Lấy dữ liệu

Số tiền: 550.000

Chứng từ công nợ

	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Hạn thanh toán	Tổng nợ	Số còn nợ	Số trả	TK p
<input checked="" type="checkbox"/>	12/01/2015	MH00001	0012745		550.000	550.000	550.000	331
					550.000	550.000	550.000	

Giúp Trả tiền Hủy bỏ

- Phương thức thanh toán: Chọn là Séc chuyển khoản
- Chọn loại tiền thanh toán: VND
- Nhà cung cấp: Chọn nhà cung cấp là công ty Hồng Hà
- Ngày trả tiền: 26/01/2015
- Nhấn **Lấy dữ liệu** , hệ thống sẽ tự động liệt kê các chứng từ mua hàng chưa thanh toán đối với công ty Hồng Hà trên tab **Chứng từ công nợ**.
- Tích chọn chứng từ mua hàng cần trả tiền và nhập số tiền 550.000 VND vào cột Số trả.
- Nhấn **Trả tiền** , hệ thống tự động sinh chứng từ Séc chuyển khoản trả tiền nhà cung cấp:

Séc chuyển khoản trả tiền nhà cung cấp

Hiển thị trên số:

Thông tin chung

Tài khoản chi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Nội dung TT:

Nhà cung cấp: Công ty TNHH Hồng Hà

Địa chỉ:

Tài khoản nhận: Ngân hàng MB Bank

Nhân viên:

Chứng từ

Ngày hạch toán:

Ngày ghi sổ từ:

Số chứng từ:

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1,00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Khoản mục CP	Đơn vị	Công trình
Trả tiền nhà cung cấp	331	1121	550.000			
Số đồng = 1			550.000			

- Tài khoản chi: Chọn tài khoản của Ngân hàng BIDV
 - Tài khoản nhận: Nhập tài khoản của nhà cung cấp tại MB Bank.
 - Nhân **Cất** để lưu chứng từ trả tiền nhà cung cấp vừa lập.
- 4. Xem và in báo cáo liên quan đến mua hàng và công nợ phải trả**

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ mua hàng và công nợ phải trả, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo mua hàng và công nợ.

□ **Sổ chi tiết mua hàng**

- Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Mua hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn **Chọn tham số** .
- Chọn báo cáo là **Sổ chi tiết mua hàng**, sau đó khai báo các tham số báo cáo như: khoảng thời gian, nhóm VTHH, Nhóm NCC, NV mua hàng, mặt hàng, nhà cung cấp:

Số chi tiết mua hàng ? x

Báo cáo: 2. Số chi tiết mua hàng

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1 Nhóm VTHH:

Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015 Nhóm NCC:

NV mua hàng:

<input type="checkbox"/>	Mã hàng	Tên hàng
<input checked="" type="checkbox"/>	BIA	Bia hơi
<input checked="" type="checkbox"/>	CHI	Chi khâu 500m
<input checked="" type="checkbox"/>	CPMH	Chi phí mua hàng
<input checked="" type="checkbox"/>	ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7
<input checked="" type="checkbox"/>	ĐT_SAMSUNG...	Điện thoại SAMSUNG D9

<input type="checkbox"/>	Mã NCC	Tên NCC
<input checked="" type="checkbox"/>	CH_HONGHA	Cửa hàng Hồng Hà
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_DL	Công ty Điện lực Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_HUEHOA	Công ty CP Huệ Hoa
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_PHUTHE	Công ty TNHH Phú Thế
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_TRANANH	Công ty Trần Anh
<input checked="" type="checkbox"/>	CTVTQD	Công ty Viễn thông Quân đội

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

MISA SME.NET 2015 R9 Professional - Công ty TNHH XYZ

Đang làm việc trên: Sổ tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Thống báo

Mua hàng

SỔ CHI TIẾT MUA HÀNG

Tháng 01 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Mã hàng	Tên hàng	DVT	Số lượng mua	Đơn giá	Giá trị mua	Chiết khấu
03/01/2015	03/01/2015	NK0115.001	03/01/2015	0012745	TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 11	Chiếc	35.00	5.000.000,00	175.000.000	
03/01/2015	03/01/2015	NK0115.001	03/01/2015	0012745	TL_TOSHIBA150	Tủ lạnh TOSHIBA 15	Chiếc	40.00	7.000.000,00	280.000.000	
08/01/2015	08/01/2015	XK0115.001	04/01/2015	0000015	TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 11	Chiếc	0,00	5.000.000,00	0	
12/01/2015	12/01/2015	MH00001	12/01/2015	0012745	CHI	Chi khâu 500m	Cuộn	10,00	50.000,00	500.000	
16/01/2015	16/01/2015	MH00002	16/01/2015	0067850	ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	10,00	4.200.000,00	42.000.000	
16/01/2015	16/01/2015	MH00002	16/01/2015	0067850	ĐT_SAMSUNG	Điện thoại SAMSUNG	Chiếc	15,00	4.000.000,00	60.000.000	
16/01/2015	16/01/2015	PC00005	16/01/2015	0012345	CPMH	Chi phí mua hàng		1,00	2.000.000,00	2.000.000	
17/01/2015	17/01/2015	XK0119.001	17/01/2015	0000003	ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	0,00	4.200.000,00	0	
20/01/2015	20/01/2015	MH00003	20/01/2015	4590	BIA	Bia hơi	Lít	4.000,00	20.700,00	82.800.000	
Số dòng = 9								4.111,00	642.900.000		

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 | Tên DLKT: KE_TOAN_2015 | Người dùng: Admin | Tổng đài tư vấn: 1900-9677 | OVR | NUM | 10:33 SA | 03/01/2015

□ Sổ nhật ký mua hàng

- Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Mua hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn **Chọn tham số**.
- Chọn báo cáo là **Sổ nhật ký mua hàng**, sau đó khai báo khoảng thời gian:

Sổ nhật ký mua hàng ? x

Báo cáo: 3. Sổ nhật ký mua hàng

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1

Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015

Chỉ hiển thị hóa đơn mua hàng chưa thanh toán ngay

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

Xem báo cáo:

MISA SME.NET 2015 R9 Professional - Công ty TNHH XYZ

Đang làm việc trên: Sổ tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Chọn chi nhánh làm việc | Tìm kiếm | Báo cáo | Ngày hạch toán | Nạp | Mẫu | Báo cáo đã cắt | Thu gọn | Xuất khẩu | Thông báo

Đơn mua hàng | Hợp đồng mua hàng | Mua hàng hóa, dịch vụ | Nhận hóa đơn | Trả lại hàng mua | Giảm giá hàng | [Thay đổi so với MISA SME.NET 2012](#)

Chọn báo cáo...

SỔ NHẬT KÝ MUA HÀNG

Tháng 01 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	Hàng hóa	Nguyên liệu, vật liệu	Tài khoản khác	Phải trả người bán
							Số hiệu	Số tiền	
03/01/2015	03/01/2015	NK0115.001	03/01/2015	0012745	Mua hàng chưa thanh toán	455.000.000	0	0	455.000.000
12/01/2015	12/01/2015	MH00001	12/01/2015	0012745	Mua chi dùng cho phần xử	0	0	621	500.000
16/01/2015	16/01/2015	MH00002	16/01/2015	0067850	Đặt mua hàng	102.000.000	0	0	102.000.000
16/01/2015	16/01/2015	PC00005	16/01/2015	0012345	Chi tiền mua hàng	2.000.000	0	0	2.000.000
20/01/2015	20/01/2015	MH00003	20/01/2015	4590	Mua hàng nhập khẩu	82.800.000	0	0	82.800.000
Số dòng = 5						641.800.000	0	500.000	642.300.000

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 | Tên DLKT: KE_TOAN_2015 | Người dùng: Admin | Tổng đài tư vấn: 1900-8677 | OVR | NUM | 10:31 SA | USU/ZU1

Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp

- Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Mua hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn **Chọn tham số**.

- Chọn báo cáo là **Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp**, sau đó khai báo khoảng thời gian:

Tổng hợp công nợ phải trả ? x

Báo cáo: 4. Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp

Thống kê theo: <<Không chọn>>

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1 Tài khoản: 331 Loại tiền: VND

Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015 Nhóm NCC:

<input type="checkbox"/>	Mã NCC	Tên NCC	Địa chỉ
<input checked="" type="checkbox"/>	CH_HONGHA	Cửa hàng Hồng Hà	
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_DL	Công ty Điện lực Hà Nội	Số 75, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_HUEHOA	Công ty CP Huế Hoa	Số 86, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_PHUTHE	Công ty TNHH Phú Thế	Số 86, Nguyễn Trãi, Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_TRANANH	Công ty Trần Anh	
<input checked="" type="checkbox"/>	CTVTQD	Công ty Viễn thông Quân đội	
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_FUJI	Công ty FUJI	Nhật Bản
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_HA THANH	Công ty Cổ phần Hà Thành	1254 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_HONG HA	Công ty TNHH Hồng Hà	9241 Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

• Xem báo cáo:

TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ
Tài khoản: 331; Loại nền: VND; Tháng 01 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	TK công nợ	Số dư đầu kỳ		Phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
CT_HUEHOA	Công ty CP Huệ Hoa	331	0	70.000.000	70.000.000	0	0	0
CT_PHUTHE	Công ty TNHH Phú Thái	331	0	53.000.000	212.500.000	500.500.000	0	341.000.000
CTY_HONG HA	Công ty TNHH Hồng Hà	331	0	0	550.000	550.000	0	0
Số dòng = 3			0	123.000.000	283.050.000	501.050.000	0	341.000.000

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến hoạt động mua hàng như sau:

1. Ngày 03/01/2015, mua hàng của Công ty TNHH Hồng Hà. (VAT: 10%; chưa thanh toán tiền)

⌋ Tivi LG 21 inches SL: 10, ĐGCT: 2.700.000 (VND/chiếc)

⌋ Tivi LG 29 inches SL: 08, ĐGCT: 8.990.000 (VND/chiếc)

Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0012745, ký hiệu AB/15P, ngày hóa đơn 02/01/2015.

2. Ngày 07/01/2015, trả lại hàng cho Công ty TNHH Hồng Hà

⌋ Tivi LG 21inches SL: 02

Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000001, ký hiệu AB/15T

3. Ngày 08/01/2015, mua hàng của Công ty Cổ phần Phú Thái. Tỷ lệ CK

với mỗi mặt hàng: 2%; VAT: 10%, chưa thanh toán tiền.

⌋ Điện thoại NOKIA N6 SL: 20, ĐGCT: 4.100.000 (VND/chiếc)

⌋ Điện thoại SAMSUNG E8 SL: 15, ĐGCT: 3.910.000 (VND/chiếc)

Theo hóa đơn GTGT 01GTKT3/001, số 0052346, ký hiệu AC/15E ngày 03/01/2015.

4. Ngày 15/01/2015, mua hàng của Công ty TNHH Lan Tân, VAT: 10%; chưa thanh toán tiền.

⌋ Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 12000BTU SL: 08 ĐGCT: 9.900.000(VND/chiếc)

⌋ Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU SL: 04 ĐGCT: 14.000.000 (VND/chiếc)

Theo hóa đơn GTGT 01GTKT3/001, số 0025857, ký hiệu AF/15P, ngày 15/01/2015.

Tổng phí vận chuyển: 990.000 VND (Đã bao gồm 10% thuế GTGT) phân bổ phí vận chuyển theo số lượng .

5. Ngày 24/01/2015, nhập khẩu 02 máy vi tính Compaq của Công ty FUJI, Đơn giá chưa thuế: 500 (USD/chiếc), tỷ giá 20.000 VND/USD chưa thanh toán tiền hàng.

Thuế nhập khẩu: 30%; Thuế GTGT: 10%;Tờ khai hải quan số 2567, chưa thanh toán tiền

6. Ngày 25/01/2015, mua hàng của Công ty Cổ phần Phú Thái, tiền hàng chưa thanh toán gồm:

⌋ Tivi LG 19 inches SL: 10, ĐGCT: 2.400.000 (VND/chiếc)

⌋ Tivi LG 21 inches SL: 02, ĐGCT: 2.800.000 (VND/chiếc)

VAT 10% theo hóa đơn GTGT 01GTKT3/001, số 0085126, ký hiệu NT/15P, ngày 25/01/2015

7. Ngày 26/01/2015, chuyển tiền gửi ngân hàng Công thương mua hàng của

Công ty TNHH Hà Liên

‖ Điện thoại NOKIA N7 SL: 05, ĐGCT: 4.200.000 (VND/chiếc)

‖ Điện thoại NOKIA D9 SL: 06, ĐGCT: 4.000.000 (VND/chiếc)

VAT 10% theo hóa đơn GTGT 01GTKT3/001, số 0052185, ký hiệu DK/15E, ngày 26/01/2015

8. Ngày 28/01/2015, mua hàng của Công ty cổ phần Hà Thành chưa trả tiền, gồm:

‖ Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU SL: 08 ĐGCT: 13.500.000 (VND/chiếc)

VAT 10%, theo hóa đơn GTGT 01GTKT3/001, số 0053162, ký hiệu NT/15P, ngày 28/01/2015.

□ Yêu cầu:

‖ Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2

‖ Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.

In Bảng kê mua hàng; Nhật ký mua hàng; Tổng hợp công nợ phải trả,...

BÀI 4: THỰC HÀNH KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

Nguyên tắc hạch toán

Mô hình hoạt động bán hàng, công nợ phải thu

Sơ đồ hạch toán kế toán bán hàng, công nợ phải thu

Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

1. Nguyên tắc hạch toán

⌋ Việc ghi nhận doanh thu và chi phí bán hàng phải tuân theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

⌋ Chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng hóa khi thỏa mãn đồng thời năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

⌋ Trường hợp hàng hóa hoặc dịch vụ trao đổi lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất thì không được ghi nhận doanh thu.

⌋ Phải theo dõi chi tiết từng loại doanh thu, doanh thu từng mặt hàng, ngành hàng, từng sản phẩm,... theo dõi chi tiết từng khoản giảm trừ doanh thu để xác định doanh thu thuần của từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng, từng sản phẩm,... để phục vụ cho cung cấp thông tin kế toán để quản trị doanh nghiệp và lập Báo cáo tài chính.

2. Thực hành kế toán bán hàng

2.1 Lập Báo giá:

Phần mềm MISA SME.NET 2015 cho phép NSD lập và in báo giá gửi cho khách hàng. Đồng thời, phần mềm cho phép chuyển các thông tin trên báo giá đã lập lên đơn đặt hàng hoặc hóa đơn bán hàng nhằm giảm bớt các thao tác nhập số liệu.

VD: Ngày 09/01/2015 gửi báo giá cho công ty Hòa Anh: 3 điện thoại NOKIA N7 với đơn giá chưa thuế là 5.000.000 VND và 4 điện thoại SAMSUNG D9 giá chưa thuế 4.500.000 VND, VAT 10%.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Báo giá** (hoặc trên tab **Báo giá** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Báo giá

Thông tin chung

Khách hàng: CTY_HOA ANH | Công ty Cổ phần Hòa Anh

Địa chỉ: 1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Mã số thuế: | Người liên hệ: |

Ghi chú: |

Tham chiếu: |

Báo giá

Số báo giá: BG00001

Ngày báo giá: 09/01/2015

Hiệu lực đến: 31/01/2015

1. Hàng tiền

Loại tiền: VND | Tỷ giá: 1,00

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK	Tiền chiết khấu	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	3,00	5.000.000,00	15.000.000	0,00	0	10%	1.500.000
ĐT_SAMSUNG D	Điện thoại SAMSUNG	Chiếc	4,00	4.500.000,00	18.000.000	0,00	0	10%	1.800.000
Bấm vào đây để thêm mới									
Số dòng = 2			7,00		33.000.000		0		3.300.000
Tiền hàng					33.000.000	Tiền thuế GTGT			3.300.000
Tiền chiết khấu					0	Tổng tiền			36.300.000

- Khách hàng: Chọn mã khách hàng tương ứng với công ty Hoà Anh, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
- Ngày báo giá: 09/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Chọn mã hàng tương ứng với điện thoại NOKIA N7 và SAMSUNG D9, phần mềm tự động hiển thị các thông tin tương ứng
- NSD nhập số lượng và đơn giá tương ứng.
- Nhấn <<Cắt để lưu báo giá vừa nhập.

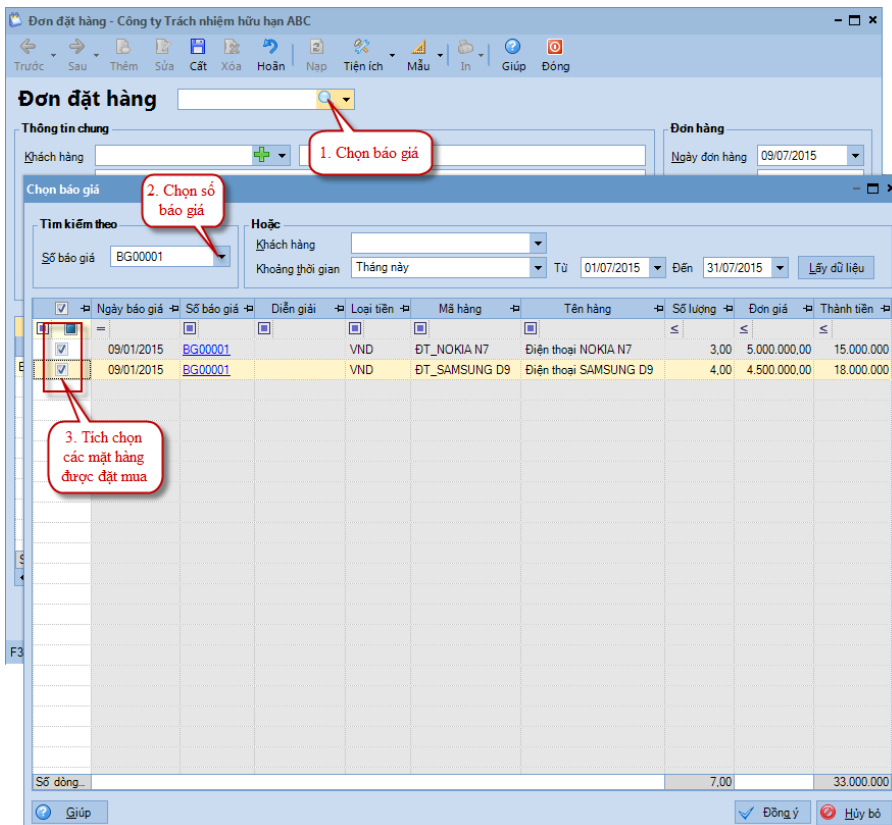
2.2 Lập Đơn đặt hàng:

Căn cứ vào Báo giá doanh nghiệp gửi cho khách hàng, khách hàng sẽ lập Đơn đặt hàng gửi lại cho doanh nghiệp yêu cầu mua với các thông tin: mặt hàng, số lượng, mức giá... Kế toán nhập các thông tin trên vào phần mềm nhằm theo dõi chi tiết từng đơn đặt hàng cụ thể của mỗi khách hàng.

VD: Ngày 12/01/2015 Công ty Hòa Anh gửi đơn đặt hàng gồm: 3 điện thoại NOKIA N7 với đơn giá chưa thuế là 5.000.000 VND và 4 điện thoại SAMSUNG D9 giá chưa thuế 4.500.000 VND, VAT 10%.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Đơn đặt hàng** (hoặc trên tab **Đơn đặt hàng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Trường hợp 1: Nếu đã lập báo giá gửi đến khách hàng:
 - Chọn báo giá có phát sinh hàng được khách hàng đặt mua:



Nhấn **Đồng ý** , thông tin hàng trên báo giá sẽ được tự động lấy lên đơn đặt hàng:

Ngày chứng từ: 17/01/2015

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Số lượng đã giao	Đơn giá	Thành tiền	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	3,00	0,00	5.000.000,00	15.000.000	10%	1.500.000
ĐT_SAMSUNG D	Điện thoại SAMSUNG D9	Chiếc	4,00	0,00	4.500.000,00	18.000.000	10%	1.800.000
Số dòng = 2			7,00	0,00		33.000.000		3.300.000
Tổng tiền hàng					33.000.000			3.300.000
Tổng chiết khấu					0			
								Tổng tiền thanh toán
								36.300.000

Nhấn **Cất** để lưu đơn đặt hàng vừa lập.

• Trường hợp 2: Nếu chưa có lập báo giá, NSD sẽ khai báo trực tiếp trên đơn đặt hàng:

Khách hàng: Chọn mã khách hàng tương ứng với công ty Hoà Anh, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.

Ngày đơn hàng: 12/01/2015

Chọn loại tiền hạch toán: VND

Chọn mã hàng tương ứng với điện thoại NOKIA N7 và SAMSUNG D9, phần mềm tự động hiển thị các thông tin tương ứng

NSD nhập số lượng và đơn giá tương ứng.

Nhấn **Cất** để lưu đơn đặt hàng vừa nhập.

2.3 Bán hàng chưa thu tiền:

VD: Ngày 17/01/2015 bán hàng cho công ty Công ty Hòa Anh: 3 điện thoại NOKIA N7 với đơn giá chưa thuế là 5.000.000 VND và 4 điện thoại SAMSUNG D9 giá chưa thuế 4.500.000 VND. Thuế GTGT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, mẫu số AB/15T, số 0000004. Chưa thu tiền.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Chứng từ bán hàng** (hoặc trên tab **Bán hàng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ bán hàng là “*Bán hàng hoá, dịch vụ trong nước*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Chưa thu tiền*”.
- Ngày chứng từ: 17/01/2015
- Nếu chứng từ bán hàng được lập từ báo giá hoặc đơn đặt hàng, NSD chọn số báo giá/đơn đặt hàng => phần mềm sẽ tự động lấy thông tin tương ứng lên chứng từ bán hàng
- Nếu chưa có báo giá hoặc đơn đặt hàng, NSD sẽ chọn mã hàng tương ứng với điện thoại NOKIA N7 và SAMSUNG D9, phần mềm tự động hiển thị các thông tin phù hợp => NSD nhập thông tin số lượng và đơn giá ứng với mỗi mặt hàng:

Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước chưa thu tiền - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Chọn đơn đặt hàng Lập HĐ Lập phiếu xuất Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước Kiểm phiếu xuất kho Hiện thị trên số Số tài chính và quản trị

DDH000001 Chưa thu tiền Thu tiền ngay Tiền mặt Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ

Thông tin chung

Khách hàng: CTY_HOA ANH Công ty Cổ phần Hòa Anh

Người giải:

NV bán hàng: Đã lập hóa đơn

Tham chiếu: DDH000001 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán: 17/01/2015

Ngày chứng từ: 17/01/2015

Số chứng từ: BH00003

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

1. Hàng tiền		2. Thuế		3. Thống kê		Loại tiền		Tỷ giá	
Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chi phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	T	
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	131	5111	Chiếc	3.00	5.000.000,00	15.000.000		
ĐT_SAMSUNG D9	Điện thoại SAMSUNG D9	131	5111	Chiếc	4.00	4.500.000,00	18.000.000		
Bấm vào đây để thêm mới									
Số dòng = 2					7.00		33.000.000		

Phân bổ chiết khấu... **Tổng tiền hàng** 33.000.000 **Tiền thuế GTGT** 3.300.000

Tiền chiết khấu 0 **Tổng tiền thanh toán** 36.300.000

- Nếu muốn lập luôn phiếu xuất kho bán hàng, NSD tích chọn mục “Kiểm phiếu xuất kho”, đồng thời khai báo thông tin trên phiếu xuất:

Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước chưa thu tiền - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Chọn đơn đặt hàng Lập HĐ Lập phiếu xuất Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước Kiểm phiếu xuất kho Hiện thị trên số Số tài chính và quản trị

DDH000001 Chưa thu tiền Thu tiền ngay Tiền mặt Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ **Phiếu xuất**

Thông tin chung

Khách hàng: CTY_HOA ANH Công ty Cổ phần Hòa Anh

Người nhận:

Địa chỉ: 1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Lý do xuất: Xuất bán hàng

NV bán hàng: Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 17/01/2015

Ngày chứng từ: 17/01/2015

Số phiếu xuất: XK00001

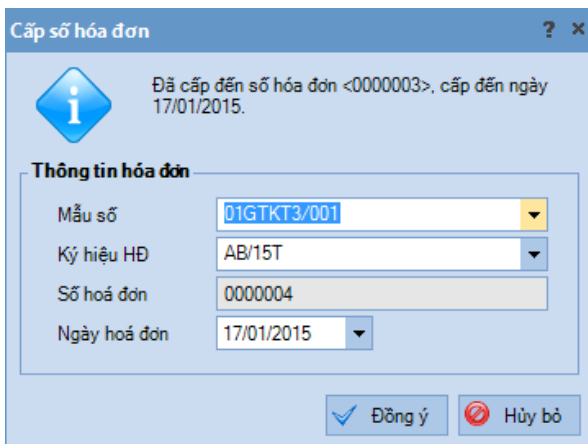
Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

1. Hàng tiền		2. Thuế		3. Giá vốn		4. Thống kê		Loại tiền		Tỷ giá	
Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chi phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	T			
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	131	5111	Chiếc	3.00	5.000.000,00	15.000.000				
ĐT_SAMSUNG D9	Điện thoại SAMSUNG D9	131	5111	Chiếc	4.00	4.500.000,00	18.000.000				
Bấm vào đây để thêm mới											
Số dòng = 2					7.00		33.000.000				

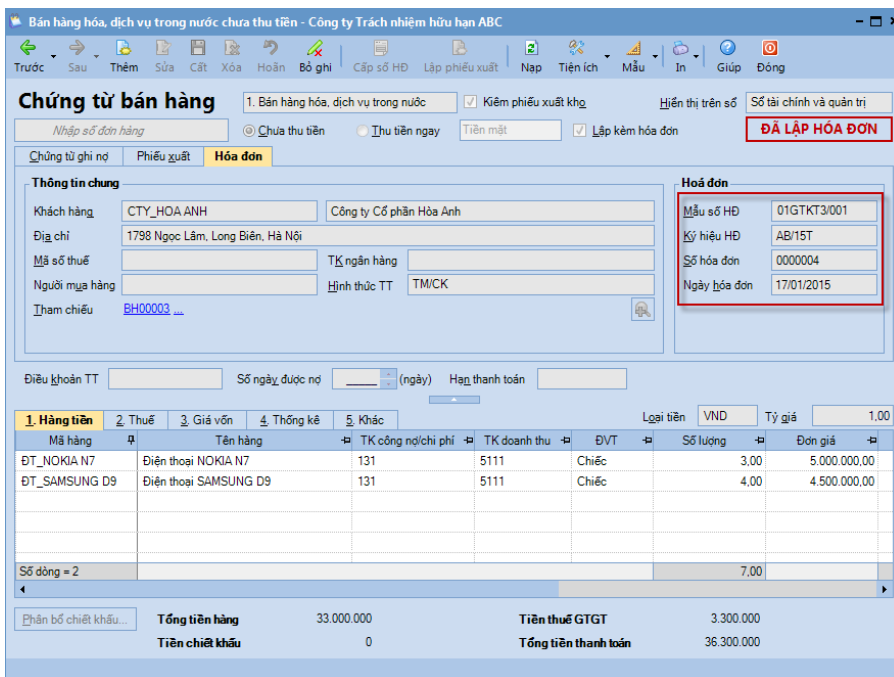
Phân bổ chiết khấu... **Tổng tiền hàng** 33.000.000 **Tiền thuế GTGT** 3.300.000

Tiền chiết khấu 0 **Tổng tiền thanh toán** 36.300.000

- Trường hợp xuất luôn hoá đơn cho khách hàng, NSD tích chọn “*Lập kèm hoá đơn*”.
- Nhấn **Cất** để lưu chứng từ bán hàng vừa lập.
- Chọn chức năng **Cấp số hoá đơn** trên thanh công cụ (đối với đơn vị có sử dụng quản lý phát hành hoá đơn trên phần mềm):



- Nhấn **Đồng ý**, thông tin mẫu, ký hiệu, số và ngày hoá đơn sẽ được hệ thống tự động lấy lên tab **Hoá đơn** của chứng từ bán hàng:



Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chi phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	131	5111	Chiếc	3,00	5.000.000,00
ĐT_SAMSUNG D9	Điện thoại SAMSUNG D9	131	5111	Chiếc	4,00	4.500.000,00
Số dòng = 2						7,00

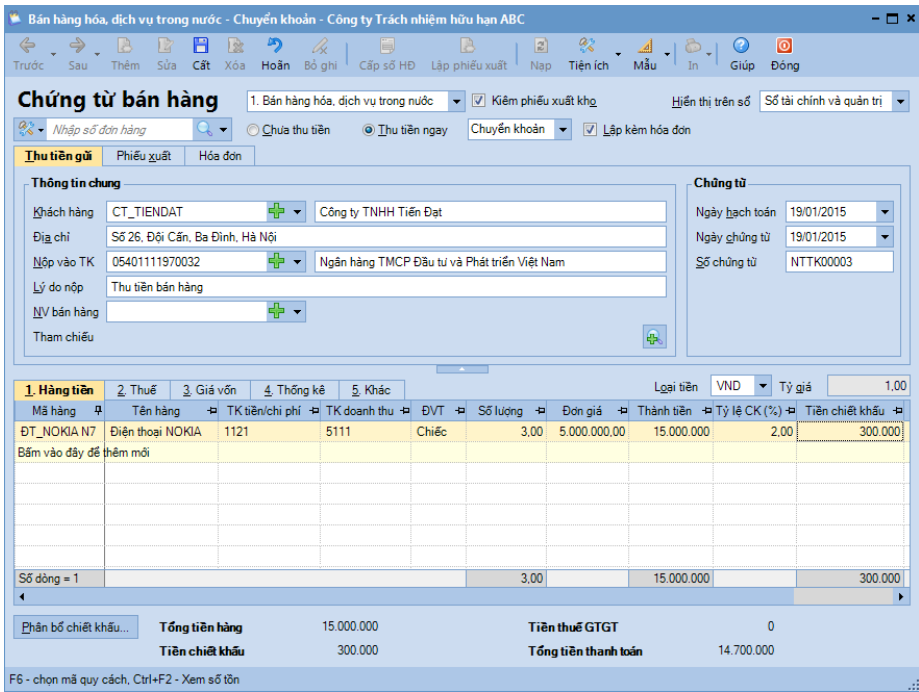
Tổng tiền hàng	33.000.000	Tiền thuế GTGT	3.300.000
Tiền chiết khấu	0	Tổng tiền thanh toán	36.300.000

2.4 *Bán hàng thu tiền ngay*

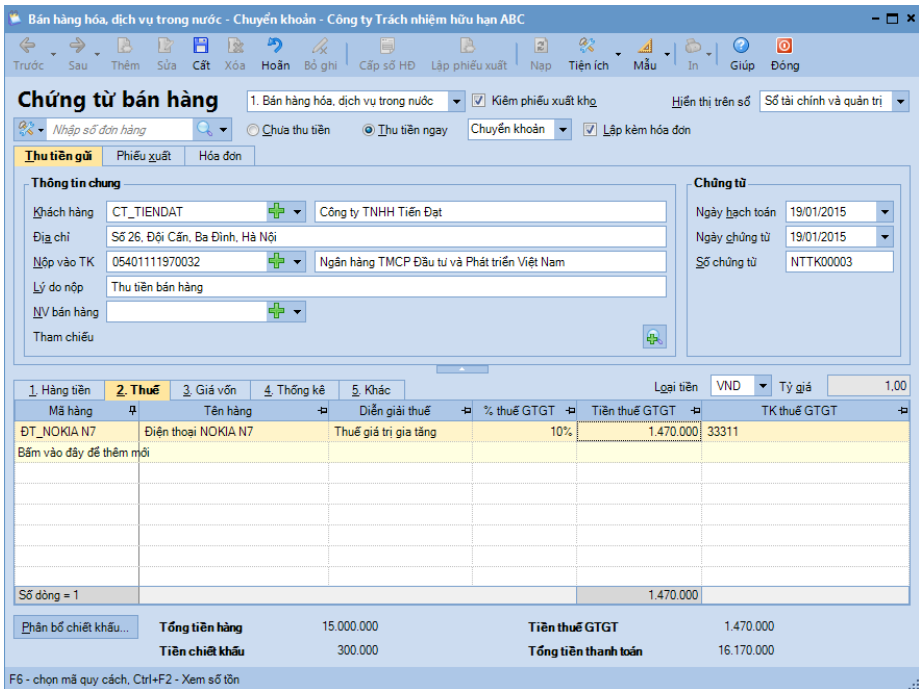
VD: Ngày 19/01/2015 bán hàng cho công ty Tiên Đạt, thu bằng chuyển khoản vào ngân hàng BIDV: 3 điện thoại NOKIA N7, đơn giá chưa thuế 5.000.000 VND. Thuế GTGT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, mẫu số AB/11T, số 0000005. Chiết khấu thương mại 2%

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Chứng từ bán hàng** (hoặc trên tab **Bán hàng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

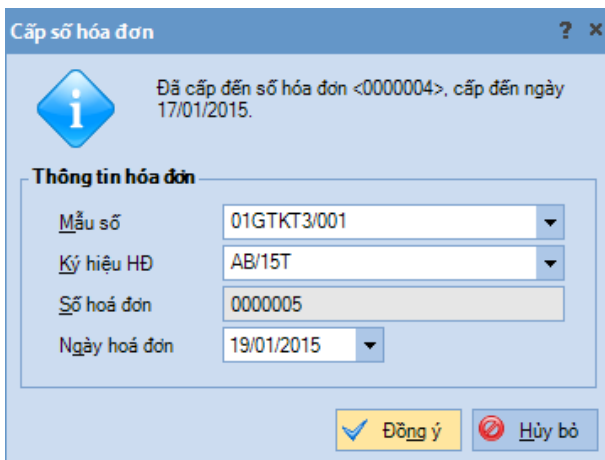
- Lựa chọn loại chứng từ bán hàng là “*Bán hàng hoá, dịch vụ trong nước*”.
- Hiện thị trên số: Chọn chế độ số kế toán làm việc
- Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Thu tiền ngay\Chuyển khoản*”.
- Khách hàng: Chọn mã khách hàng tương ứng với công ty Tiên Đạt, phần mềm sẽ tự động hiển thị
- Nộp vào TK: chọn số tài khoản của ngân hàng BIDV.
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Ngày chứng từ: 19/01/2015
- Tab **Hàng tiền**: Chọn mã hàng tương ứng là điện thoại NOKIA N7, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan:
 - TK Nợ: 1121/TK Có: 5111 (Phần mềm tự hạch toán)
 - Nhập số lượng: 3 và đơn giá: 5.000.000 VND
 - Nhập tỷ lệ chiết khấu 2%, phần mềm tự động tính ra tiền chiết khấu



Tab **Thuế**: nhập thuế suất 10% phần mềm tự động tính ra tiền thuế:



Nhấn **Cất** để lưu chứng từ bán hàng vừa lập.
Chọn chức năng **Cấp số hoá đơn** trên thanh công cụ:



Cấp số hóa đơn

Đã cấp đến số hóa đơn <0000004>, cấp đến ngày 17/01/2015.

Thông tin hóa đơn

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu HĐ: AB/15T

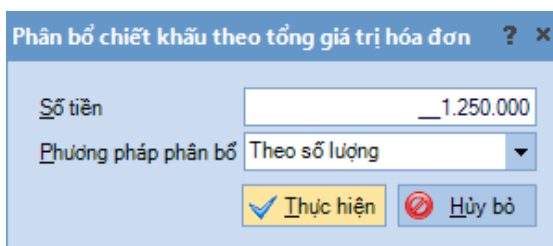
Số hoá đơn: 0000005

Ngày hoá đơn: 19/01/2015

Đồng ý Hủy bỏ

Nhấn **Đồng ý**, thông tin mẫu, ký hiệu, số và ngày hoá đơn sẽ được hệ thống tự động lấy lên tab **Hoá đơn** của chứng từ bán hàng.

*Khi bán hàng có phát sinh chiết khấu thương mại cho từng mặt hàng, NSD sẽ nhập tỷ lệ hoặc số tiền chiết khấu trên tab **Hàng tiền** (tương ứng với từng mặt hàng). Trường hợp chỉ có tỷ lệ chiết khấu chung cho cả hoá đơn bán hàng, NSD sẽ chọn chức năng **Phân b** chiết khấu:*



Phân bổ chiết khấu theo tổng giá trị hóa đơn

Số tiền: 1.250.000

Phương pháp phân bổ: Theo số lượng

Thực hiện Hủy bỏ

2.5 Bán hàng trả chậm, trả góp

VD: Ngày 21/01/2015, khách hàng lẻ - Nguyễn Văn Khánh mua trả góp điện thoại Iphone 6, đơn giá 24.000.000 VND. Thuế GTGT 10%. Khách hàng trả đều trong 6 kỳ. Kỳ đầu tiên được trả ngay sau khi nhận hàng, 5 kỳ tiếp theo có tổng lãi trả chậm là 1.000.000 VND (chia đều cho 5 kỳ).

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

+ Khi khách hàng mua hàng, NSD hạch toán như sau:

Hạch toán nghiệp vụ bán hàng chưa thu tiền trên phân hệ thông qua chức năng lập **Chứng từ bán hàng** thuộc phân hệ **Bán hàng** (hướng dẫn chi tiết nghiệp vụ này, xem tại nghiệp vụ bán hàng chưa thu tiền ở trên):

The screenshot shows the 'Chứng từ bán hàng' (Sales Invoice) form in a software application. The form is titled 'Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước chưa thu tiền - Công ty Cổ phần ABC'. It includes a header with navigation buttons (Trước, Sau, Thêm, Sửa, Cắt, Xóa, Hoàn, Ghi số, Cấp số HĐ, Lập phiếu xuất, Nạp, Tiện ích, Mẫu, In, Giúp, Đóng) and a search bar. The main form area is divided into sections: 'Thông tin chung' (General Information) and 'Chứng từ' (Invoice Details). The 'Thông tin chung' section includes fields for 'Khách hàng' (Customer: NVKHANH), 'Tên khách hàng' (Customer Name: Nguyễn Văn Khánh), 'Mã hàng' (Product Code), 'Tên hàng' (Product Name), 'Đơn giá' (Unit Price), and 'Thành tiền' (Total Amount). The 'Chứng từ' section includes fields for 'Ngày hạch toán' (Accounting Date: 21/01/2015), 'Ngày ghi sổ' (Posting Date: 21/01/2015), and 'Số chứng từ' (Invoice Number: BH00034). Below these sections is a table of items with columns: 'Mã hàng', 'Tên hàng', 'TK công nợ/chi phí', 'TK doanh thu', 'ĐVT', 'Số lượng', 'Đơn giá', and 'Thành tiền'. The table contains one row for 'IPHONE6' (Điện thoại Iphone 6) with a quantity of 1, a unit price of 24,000,000, and a total amount of 24,000,000. The table also shows a summary row for 'Số dòng = 1' with a total amount of 24,000,000. At the bottom of the form, there is a summary section with fields for 'Tổng tiền hàng' (Total Goods Amount: 24,000,000), 'Tiền thuế GTGT' (VAT Amount: 2,400,000), 'Tiền chiết khấu' (Discount Amount: 0), and 'Tổng tiền thanh toán' (Total Payment Amount: 26,400,000). The footer of the application shows 'F6 - chọn mã quy cách, Ctrl+F2 - Xem số tiền'.

□ Hạch toán chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp với giá bán trong trường hợp trả tiền ngay trên phân hệ **Tổng hợp** (chọn chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác**):

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nhân viên
Chênh lệch doanh thu bán hàng trả chậm Bấm vào đây để thêm mới	131	3387	1.000.000			
Số dòng = 1			1.000.000			

Do khách hàng đã trả ngay một phần tiền ngay sau khi nhận được hàng, nên NSD thực hiện nghiệp vụ **Thu tiền khách hàng** trên phân hệ **Bán hàng**

Phiếu thu tiền mặt khách hàng - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Hiển thị trên số

Phiếu thu tiền mặt khách hàng

Thông tin chung

Khách hàng: NVKHANH Nguyễn Văn Khánh
 Người nộp: Nguyễn Văn Khánh
 Địa chỉ: 1254 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội
 Lý do nộp: Thu tiền khách hàng
 NV thu nợ: Kèm theo chứng từ gốc
 Tham chiếu: BH00034 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán: 21/01/2015
 Ngày chứng từ: 21/01/2015
 Số chứng từ: PT00019

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Khoản mục CP	Đơn vị	Hop đồng bán
Thu tiền khách hàng	1111	131	4.400.000			
Số đồng = 1			4.400.000			

+ Tới kỳ trả lại đầu tiên:

□ NSD sẽ hạch toán nghiệp vụ thu tiền khách hàng, trong đó số tiền thu được sẽ bao gồm cả lãi trả chậm, trả góp. NSD thực hiện nghiệp vụ **Thu tiền khách hàng** trên phân hệ **Bán hàng** (hướng dẫn chi tiết nghiệp vụ này, xem tại nghiệp vụ 6 thuộc phần **Kế toán công nợ phải thu** (trang 205).

Phiếu thu tiền mặt khách hàng - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi sổ Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Phiếu thu tiền mặt khách hàng

Hiện thị trên số

Thông tin chung

Khách hàng: NVKHANH Nguyễn Văn Khánh

Người nộp: Nguyễn Văn Khánh

Địa chỉ: 1254 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

Lý do nộp: Thu tiền khách hàng

NV thu nợ: Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu: BH00034

Chứng từ

Ngày hạch toán: 21/02/2015

Ngày chứng từ: 21/02/2015

Số chứng từ: PT00020

1. Hạch toán 2. Chứng từ

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Khoản mục CP	Đơn vị	Hộp đồng bán
Thu tiền khách hàng	1111	131	4.600.000			
Số đóng = 1			4.600.000			

Đồng thời xác định và kết chuyển doanh thu tiền lãi bán trả chậm, trả góp trên chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác** thuộc phân hệ **Tổng hợp**:

□ Do khách hàng đã trả ngay một phần tiền ngay sau khi nhận được hàng, nên NSD thực hiện nghiệp vụ **Thu tiền khách hàng** trên phân hệ **Bán hàng**

Chứng từ nghiệp vụ khác - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi sổ Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ nghiệp vụ khác

Hiện thị tiền số: Số tài chính và quản trị

Thông tin chung

Diễn giải: Kết chuyển lãi do bán hàng trả chậm, trả góp

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 21/02/2015

Ngày ghi sổ: 21/02/2015

Số chứng từ: NVK00039

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nhân viên
Kết chuyển lãi do bán hàng trả chậm, tr	3387	515	200.000			
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 1			200.000			

Với các kỳ trả lãi tiếp theo, NSD thực hiện tương tự như kỳ trả lãi đầu tiên.

Xác định thuế XK và thuế TTĐB phải nộp:

VD: Ngày 21/01/2015, doanh nghiệp bán hàng xuất khẩu cho công ty Tân Hoà các mặt hàng sau:

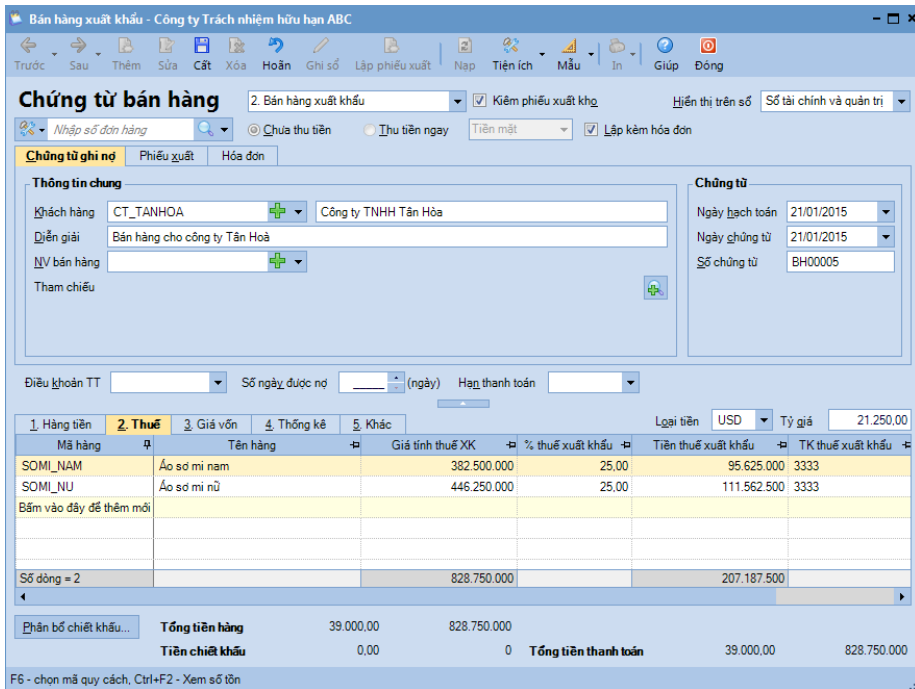
- Áo sơ mi Nam, số lượng 1000, đơn giá 18 USD
- Áo sơ mi Nữ, số lượng 1000, đơn giá 21 USD

Thuế xuất khẩu 25%, tỷ giá 21.250 VND => doanh nghiệp chưa thu được tiền của khách hàng NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Chứng từ bán hàng** (hoặc trên tab **Bán hàng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ bán hàng là “*Bán hàng xuất khẩu*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 86).

- Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Chưa thu tiền*”.
- Khách hàng: Chọn mã khách hàng tương ứng với công ty Tân Hoà, phần mềm sẽ tự động hiển thị
- Chọn loại tiền hạch toán: USD và nhập tỷ giá: 21.250 VND
- Ngày chứng từ: 21/01/2015
- Tab **Hàng tiền**: Chọn mã hàng tương ứng là điện thoại Áo sơ mi nam và Áo sơ mi nữ, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan:
 - TK Nợ: 131/TK Có: 5111 (Phần mềm tự hạch toán)
 - Nhập số lượng số lượng và đơn giá tương ứng với từng mặt hàng

- Tab **Thuế**: nhập thông tin liên quan đến thuế xuất khẩu:
 - Giá tính thuế xuất khẩu: Nhập thành tiền quy đổi của từng mặt hàng giống như bên tab Hàng tiền.
 - % thuế xuất khẩu: 25%



Nhấn **Cắt** để lưu chứng từ bán hàng vừa lập.

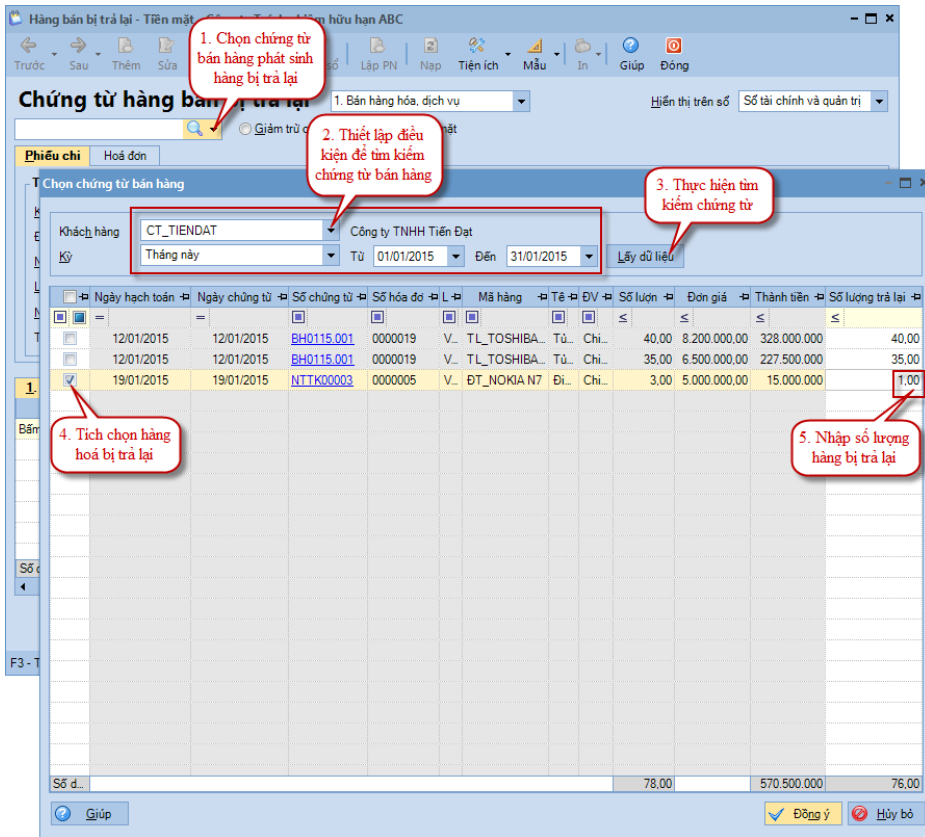
□ Nghiệp vụ 3: CKTM, DT hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh:

Trong quá trình bán hàng, sản phẩm, hàng hóa có thể bị khách hàng trả lại hoặc giảm giá cho khách hàng do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng hay hàng bị kém, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách theo quy định trong hợp đồng. Khi đó, doanh nghiệp phải hạch toán các bút toán giảm giá, hoặc trả lại hàng dựa vào hóa đơn GTGT mà khách hàng xuất trả lại.

VD: Ngày 20/01/2015 Công ty Tiến Đạt trả lại hàng theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AC/15P, số 0000217 ngày 20/01/2015: 1 điện thoại NOKIA N7 đơn giá chưa thuế 5.000.000 VND/cái, thuế GTGT 10%. Công ty trả lại tiền mặt cho khách hàng.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Trả lại hàng bán** (hoặc trên tab **Trả lại hàng bán** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ bán hàng bị trả lại là “*Bán hàng hoá, dịch vụ*”.
- Hiện thị trên số: Chọn chế độ số kế toán làm việc
- Lựa chọn phương thức giảm trừ cho chứng từ trả lại hàng bán là “*Trả lại tiền mặt*”.
- Chọn chứng từ bán hàng có phát sinh hàng bán bị trả lại:



- Nhấn **Đồng ý** , thông tin hàng bị trả lại sẽ được tự động lấy lên chứng từ trả lại hàng bán:
- Ngày chứng từ: 20/01/2015

Hàng bán bị trả lại - Tiền mặt - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Lập PN Nap Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ hàng bán bị trả lại 1. Bán hàng hóa, dịch vụ Hiện thị trên số Số tài chính và quản trị

Nhập số HĐ/số CT bán hàng Giảm trừ công nợ Trả lại tiền mặt

Phiếu chi Hoá đơn

Thông tin chung

Khách hàng CT_TIENDAT Công ty TNHH Tiến Đạt
 Địa chỉ Số 26, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
 Người nhận
 Lý do chi Trả lại tiền hàng cho khách hàng
 NV bán hàng Kèm theo chứng từ gốc
 Tham chiếu NTKK00003 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán 20/01/2015
 Ngày chứng từ 20/01/2015
 Số chứng từ PC00007

1. Hàng tiền 2. Thuế 3. Thống kê Loại tiền VND Tỷ giá 1.00

Mã hàng	Tên hàng	TK trả lại	TK tiền	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	5212	1111	Chiếc	1,00	5.000.000,00	5.000.000
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 1						1,00	5.000.000
Tổng tiền hàng		5.000.000		Tiền thuế GTGT		490.000	
Tổng chiết khấu		100.000		Tổng tiền thanh toán		5.390.000	

- Nhấn **Cắt** để lưu chứng từ trả lại hàng bán vừa lập.

3. Thực hành Kế toán công nợ phải thu

3.1 Thu tiền khách hàng bằng tiền mặt

(Phương pháp hạch toán vào phần mềm tương tự 3.2 Thu tiền khách hàng bằng tiền gửi ngân hàng)

3.2 Thu tiền khách hàng bằng tiền gửi ngân hàng

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 cho phép kế toán theo dõi số tiền phải thu của từng khách hàng chi tiết theo từng Hóa đơn bán hàng (thu tiền bán hàng của Hóa đơn nào và với giá trị bằng bao nhiêu).

Căn cứ vào phương thức thanh toán mà NSD lựa chọn (Tiền mặt hoặc Chuyển khoản), phần mềm sẽ sinh Phiếu thu hoặc Chứng từ thu tiền gửi ngay sau khi kế toán thực hiện Thu tiền khách hàng

VD 1: Ngày 20/01/2015 Công ty Hoà Anh thanh toán tiền hàng còn nợ của hóa đơn ngày 17/01/2015 bằng chuyển khoản vào tài khoản tại ngân hàng BIDV, được hưởng chiết khấu thanh toán 2%. NSD tiến hành nhập liệu như

sau:

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Thu tiền khách hàng** (hoặc vào **Nghiệp vụ\Bán hàng\Thu tiền khách hàng**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Số phải thu	Số chưa thu	Số thu	TK phải thu	Tỷ lệ CK	Tiền chiết khấu	TK chiết k
16/01/2015	BH00001	0000001	45.100.000	45.100.000	0	131	0,00	0	635
17/01/2015	BH00003	0000004	36.300.000	36.300.000	23.650.000	131	2,00	473.000	635

- Phương thức thanh toán: Chọn là Tiền gửi
- Chọn loại tiền thanh toán: VND
- Khách hàng: Chọn khách hàng là công ty Hoà Anh
- Ngày thu tiền: 20/01/2015
- Nhấn **Lấy dữ liệu**, hệ thống sẽ tự động liệt kê các chứng từ bán hàng chưa thanh toán đối với công ty Hoà Anh trên tab **Chứng từ công nợ**.
- \ Tích chọn chứng từ bán hàng thu được tiền, hệ thống sẽ tự động cập nhật số tiền thu được => trường hợp số tiền thu được < số phải thu của chứng từ bán hàng, NSD nhập lại giá trị tại cột Số thu.
- Tỷ lệ CK: nhập tỷ lệ 2%, phần mềm tự động tính ra tiền chiết khấu được hưởng của khách hàng khi thanh toán công nợ

- Nhấn <<**Thu tiền**>>, hệ thống tự động sinh chứng từ Thu tiền gửi khách hàng:

- Nộp vào TK: Chọn tài khoản của Ngân hàng BIDV
- Nhấn **Cắt** để lưu chứng từ thu tiền khách hàng vừa lập.

4. Xem và in báo cáo liên quan đến bán hàng

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến bán hàng, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo bán hàng.

Sổ nhật ký bán hàng

- Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Bán hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn **Chọn tham số**
- Chọn báo cáo là **Sổ nhật ký bán hàng**, sau đó khai báo tham số thời gian in báo cáo:

Sổ nhật ký bán hàng ? x

Báo cáo: 4. Sổ nhật ký bán hàng

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1

Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015

Chỉ hiển thị hóa đơn bán hàng chưa thu tiền

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo

MISA SME.NET R9 Professional - Công ty TNHH XYZ

Đang làm việc trên: Sổ tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Chọn báo cáo...

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG
Tháng 01 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	Tổng doanh thu	Doanh thu hàng hóa	Doanh
12/01/2015	12/01/2015	BH0115.001	12/01/2015	0000019	Giao hàng theo đơn đ	555.500.000	555.500.000	
16/01/2015	16/01/2015	BH00001	16/01/2015	0000001	Bán hàng cho công ty	41.000.000	41.000.000	
17/01/2015	17/01/2015	BH00002	17/01/2015			62.500.000	62.500.000	
17/01/2015	17/01/2015	BH00003	17/01/2015	0000004		33.000.000	33.000.000	
19/01/2015	19/01/2015	HTK00003	19/01/2015	0000005	Thu tiền bán hàng	15.000.000	15.000.000	
20/01/2015	20/01/2015	PC00007	19/01/2015		Trả lại tiền hàng cho k	0	0	
						707.000.000	707.000.000	

Số dòng = 6

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 Tên DLKT: KE_TOAN_2015 Người dùng: Admin Tổng đài tư vấn: 1900-8677 OVR NUM 10:25 SA 10/01/2015

Sổ chi tiết bán hàng

- Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Bán hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn **Chọn tham số**.
- Chọn báo cáo là **Sổ chi tiết bán hàng**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: thời gian, nhóm VTHH, đơn vị, nhân viên, nhóm khách hàng, vật tư, hàng hoá, khách hàng:

Sổ chi tiết bán hàng

Báo cáo: 2. Sổ chi tiết bán hàng

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1 Đơn vị: []

Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015 Nhân viên: []

Nhóm VTHH: [] Nhóm KH: []

Mã hàng	Tên hàng	
<input checked="" type="checkbox"/>	BIA	Bia hơi
<input checked="" type="checkbox"/>	CHI	Chi khấu 500m
<input checked="" type="checkbox"/>	CPMH	Chi phí mua hàng
<input checked="" type="checkbox"/>	ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7
<input checked="" type="checkbox"/>	ĐT_SAMSUNG D9	Điện thoại SAMSUNG D9

Mã khách hàng	Tên khách hàng	Địa chỉ
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_HUEHOA	Công ty CP Huệ Hoa, Số 86, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_TANHOA	Công ty TNHH Tân Hòa, Số 32, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt, Số 26, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_BAO OANH	Công ty TNHH Bảo Oanh, 1024 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_HOA ANH	Công ty Cổ phần Hòa Anh, 1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

• Xem báo cáo:

MISA SME.NET 2015 R9 Professional - Công ty TNHH XYZ

Đang làm việc trên: Sổ tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tháng 01 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng bán	Đơn giá	Doanh số bán	Ch
12/01/2015	12/01/2015	BH0115.001	12/01/2015	0000019	Giao hàng t	TL_TOSHIBA150	Tủ lạnh TOSHIBA 150 li	Chiếc	40,00	8.200.000,00	328.000.000	
12/01/2015	12/01/2015	BH0115.001	12/01/2015	0000019	Giao hàng t	TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 li	Chiếc	35,00	6.500.000,00	227.500.000	
16/01/2015	16/01/2015	BH00001	16/01/2015	0000001	Bán hàng c	TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 li	Chiếc	3,00	5.000.000,00	15.000.000	
16/01/2015	16/01/2015	BH00001	16/01/2015	0000001	Bán hàng c	TL_TOSHIBA150	Tủ lạnh TOSHIBA 150 li	Chiếc	4,00	6.500.000,00	26.000.000	
17/01/2015	17/01/2015	BH00002	17/01/2015			TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 li	Chiếc	10,00	6.250.000,00	62.500.000	
17/01/2015	17/01/2015	BH00003	17/01/2015	0000004		ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	3,00	5.000.000,00	15.000.000	
17/01/2015	17/01/2015	BH00003	17/01/2015	0000004		ĐT_SAMSUNG	Điện thoại SAMSUNG	Chiếc	4,00	4.500.000,00	18.000.000	
19/01/2015	19/01/2015	NTTK00003	19/01/2015	0000005	Thu tiền bán	ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	3,00	5.000.000,00	15.000.000	
20/01/2015	20/01/2015	PC00007	19/01/2015		Trả lại tiền h	ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	0,00	5.000.000,00		0
Số dòng = 9									102,00		707.000.000	

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 | Tên DLK: KE_TOAN_2015 | Người dùng: Admin | Tổng đài tư vấn: 1900-8677 | OVR NUM | 10:32 SA | 1/10/2015

□ Tổng hợp công nợ phải thu khách hàng

- Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Bán hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn **Chọn tham số**
- Chọn báo cáo là **Tổng hợp công nợ phải thu khách hàng**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: thời gian, tài khoản, loại tiền, nhóm khách hàng, khách hàng:

Tổng hợp công nợ phải thu

Báo cáo: 5. Tổng hợp công nợ phải thu khách hàng

Thống kê theo: <<Không chọn>>

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1 Tài khoản: 131 Loại tiền: VND

Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015 Nhóm KH:

<input type="checkbox"/>	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Địa chỉ	Mã số th
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_HUEHOA	Công ty CP Huệ Hoa	Số 86, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_TANHOA	Công ty TNHH Tân Hòa	Số 32, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội	
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt	Số 26, Đồi Cấm, Ba Đình, Hà Nội	
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_BAO OANH	Công ty TNHH Bảo Oanh	1024 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân...	
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_HOA ANH	Công ty Cổ phần Hòa Anh	1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà...	
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_HOANG CAU	Công ty Cổ phần Hoàng Cầu	1235 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

MISA SMENET 2015 R9 Professional - Công ty TNHH XYZ

Tệp: Danh mục | Nghiệp vụ | Hệ thống | Tiện ích | Trợ giúp | Đang làm việc trên: Số tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Chọn chi nhánh làm việc | Tìm kiếm | Báo cáo | Ngày hạch toán | Nạp | Mẫu | Báo cáo đã cắt | Thu gọn | Xuất khẩu | In | Group

Báo giá | Đơn đặt hàng | Bán hàng | Xuất hóa đơn | Trả lại hàng bán | Giảm giá hàng bán | Thu nợ | Công nợ | Thay đổi số với MISA SME.NET 2012

Chọn báo cáo:

TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU

Tài khoản: 131; Loại tiền: VND; Tháng 01 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Mã khách hàng	Tên khách hàng	TK công nợ	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
CT_TANHOA	Công ty TNHH Tân Hòa	131	80.000.000	0	0	60.510.000	19.490.000	0
CT_TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt	131	80.000.000	0	681.244.500	610.494.500	150.750.000	0
CTY_HOA ANH	Công ty Cổ phần Hòa Anh	131	0	0	81.400.000	23.650.000	57.750.000	0

Số dòng = 3 | 160.000.000 | 0 | 762.644.500 | 694.654.500 | 227.990.000 | 0

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 | Tên DLKT: KE_TOAN_2015 | Người dùng: Admin | Tổng đài tư vấn: 1900-8677 | OVR | NUM | 10:40 SA | 10/1/2015

Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến hoạt động bán hàng như sau:

1. Ngày 07/01/2015, bán hàng cho Công ty TNHH Tiến Đạt (VAT: 10%; chưa thu tiền). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000002, ký hiệu AB/15T

⌋ Tivi LG 21 inches SL: 02, ĐGCTCT: 4.000.000 (VND/chiếc)

⌋ Tivi LG 29 inches SL: 03, ĐGCTCT: 9.800.000 (VND/chiếc)

2. Ngày 11/01/2015, bán hàng thu tiền gửi ngân hàng Công thương của Công ty TNHH Trà Anh (VAT:10%). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000003, ký hiệu AB/15T

⌋ Điện thoại NOKIA N6 SL: 05, ĐGCTCT:5.800.000 (VND/chiếc)

⌋ Điện thoại SAMSUNG E8 SL: 05, ĐGCTCT:5.410.000 (VND/chiếc)

3. Ngày 27/01/2015, Công ty cổ phần Hoa Nam đặt hàng gồm (VAT 10%).

⌋ Điện thoại NOKIA N7 SL: 02, ĐGCTCT:5.800.000 (VND/chiếc)

⌋ Điện thoại NOKIA D9 SL: 04, ĐGCTCT:5.500.000 (VND/chiếc)

4. Ngày 28/01/2015, chuyển hàng cho Công ty cổ phần Hoa Nam theo đơn hàng ngày 27/01/2015, chưa thu tiền (Tỷ lệ chiết khấu 2% với mỗi mặt hàng). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000004, ký hiệu AB/15T

⌋ Điện thoại NOKIA N7 SL: 02, ĐGCTCT:5.800.000 (VND/chiếc)

⌋ Điện thoại NOKIA D9 SL: 04, ĐGCTCT:5.500.000 (VND/chiếc)

5. Ngày 29/01/2015, Công ty Cổ phần Hoa Nam trả lại hàng. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0001234, ký hiệu AC/15P

⌋ Điện thoại NOKIA N7 SL: 01

6. Ngày 27/02/2015, bán hàng cho Công ty TNHH Tân Hòa, thu bằng tiền

gửi tại ngân hàng Công thương, VAT 10%. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000005, ký hiệu AB/15T

‖ Tivi LG 19 inches SL: 03, ĐGCT: 3.400.000 (VND/chiếc)

‖ Tivi LG 21 inches SL: 02, ĐGCT: 3.800.000 (VND/chiếc)

7. Ngày 28/02/2015, bán hàng cho Công ty cổ phần Thái Lan chưa thu tiền. VAT 10%. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000006, ký hiệu AB/15T

‖ Tivi LG 19 inches SL: 02, ĐGCT: 3.400.000 (VND/chiếc)

8. Ngày 06/03/2015, bán hàng cho khách lẻ thu tiền mặt, VAT 10%. Theo hóa

đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000007, ký hiệu AB/15T

‖ ĐH SHIMAZU 24000BTU SL: 03, ĐGCT:16.600.000 (VND/chiếc)

Yêu cầu:

‖ Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2

‖ Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.

‖ In Sổ chi tiết bán hàng, Nhật ký bán hàng, Tổng hợp công nợ phải thu,...

BÀI 5: THỰC HÀNH KẾ TOÁN KHO

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

▣ Nguyên tắc hạch toán

▣ Mô hình hoạt động nhập, xuất kho

▣ Sơ đồ hạch toán kế toán kho

▣ Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

1. Nguyên tắc hạch toán

☐ Kế toán nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được thực hiện theo nguyên tắc giá gốc quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”.

☐ Việc tính giá trị của vật tư xuất kho được thực hiện theo một trong các phương pháp quy định trong Chuẩn mực kế toán 02 “Hàng tồn kho”:

- Phương pháp giá đích danh.
- Phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp nhập trước, xuất trước.

☐ Kế toán chi tiết vật tư phải thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm vật tư.

2. Thực hành kế toán kho

Công ty TNHH XYZ Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội				Mẫu số: 01 - VT <i>(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</i>			
PHIẾU NHẬP KHO							
Ngày 03 tháng 01 năm 2015				Số: 1561			
Số: NK0115.001				Có: 331			
- Họ và tên người giao: Công ty TNHH Phú Thế							
- Theo hóa đơn số 0012745 ngày 03 tháng 01 năm 2015 của Công ty TNHH Phú Thế							
- Nhập tại kho: Kho Hàng hóa				Địa điểm:			
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít	TL_TOSHIBA 110	Chiếc	35,00		5.000.000,00	175.000.000
2	Tủ lạnh TOSHIBA 150 lít	TL_TOSHIBA 150	Chiếc	40,00		7.000.000,00	280.000.000
Cộng							455.000.000
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn.							
- Số chứng từ gốc kèm theo:							
Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>		Người giao hàng <i>(Ký, họ tên)</i>		Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>		Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) <i>(Ký, họ tên)</i>	
<i>Ngày tháng năm</i>							

□ Phiếu xuất kho

Công ty TNHH XYZ Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội				Mẫu số: 02 - VT (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 17 tháng 01 năm 2015 Nợ: 632 Số: XK00001 Có: 1561							
- Họ và tên người nhận hàng: Công ty Cổ phần Hòa Anh - Địa chỉ (bộ phận): 1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội - Lý do xuất kho: - Xuất tại kho (ngân lô): Kho Hàng hóa Địa điểm:							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Điện thoại NOKIA N7	ĐT NOKIA N7	Chiếc	3,00		4.288.888,89	12.866.667
2	Điện thoại SAMSUNG D9	ĐT SAMSUNG D9	Chiếc	4,00		4.080.000,00	16.320.000
Cộng							29.186.667
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): <i>Hai mươi chín triệu một trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng chẵn.</i> - Số chứng từ gốc kèm theo: <div style="text-align: right; margin-top: 5px;">Ngày tháng năm</div>							
Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận hàng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) <i>(Ký, họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>			

2.1 Hàng mua đi đường

VD: Ngày 20/01/2015, mua của công ty Hồng Hà 20 điện thoại Nokia N7, đơn giá 4.500.000 VND. (VAT 10%, ký hiệu AA/15P, số 7654321. Chưa thanh toán cho người bán. Hóa đơn đã về nhưng hàng chưa về.

NSD nhập liệu như đã hướng dẫn ở chương Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Mua hàng trong nước nhập kho chưa thanh toán - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nhận HĐ Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ mua hàng

1. Mua hàng trong nước nhập kho Hiển thị trên số Số tài chính và quản trị

Chưa thanh toán Thanh toán ngay Nhận kèm hóa đơn **ĐÃ NHẬN HÓA ĐƠN**

Phiếu nhập

Thông tin chung

Nhà cung cấp:

Người giao hàng:

Diễn giải:

NV mua hàng: Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán:

Ngày chứng từ:

Số phiếu nhập:

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

1. Hàng tiền **2. Thuế** **3. Chi phí** Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

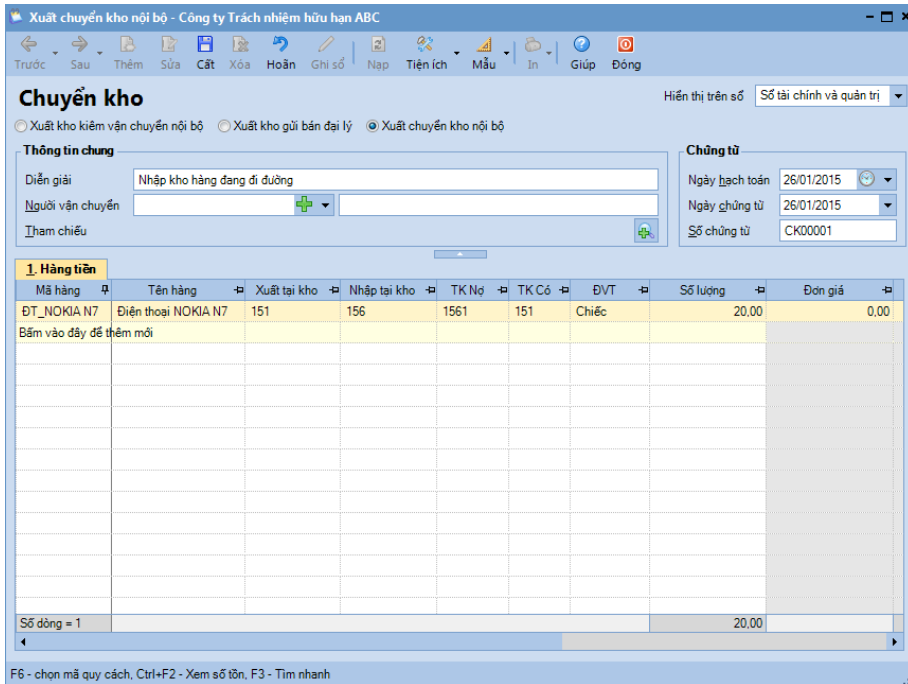
Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	151	151	331	Chiếc	20,00	4.500.000,00	90.000.000
Số dòng = 1							20,00	90.000.000
Tổng tiền hàng								90.000.000
Tiền thuế GTGT								9.000.000
Tiền chiết khấu								0
Tổng tiền thanh toán								99.000.000

Phân bổ chiết khấu:

+ Hàng đang đi đường nhập kho

VD: Ngày 26/01/2015 số hàng ở nghiệp vụ (1b) đã về nhập kho.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Chuyển kho** (hoặc trên tab **Chuyển kho** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:



- Lựa chọn loại chứng từ nhập kho là “*Xuất chuyển kho nội bộ*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ chuyển kho.
- Ngày chứng từ: 26/01/2015
- Tab Hàng tiền: Chọn mã hàng tương ứng là điện thoại Nokia N7, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
- Xuất tại kho: Chọn kho 151/Nhập tại kho: Chọn kho 156.
- TK Nợ: Chọn TK 1561/TK Có: Chọn TK 151.
- Số lượng: 20
- Nhấn <<Cắt để lưu chứng từ chuyển kho vừa nhập.

2.2 Nhập kho hàng hóa tự chế, gia công:

VD: Ngày 31/01/2015 phân xưởng 1 và 2 hoàn thành sản xuất, phân xưởng 1 nhập kho 150 quần nam và 160 quần nữ, phân xưởng 2 nhập kho 150 sơ mi nam, 160 sơ mi nữ.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Nhập kho** (hoặc trên tab **Nhập**, xuất kho chức năng **Thêm\Nhập kho**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Phiếu nhập kho 1. Thành phẩm sản xuất Nhập số lệnh sản xuất Hiện thị trên số Sổ tài chính và quản trị

Thông tin chung

Người giao hàng:

Diễn giải: Sản xuất sản phẩm hoàn thành nhập kho

Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 31/01/2015

Ngày chứng từ: 31/01/2015

Số chứng từ: MH00006

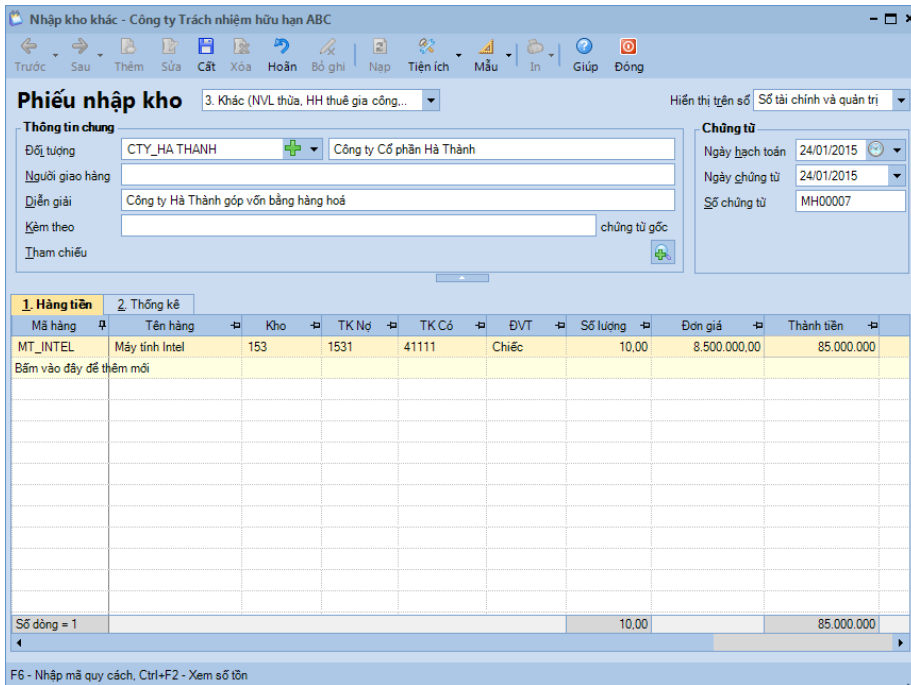
Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
QUAN_NAM	Quần nam	K155	1551	154	Cái	150.00	
QUAN_NU	Quần nữ	K155	1551	154	Cái	160.00	
SOMI_NAM	Áo sơ mi nam	K155	1551	154	Cái	150.00	
SOMI_NU	Áo sơ mi nữ	K155	1551	154	Cái	160.00	
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 4						620.00	

- Lựa chọn loại chứng từ nhập kho là “Thành phẩm sản xuất”.
- Hiện thị trên số: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ nhập kho.
- Ngày chứng từ: 31/01/2015
- Tab Hàng tiền:
 - Chọn mã hàng tương ứng là quần nam, quần nữ, áo sơ mi nam và áo sơ mi nữ, phần mềm sẽ tự động hiện thị các thông tin liên quan.
 - TK Nợ: Chọn TK 1551/TK Có: Chọn TK 154.
Nhập số lượng quần, áo cần nhập kho tương ứng
- Tab Thống kê: Chọn mục đối tượng tập hợp chi phí là Phân xưởng 1 và 2 tương ứng với các sản phẩm.
- Nhấn <<Cắt để lưu chứng từ nhập kho vừa nhập.

2.3 Nhận vốn góp bằng vật tư, hàng hóa

VD: Ngày 24/01/2015 công ty Hà Thành tham gia góp vốn liên doanh vào công ty bằng 10 máy tính Intel, giá trị được đánh giá là 8.500.000 VND/cái

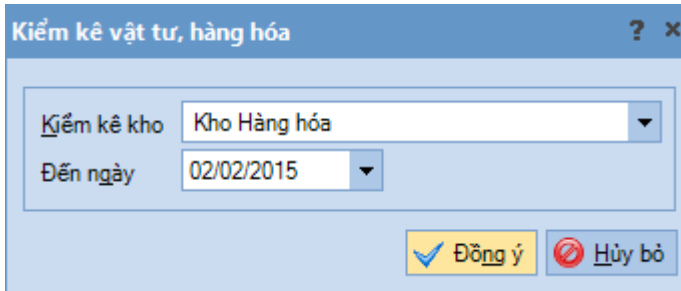
NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Nhập kho** (hoặc trên tab **Nhập, xuất kho** chức năng **Thêm\Nhập kho**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:



- Lựa chọn loại chứng từ nhập kho là “*Khác (NVL thừa, HH thuê gia công...*”.
 - Hiện thị trên số: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
 - Đối tượng: Chọn mã đối tượng tương ứng với công ty Hà Thành, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
 - Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ nhập kho.
 - Ngày chứng từ: 24/01/2015
 - Chọn mã hàng tương ứng là máy tính Intel, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
 - Kho: Chọn kho 153
 - TK Nợ: Chọn TK 1531/TK Có: Chọn TK 41111
 - Nhập số lượng 10, đơn giá 8.500.000 VND
- Nhấn <<**Cất** để lưu chứng từ nhập kho vừa nhập

2.4. Kiểm kê vật tư hàng hóa

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Kiểm kê** (hoặc trên tab **Kiểm kê** chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:



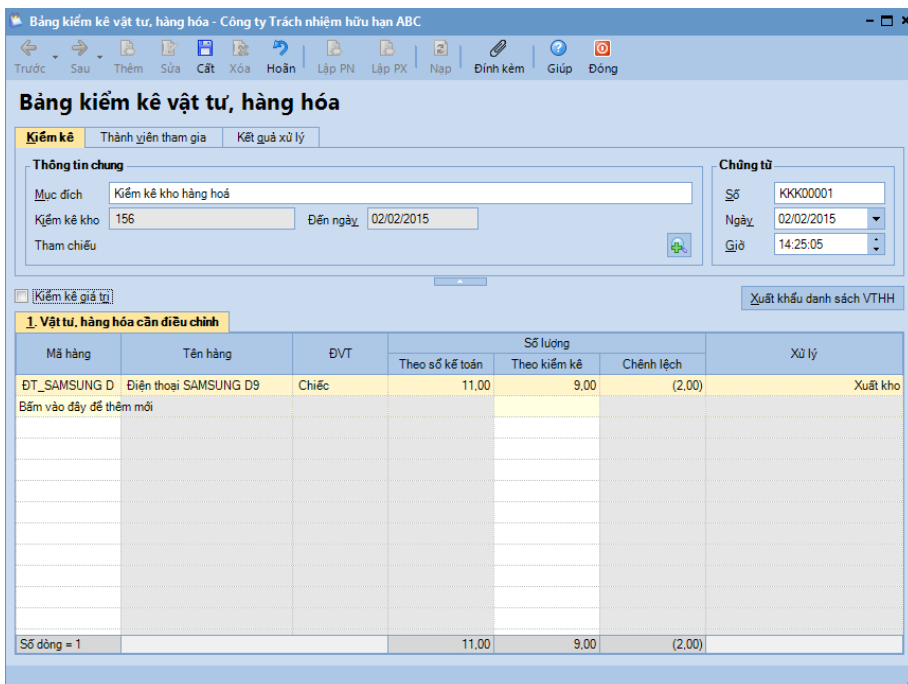
Kiểm kê vật tư, hàng hóa

Kiểm kê kho: Kho Hàng hóa

Đến ngày: 02/02/2015

Đồng ý Hủy bỏ

- Kiểm kê kho: Chọn kho cần kiểm kê là kho hàng hoá
- Đến ngày: Chọn ngày làm căn cứ để kiểm kê
- Nhấn **Đồng ý**, phần mềm hiển thị chứng từ xử lý chênh lệch kiểm kê hàng hoá:



Bảng kiểm kê vật tư, hàng hóa - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Bảng kiểm kê vật tư, hàng hóa

Kiểm kê Thành viên tham gia Kết quả xử lý

Thông tin chung

Mục đích: Kiểm kê kho hàng hoá

Kiểm kê kho: 156 Đến ngày: 02/02/2015

Tham chiếu

Chứng từ

Số: KKK00001

Ngày: 02/02/2015

Giờ: 14.25.05

Kiểm kê giá trị

Xuất khẩu danh sách VTHH

1. Vật tư, hàng hóa cần điều chỉnh

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng			Xử lý
			Theo sổ kế toán	Theo kiểm kê	Chênh lệch	
ĐT_SAMSUNG D	Điện thoại SAMSUNG D9	Chiếc	11,00	9,00	(2,00)	Xuất kho
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 1			11,00	9,00	(2,00)	

- Mục đích: Nhập nội dung chi tiết của việc kiểm kê kho
- Ngày: 02/02/2015
- Tab Hàng tiền: Chọn mã hàng phát sinh thừa hoặc thiếu khi kiểm kê => chọn điện tại Samsung D9.
- Số lượng (theo kiểm kê): 9
- Nhấn <<Cát>>, để lưu bảng kiểm kê hàng hoá vừa lập.
- Chọn chức năng **Lập phiếu xuất** trên thanh công cụ, phần mềm sẽ tự động lập phiếu xuất kho tương ứng với 02 điện thoại Samsung D9 bị thiếu:

- Nhấn **Cát** để lưu phiếu xuất kho vừa lập.

2.5 Xuất kho vật tư hàng hóa

VD: Ngày 21/01/2015 xuất kho 500m vải kaki khổ 1.4m và 500m vải kaki khổ 1,5m phục vụ cho sản xuất ở phân xưởng 2.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Xuất kho** (hoặc trên tab **Nhập, xuất kho** chức năng **Thêm\Xuất kho**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ xuất kho là “*Sản xuất*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Lý do xuất: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ xuất kho.
- Ngày chứng từ: 21/01/2015
- Tab Hàng tiền:
 - Chọn mã hàng tương ứng là vải kaki khổ 1,4 m và khổ 1,5 m, phần mềm sẽ tự động hiện thị các thông tin liên quan.
 - Kho: Chọn kho K152
 - TK Nợ: Chọn TK 621/TK Có: Chọn TK 152
 - Nhập số lượng tương ứng với từng loại vải
- Tab Thống kê: Chọn đối tượng tập hợp chi phí là Phân xưởng 2 tương ứng với từng loại vải
- Nhấn <<**Cất**>> để lưu chứng từ xuất kho vừa nhập.

VD: Ngày 21/01/2015, xuất kho máy tính Intel, dùng cho phòng Kế toán.
Được phân bổ trong 3 kỳ.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Xuất kho** (hoặc trên tab **Nhập, xuất kho** chức năng **Thêm\Xuất kho**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

The screenshot shows the 'Xuất kho khác' form with the following details:

- Phiếu xuất kho** (Output Voucher) - 4. Khác (Xuất sử dụng, góp vốn...)
- Hiện thị trên số**: Sổ tài chính và quản trị
- Thông tin chung**:
 - Đối tượng: [Empty]
 - Người nhận: [Empty]
 - Địa chỉ: [Empty]
 - Lý do xuất: Xuất cho phòng Kế toán
 - Kèm theo: [Empty] chứng từ gốc
 - Tham chiếu: [Empty]
- Chứng từ**:
 - Ngày hạch toán: 21/01/2015
 - Ngày chứng từ: 21/01/2015
 - Số chứng từ: XK00005
- Table**:

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	
MT_INTEL	Máy tính Intel	153	242	1531	Chiếc	1,00		
Số dòng = 1							1,00	

- Lựa chọn loại chứng từ xuất kho là “*Khác (Xuất sử dụng, góp vốn...*”.
- Hiện thị trên số: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Lý do xuất: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ xuất kho.
- Ngày chứng từ: 21/01/2015
- Chọn mã hàng tương ứng là máy tính Intel, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
- Kho: Chọn kho 153
- TK Nợ: Chọn TK 242/TK Có: Chọn TK 153-
- Nhập số lượng: 1
- Nhấn <<**Cất**>> để lưu chứng từ xuất kho vừa nhập.

2.6 Tính giá xuất kho

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 có chức năng tự động tính giá xuất kho tùy theo phương pháp tính giá mà doanh nghiệp chọn.

Nếu doanh nghiệp chọn phương pháp bình quân cuối kỳ thì định kỳ kế toán mới thực hiện tính giá xuất kho. NSD chọn chức năng **Tính giá xuất kho** trên phân hệ **Kho**, phần mềm sẽ tự động tính giá xuất kho cho vật tư, hàng hoá.

The screenshot shows a dialog box titled "Tính giá xuất kho" (Inventory Valuation). It contains the following elements:

- Vật tư hàng hóa** (Inventory):
 - Radio button selected: "Tính tất cả các vật, tư hàng hóa" (Calculate all materials, inventory).
 - Radio button: "Chọn vật tư, hàng hóa" (Select materials, inventory).
- Kỳ tính giá** (Valuation Period):
 - "Khoảng thời gian" (Time period): "Tháng 1" (Month 1).
 - "Từ ngày" (From date): "01/01/2015".
 - "Đến ngày" (To date): "31/01/2015".
 - Radio button selected: "Tính theo kho" (Calculate by warehouse).
 - Radio button: "Tính giá không theo kho" (Calculate price not by warehouse).
- Buttons at the bottom: "Thực hiện" (Execute) and "Kết thúc" (End).

Nếu doanh nghiệp chọn phương pháp Giá đích danh, với mỗi lần xuất kho, phần mềm cho phép NSD chọn chứng từ nhập tương ứng của vật tư hàng hóa cần xuất và xác định được ngay giá xuất kho.

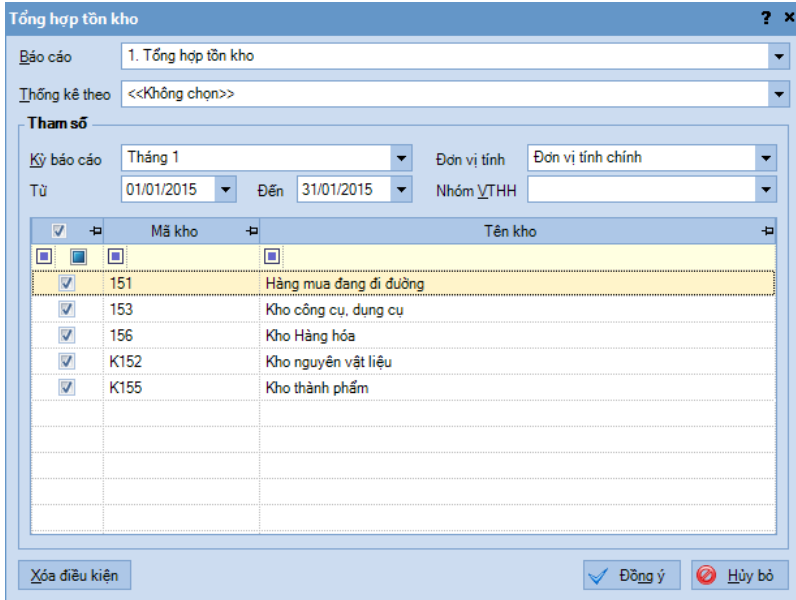
Nếu doanh nghiệp áp dụng phương pháp Bình quân tức thời hoặc Nhập trước- xuất trước, phần mềm cho phép NSD chọn thời điểm tính giá xuất kho. Nếu NSD chọn thời điểm tính giá ngay sau khi lập chứng từ thì phần mềm sẽ tự động tính ra giá xuất kho ngay khi lập chứng từ.

3. Xem và in báo cáo kho

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến nhập, xuất kho, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo liên quan đến phần nhập, xuất kho.

Tổng hợp tồn kho.

- Tại phân hệ **Kho**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Kho** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn **Chọn tham số**
- Chọn báo cáo là Tổng hợp tồn kho, sau đó khai báo tham số báo cáo như: thời gian, đơn vị tính, nhóm VTHH, kho:



Mã kho	Tên kho
<input checked="" type="checkbox"/>	151 Hàng mua đang đi đường
<input checked="" type="checkbox"/>	153 Kho công cụ, dụng cụ
<input checked="" type="checkbox"/>	156 Kho Hàng hóa
<input checked="" type="checkbox"/>	K152 Kho nguyên vật liệu
<input checked="" type="checkbox"/>	K155 Kho thành phẩm

- Xem báo cáo

MISA SME.NET 2015 R9 Professional - Công ty TNHH XYZ

Đang làm việc trên: Sổ tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Chọn chi nhánh làm việc | Tìm kiếm | Báo cáo | Ngày hạch toán | Nạp | Mẫu | Báo cáo đã cắt | Thu gọn | Xuất khẩu | In | Grup

Nhập, xuất kho | Chuyển kho | Lệnh sản xuất | Lắp ráp, tháo dỡ | Kiểm kê | **Báo cáo phân tích** | Quy trình | Thay đổi số với MISA SME.NET 2012

Chọn báo cáo...

TỔNG HỢP TỜ KHO

Tháng 01 năm 2015

Tên kho ▲

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Đầu kỳ		Nhập kho		Xuất kho		Cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tên kho: Hàng mua đang đi đường (1)			0,00	0	20,00	90.000.000	20,00	90.000.000	0,00	0
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	0,00	0	20,00	90.000.000	20,00	90.000.000	0,00	0
Tên kho: Kho công cụ, dụng cụ (1)			0,00	0	10,00	85.000.000	1,00	8.500.000	9,00	76.500.000
MT_INTEL	Máy tính Intel	Chiếc	0,00	0	10,00	85.000.000	1,00	8.500.000	9,00	76.500.000
Tên kho: Kho Hàng hóa (5)			98,00	574.000.000	4.121,00	809.512.483	112,00	637.864.827	4.107,00	745.647.656
BIA	Bia hơi	Lít	0,00	0	4.000,00	156.078.000	0,00	0	4.000,00	156.078.000
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	0,00	0	31,00	137.234.483	11,00	48.544.827	20,00	88.689.656
ĐT_SAMSUNG	Điện thoại SAMSUNG D9	Chiếc	0,00	0	15,00	61.200.000	4,00	16.320.000	11,00	44.880.000
TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít	Chiếc	56,00	280.000.000	35,00	175.000.000	53,00	265.000.000	38,00	190.000.000
TL_TOSHIBA150	Tủ lạnh TOSHIBA 150 lít	Chiếc	42,00	294.000.000	40,00	280.000.000	44,00	308.000.000	38,00	266.000.000
Tên kho: Kho nguyên vật liệu (2)			0,00	0	0,00	0	1.000,00	0	(1.000,00)	0
KAKI 1.4	Vải kaki khổ 1,4m	m	0,00	0	0,00	0	500,00	0	(500,00)	0
KAKI 1.5	Vải kaki khổ 1,5m	m	0,00	0	0,00	0	500,00	0	(500,00)	0
Tên kho: Kho thành phẩm (4)			0,00	0	620,00	0	0,00	0	620,00	0
QUAN_NAM	Quần nam	Cái	0,00	0	150,00	0	0,00	0	150,00	0
QUAN_NU	Quần nữ	Cái	0,00	0	160,00	0	0,00	0	160,00	0
SOMI_NAM	Áo sơ mi nam	Cái	0,00	0	150,00	0	0,00	0	150,00	0
SOMI_NU	Áo sơ mi nữ	Cái	0,00	0	160,00	0	0,00	0	160,00	0
Số dòng = 13			98,00	574.000.000	4.771,00	984.512.483	1.133,00	736.364.827	3.736,00	822.147.656

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 | Tên DLKT: KE_TOAN_2015 | Người dùng: Admin | Tổng dài tài vấn: 1900-9577 | OVR | NUM | 4:14 CH | 5

□ Sổ chi tiết vật tư hàng hóa

- Tại phân hệ **Kho**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Kho** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn **Chọn tham số**.
- Chọn báo cáo là **Sổ chi tiết vật tư, hàng hoá**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: thời gian, kho, đơn vị tính, nhóm VTHH, VTHH:

Sổ chi tiết vật tư hàng hóa

Báo cáo: 2. Sổ chi tiết vật tư hàng hóa

Thống kê theo: <<Không chọn>>

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1 Kho: <<Tất cả>>

Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015 Đơn vị tính: Đơn vị tính chính

Nhóm VTHH:

Mã hàng	Tên hàng	
<input checked="" type="checkbox"/>	BIA	Bia hơi
<input checked="" type="checkbox"/>	CHI	Chi khâu 500m
<input checked="" type="checkbox"/>	ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7
<input checked="" type="checkbox"/>	ĐT_SAMSUNG D9	Điện thoại SAMSUNG D9
<input checked="" type="checkbox"/>	KAKI 1,4	Vải kaki khổ 1,4m
<input checked="" type="checkbox"/>	KAKI 1,5	Vải kaki khổ 1,5m
<input checked="" type="checkbox"/>	MT_INTEL	Máy tính Intel
<input checked="" type="checkbox"/>	QUAN_NAM	Quần nam
<input checked="" type="checkbox"/>	QUAN_NU	Quần nữ

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

• Xem báo cáo:

MISA SME.NET 2015 R9 Professional - Công ty TNHH XYZ

Đang làm việc trên: Sổ tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA
Kho: <<Tất cả>>; Tháng 01 năm 2015

Mã kho	Mã hàng	Tên kho	Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
								Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho: 151 (1)								20,00	90.000.000	20,00	90.000.000		
Mã hàng: ĐT_NOKIAN7 (2)								20,00	90.000.000	20,00	90.000.000		
		Hàng mua đang	Điện thoại NOKI	20/01/2015	20/01/2015	MH00005	4.500.000,00	20,00	90.000.000	0,00	0	20,00	90.000.000
		Hàng mua đang	Điện thoại NOKI	26/01/2015	26/01/2015	CK00001	4.500.000,00	0,00	0	20,00	90.000.000	0,00	0
Mã kho: 153 (1)								10,00	85.000.000	1,00	8.500.000		
Mã hàng: MT_INTEL (2)								10,00	85.000.000	1,00	8.500.000		
		Kho công cụ, dự	Máy tính Intel	21/01/2015	21/01/2015	XK00005	8.500.000,00	0,00	0	1,00	8.500.000	(1,00)	(8.500.000)
		Kho công cụ, dự	Máy tính Intel	24/01/2015	24/01/2015	MH00007	8.500.000,00	10,00	85.000.000	0,00	0	9,00	76.500.000
Mã kho: 156 (5)								4.121,00	809.512.483	112,00	637.864.827		
Mã hàng: BIA (1)								4.000,00	156.078.000	0,00	0		
		Kho Hàng hóa	Bia hơi	20/01/2015	20/01/2015	MH00003	39.019,50	4.000,00	156.078.000	0,00	0	4.000,00	156.078.000
Mã hàng: ĐT_NOKIAN7 (7)								31,00	137.234.483	11,00	48.544.827		
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	16/01/2015	16/01/2015	MH00002	4.280.000,00	10,00	42.800.000	0,00	0	10,00	42.800.000
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	17/01/2015	17/01/2015	XK00001	4.434.482,76	0,00	0	3,00	13.303.448	7,00	29.496.552
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	17/01/2015	17/01/2015	XK0119_001	4.200.000,00	0,00	0	1,00	4.200.000	6,00	25.296.552
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	19/01/2015	19/01/2015	XK00002	4.434.482,76	0,00	0	3,00	13.303.448	3,00	11.993.104
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	20/01/2015	20/01/2015	MH00004	4.434.482,76	1,00	4.434.483	0,00	0	4,00	16.427.587
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	22/01/2015	22/01/2015	XK00006	4.434.482,76	0,00	0	4,00	17.737.931	0,00	(1.310.344)
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	26/01/2015	26/01/2015	CK00001	4.500.000,00	20,00	90.000.000	0,00	0	20,00	88.689.656
Số đóng = 30								4.771,00	984.512.483	1.133,00	736.364.827		

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 Tên DKT: KE_TOAN_2015 Người dùng: Admin Tổng đài tư vấn: 1900-9677 OVR: NUM 4.19 CH 10/01/2015

Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến kho vật tư, hàng hóa như sau:

1. Ngày 05/01/2015, Công ty TNHH Hà Liên biếu tặng:
 - ⌋ Kéo SL: 10 ĐGCT trên thị trường: 50.000
 - ⌋ Kim SL: 20 ĐGCT trên thị trường: 200.000
2. Ngày 15/01/2015, xuất vật tư cho phân xưởng 1 để sản xuất áo sơ mi, bao gồm:
 - ⌋ Vải lon trắng SL: 1.600
 - ⌋ Vải lon kẻ SL: 500
 - ⌋ Cúc hộp 500 SL: 15
 - ⌋ Chỉ khâu 500m SL: 100
3. Ngày 13/01/2015, công ty TNHH Hồng Hà góp vốn kinh doanh:
 - ⌋ ĐH SHIMAZU 24000BTU SL: 10, ĐGCT: 15.000.000 VND
 - ⌋ Điện thoại Nokia N7 SL: 20, ĐGCT: 7.000.000 VND
4. Ngày 25/01/2015, Xuất kho hàng hóa gửi bán cho công ty Hoa Nam
 - ⌋ Điện thoại Nokia N6 SL: 10, ĐGCT: 6.000.000 VND
 - ⌋ Điện thoại Samsung E8 SL: 5, ĐGCT: 5.500.000 VND
5. Ngày 30/01/2015, tiến hành kiểm kê kho, phát hiện thiếu 05 Hộp cúc hộp, chưa rõ nguyên nhân.
 - Yêu cầu:
 - ⌋ Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2 và khai báo thêm danh mục (nếu cần).
 - ⌋ Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.
 - ⌋ Cập nhật giá xuất kho (bút toán tự động).
 - ⌋ In Báo cáo tổng hợp tồn kho; Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa; Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa; Thẻ kho, ...

BÀI 6: THỰC HÀNH KẾ TOÁN CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

▣ Nguyên tắc hạch toán

▣ Mô hình hoạt động tăng, giảm Công cụ dụng cụ

▣ Sơ đồ hạch toán kế toán công cụ dụng cụ

▣ Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

1. Nguyên tắc hạch toán

▮ CDCD xuất dùng cho sản xuất, kinh doanh phải được theo dõi về hiện vật và giá trị trên sổ kế toán chi tiết theo nơi sử dụng và người chịu trách nhiệm vật chất.

▮ Đối với các CCDC có giá trị nhỏ khi xuất dùng cho sản xuất, kinh doanh phải ghi nhận toàn bộ một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

▮ Trường hợp xuất CCDC một lần có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài hoặc trong nhiều chu kỳ kinh doanh thì giá trị CCDC xuất dùng được ghi vào TK 142, 242 và phân bổ dần vào chi phí SX cho các kỳ kế toán.

2. Thực hành kế toán công cụ dụng cụ

□ Phiếu xuất kho

Công ty TNHH XYZ Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội				Mẫu số: 02 - VT <i>(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</i>			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 21 tháng 01 năm 2015				Số: 242			
				Số: XK00005		Có: 1531	
- Họ và tên người nhận hàng:							
- Địa chỉ (bộ phận):							
- Lý do xuất kho: Xuất cho phòng Kế toán							
- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho công cụ, dụng cụ						Địa điểm:	
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy tính Intel	MT_INTEL	Chiếc	1,00		8.500.000,00	8.500.000
Cộng							8.500.000
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.							
- Số chứng từ gốc kèm theo:							
Ngày tháng năm							
Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận hàng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) <i>(Ký, họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>			

2.1 Ghi tăng CCDC

VD: Ngày 24/01/2015 xuất máy tính Intel dùng cho phòng giám đốc, phân bổ trong 3 kỳ.

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên: tiến hành xuất kho máy tính Intel. thuộc phân hệ **Kho** (

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng
MT_INTEL	Máy tính Intel	153	242	1531	Chiếc	1.00
Số dòng = 1						1.00

- Tiếp theo, NSD tiến hành ghi tăng CCDC => Tại phân hệ **Công cụ dụng cụ**, chọn chức năng **Ghi tăng** (hoặc trên tab **Ghi tăng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Khai báo các thông tin về CCDC tại phân **Thông tin chung**:

Ghi tăng CCDC - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Công cụ dụng cụ

Lấy CCDC từ hệ thống sổ quản trị

Thông tin chung

Số CT ghi tăng (*) CCDC0116.001 Đơn giá 8.500.000,00
 Ngày ghi tăng (*) 24/01/2015 Thàng tiền 8.500.000
 Mã CCDC (*) MAYTINH_INTEL Số kỳ phân bổ (*) 3
 Tên CCDC (*) Máy vi tính Intel Số tiền PB hàng kỳ 2.833.333
 Loại CCDC Trang thiết bị TK chờ phân bổ 242
 Đơn vị tính chiếc Số lượng 1,00

1. Đơn vị sử dụng

Mã đơn vị	Tên đơn vị	Số lượng
PCGD	Phòng Giám đốc	1,00

Thêm dòng Ctrl+Insert
Xóa dòng Ctrl+Delete

Nhấn chuột phải để thêm hoặc xóa phòng ban/bộ phận sử dụng

2. Nhập số lượng CCDC mà phòng ban/bộ phận sử dụng

Ghi tăng Hủy bỏ

F9 - Thêm nhanh, F3 - Tìm nhanh

- Đơn vị: Chọn mã đơn vị là phòng Giám đốc
- Số lượng: 1
- Khai báo tỷ lệ phân bổ CCDC cho các đối tượng phân bổ (như: công trình, đối tượng tập hợp chi phí, đơn vị, đơn hàng, hợp đồng) trên tab **Thiết lập phân bổ**:

Ghi tăng CCDC - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Công cụ dụng cụ Lấy CCDC từ hệ thống số quản trị ...

Thông tin chung

Số CT ghi tăng (*) CCDC0116.001 Đơn giá 8.500.000,00
 Ngày ghi tăng (*) 24/01/2015 Thành tiền 8.500.000
 Mã CCDC (*) MAYTINH_INTEL Số kỳ phân bổ (*) 3
 Tên CCDC (*) Máy vi tính Intel Số tiền PB hàng kỳ 2.833.333
 Loại CCDC Trang thiết bị TK chờ phân bổ 242
 Đơn vị tính chiếc
 Số lượng 1,00

1. Đơn vị sử dụng 2. **Thiết lập phân bổ** 3. Mô tả chi tiết 4. Nguồn gốc hình thành

Đối tượng phân bổ	Tên đối tượng phân bổ	Tỷ lệ PB (%)	TK chi phí
PGĐ	Phòng Giám đốc	100,00	6423
Bấm vào đây để thêm mới			
		Thêm dòng	Ctrl+Insert
		Xóa dòng	Ctrl+Delete
Số dòng = 1			

Nhấn chuột phải để thêm hoặc xóa phòng ban/bộ phận được phân bổ

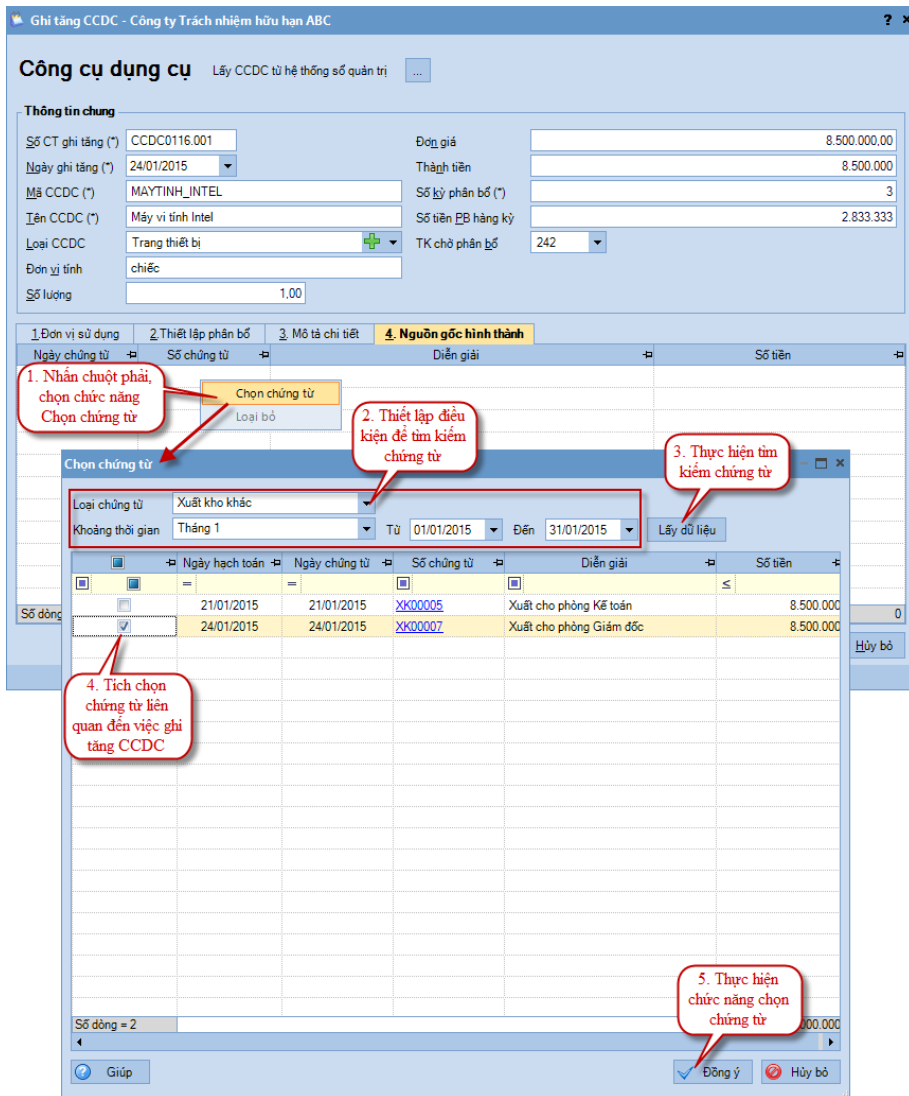
Ghi tăng Hủy bỏ

F3 - Tìm nhanh

- Đối tượng phân bổ: Phòng Giám đốc (phần mềm tự động hiển thị theo phòng ban/bộ phận chọn bên tab **Đơn vị sử dụng**).
- Tỷ lệ phân bổ: 100%
- TK chi phí: TK 6423
- Khai báo các bộ phận chi tiết cấu thành nên CCDC (nếu có) trên tab

Mô tả chi tiết.

- Chọn chứng từ hạch toán phát sinh liên quan đến CCDC đang khai báo trên tab **Nguồn gốc hình thành**:



- Sau khi khai báo xong, nhấn <<Ghi tăng>> để lưu chứng từ vừanhập.

2.2: Phân bổ CCDC

Chức năng phân bổ CCDC giúp kế toán định kỳ tiến hành phân bổ giá trị CCDC vào chi phí. Để thực hiện phân bổ, NSD tiến hành như sau:

- Tại phân hệ **Công cụ dụng cụ**, chọn chức năng **Phân bổ chi phí** (hoặc trên tab **Phân bổ chi phí** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Tháng/Năm: Chọn tháng phân bổ là 2 và năm phân bổ là 2015.
- Nhấn **Đồng ý**, phần mềm tự động sinh ra chứng từ phân bổ CCDC:
 - Tab **Xác định mức chi phí**: phần mềm tự động tính ra số tiền phân bổ cho các CCDC đang được sử dụng tại phòng ban/bộ phận:

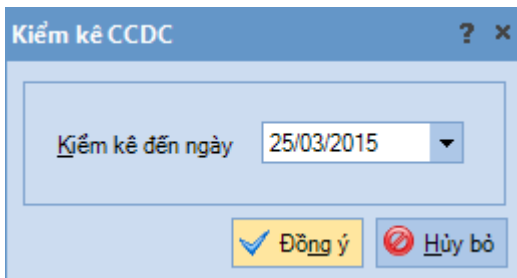
Mã CCDC	Tên CCDC	Loại CCDC	Tổng số tiền phân bổ	Số tiền PB CCDC đang dùng	Giá trị còn lại của CCDC giảm
MAYTINH_INTEL	Máy vi tính Intel	Trang thiết bị	2.833.333	2.833.333	0
Số dòng = 1			2.833.333	2.833.333	0

- Tab **Phân bổ**: liệt kê chi phí sẽ được phân bổ cho các đối tượng nào, theo tỷ lệ phân bổ đã được thiết lập khi ghi tăng CCDC:

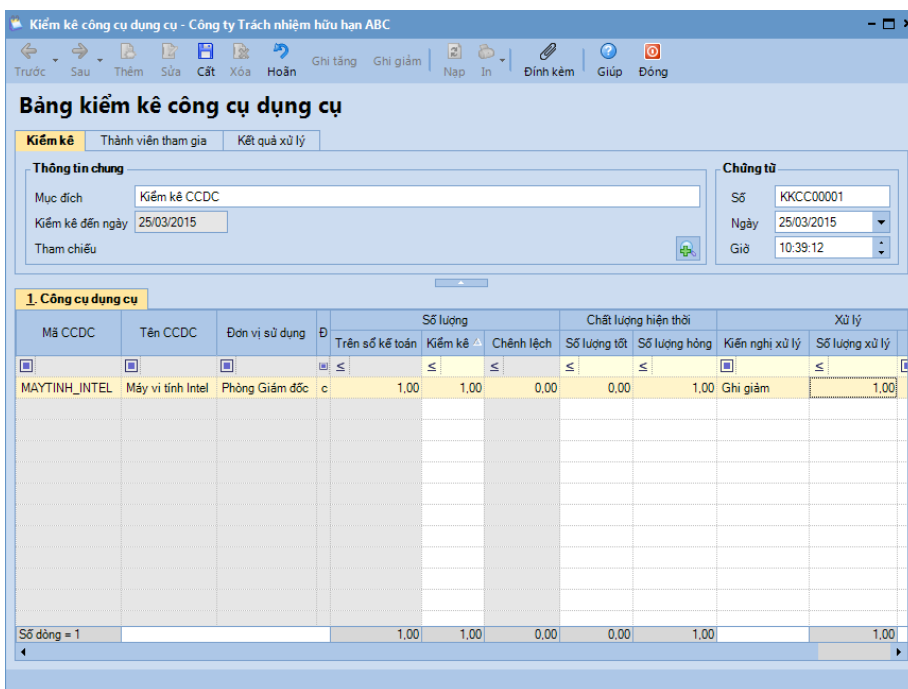
- Kiểm tra thông tin phân bổ CCDC, sau đó nhấn **Cất** .

2.3 Kiểm kê công cụ dụng cụ:

- Đầu tiên tiến hành kiểm kê CCDC => Tại phân hệ **Công cụ, dụng cụ**, chọn chức năng **Kiểm kê** (hoặc trên tab **Kiểm kê** chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:



- Kiểm kê đến ngày: 25/03/2015
- Nhấn **Đồng ý** , phần mềm tự động lập bảng kiểm kê kho:



Mã CCDC	Tên CCDC	Đơn vị sử dụng	Đ	Số lượng			Chất lượng hiện thời		Xử lý	
				Trên sổ kế toán	Kiểm kê	Chênh lệch	Số lượng tốt	Số lượng hỏng	Kiểm nghị xử lý	Số lượng xử lý
MAYTINH_INTEL	Máy vi tính Intel	Phòng Giám đốc	c	1,00	1,00	0,00	0,00	1,00	Ghi giám	1,00
Số dòng = 1				1,00	1,00	0,00	0,00	1,00		1,00

- Mục đích: Nhập nội dung kiểm kê
- Ngày: 25/03/2015
- Kiểm kê: Nhập số lượng CCDC thực tế đã được kiểm kê
- Số lượng hỏng: 1
- Kiến nghị xử lý: Chọn giá trị là “Ghi giảm”.
- Số lượng xử lý: 1
- Nhấn **Cất** để lưu thông tin bảng kiểm kê CCDC vừa lập.

• Tiếp theo thực hiện ghi giảm CCDC bị hỏng => Tại bảng kiểm kê CCDC chọn chức năng Ghi giảm trên thanh công cụ (hoặc trên tab **Ghi giảm** chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Bấm vào đây để thêm mới

Số dòng = 1
 1.00 | 1.00 | 5.666.667 |

</tbody>
</table>
 The table has a yellow highlight on the first row and a grey highlight on the last row."/>

Các thông tin khác về máy Intel bị hỏng sẽ được phần mềm tự động hiển thị

- Nhấn **Cất** để lưu chứng từ vừa nhập.
- Cuối cùng thực hiện ghi nhận giá trị được thu hồi => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 90).

- Lý do nộp: Chọn lý do nộp là “Thu khác” và nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 25/03/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- TK Nợ: TK 1111 (Phần mềm tự mặc định)/TK Có: chọn TK 242 và nhập số tiền là 1.500.000 VND
- Nhấn **Cắt** để lưu phiếu thu vừa nhập.

2.4 Điều chuyển CCDC:

Trong quá trình sử dụng CCDC tại các đơn vị có thể thực hiện điều chuyển từ phòng ban, bộ phận này sang phòng ban, bộ phận khác. Với chức năng Điều chuyển CCDC phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 cho phép NSD theo dõi, quản lý được việc điều chuyển CCDC tại đơn vị.

VD: Ngày 26/01/2015 Ghi tăng 02 máy tính Intel ở phòng hành chính. Đến

ngày 20/02/2015, điều chuyển 1 máy tính đó từ phòng hành chính sang phòng kế toán.

Với nghiệp vụ ghi tăng CCDC cho phòng hành chính, NSD thực hiện tương tự nghiệp vụ 1 ở trên.

Còn với nghiệp vụ điều chuyển CCDC, NSD tiến hành nhập liệu như sau

=> Tại phân hệ **Công cụ dụng cụ**, chọn chức năng **Điều chuyển** (hoặc trên tab **Điều chuyển** chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Mã CCDC	Tên CCDC	Từ đơn vị	Đến đơn vị	Số lượng đang dùng	Số lượng điều chuyển
MT_INTEL	Máy vi tính Intel	Phòng Hành chính Tổng hợp	Phòng Kế toán	2,00	1,00
Bấm vào đây để thêm mới					
Số dòng = 1				2,00	1,00

- Ngày: 20/02/2015
- Lý do điều chuyển: nhập nội dung chi tiết của việc điều chuyển.
- Mã CCDC: Chọn mã CCDC là máy vi tính Intel, phần mềm tự động lấy lên các thông tin liên quan.
- Đến đơn vị: Chọn mã đơn vị là phòng Kế toán
- Số lượng điều chuyển: 1
- Nhấn **Cất** để lưu chứng từ điều chuyển vừa lập.

□ Điều chỉnh CCDC

Điều chỉnh CCDC được sử dụng khi có đánh giá lại, sửa chữa, nâng cấp hay tháo dỡ một bộ phận CCDC dẫn đến tăng, giảm giá trị của CCDC hoặc thay đổi thời gian sử dụng.

VD: Ngày 25/02/2015 tiến hành nâng cấp máy tính Intel ở phòng Kế toán, chi phí phát sinh tăng thêm bằng tiền mặt là 1.000.000 VND.

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên hạch toán chi phí nâng cấp máy tính ở phòng Kế toán => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu**, **chi tiền** chức năng **Thêm\Chi tiền**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Khoản mục CP	Đơn vị
Chi phí sửa chữa máy tính thuộc phòng Kế toán	242	1111	1.000.000			PKT
Số đồng = 1			1.000.000			

Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 90).

- Lý do chi: Chọn lý do chi là “Chi khác” và nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 25/02/2015

- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- TK Nợ: Chọn TK 242/TK Nợ: TK 1111 (Phần mềm tự mặc định) và nhập số tiền là 1.000.000 VND
- Nhấn **Cất** để lưu phiếu chi vừa nhập
 - Tiếp theo hạch toán nghiệp vụ điều chỉnh giá trị của CCDC => Tại phân hệ **Công cụ, dụng cụ**, chọn chức năng **Điều chỉnh** (hoặc trên tab **Điều chỉnh** chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:
- Lý do điều chỉnh: Nhập nội dung chi tiết của việc điều chỉnh giá trị CCDC.
- Ngày chứng từ: 25/02/2015
- Tab **Chi tiết điều chỉnh**: khai báo thông tin về CCDC được điều chỉnh:

Mã CCDC	Tên CCDC	Số lượng	TK chờ phân bổ	Giá trị còn lại		
				Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
MT_INTEL	Máy vi tính Intel	2.00	242	17.000.000	18.000.000	1.000.000
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 1		2.00		17.000.000	18.000.000	1.000.000

- Mã CCDC: Chọn mã CCDC là máy vi tính intel, phần mềm tự động lấy lên các thông tin liên quan.
- Giá trị còn lại sau điều chỉnh: 18.000.000

Chênh lệch: phần mềm tự động tính ra giá trị = Giá trị còn lại sau điều chỉnh - Giá trị còn lại trước điều chỉnh.

Số tiền PB hàng kỳ: phần mềm tự động tính ra giá trị = Giá trị còn lại sau điều chỉnh/Số kỳ phân bổ còn lại sau điều chỉnh.

Tab **Tập hợp chứng từ**: cho phép chọn các chứng từ hạch toán liên quan đến việc thay đổi giá trị (tăng/giảm) của CCDC được điều chỉnh:

Tab **Chi tiết điều chỉnh**: khai báo thông tin về CCDC được điều chỉnh:

The screenshot shows the 'Điều chỉnh công cụ dụng cụ' (Adjustment of Fixed Assets) window. It includes a menu bar, a toolbar, and a main workspace. The workspace is divided into two tabs: 'Chi tiết điều chỉnh' and 'Tập hợp chứng từ'. The 'Tập hợp chứng từ' tab is active, displaying a table of vouchers. Five callouts provide instructions:

1. Nhấn chuột phải, chọn chức năng Chọn chứng từ (Right-click, select the function Choose voucher)
2. Thiết lập điều kiện để tìm kiếm chứng từ (Set conditions to search for vouchers)
3. Thực hiện tìm kiếm chứng từ (Perform search for vouchers)
4. Tích chọn chứng từ liên quan đến việc điều chỉnh CCDC (Select vouchers related to the adjustment of fixed assets)
5. Thực hiện chức năng chọn chứng từ (Perform the function of selecting vouchers)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Số tiền	Loại chi
25/02/2015	25/02/2015	PC00009	Chi phí sửa chữa máy tính thuộc...	1.000.000	Phiếu ch

Nhấn **Cất** để lưu thông tin điều chỉnh CCDC vừa lập.

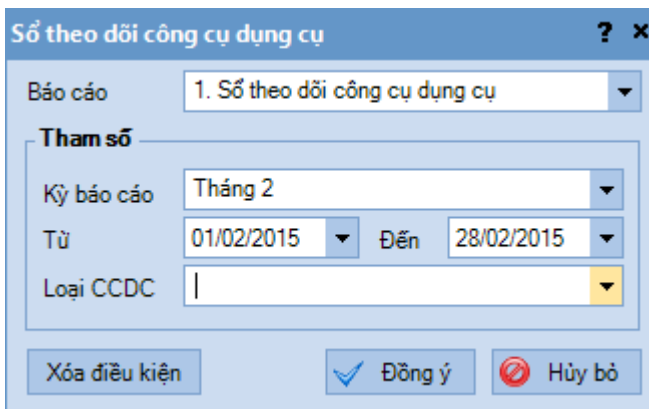
3. Xem và in báo cáo công cụ dụng cụ

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến ghi tăng, ghi giảm CCDC phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo liên quan.

Sổ theo dõi CCDC

- Tại phân hệ **Công cụ dụng cụ**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Công cụ dụng cụ** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn **Chọn tham số** .

- Chọn báo cáo là **Sổ theo dõi công cụ dụng cụ**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: thời gian, loại CCDC:



Sổ theo dõi công cụ dụng cụ

Báo cáo: 1. Sổ theo dõi công cụ dụng cụ

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 2

Từ: 01/02/2015 Đến: 28/02/2015

Loại CCDC: |

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo

MISA SME.NET 2015 R9 Professional - Công ty TNHH XYZ

Đang làm việc trên: Sổ tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Số theo dõi CCDC Ghi tăng Phân bổ chi phí Điều chỉnh Điều chuyển Ghi giảm Kiểm kê Báo cáo phần Thay đổi so với MISA SME.NET 2012

Chọn báo cáo...

SỐ THEO DÕI CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 02 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Mã CCDC	Tên CCDC	Loại CCDC	Ngày ghi tăng	Số CT ghi tăng	Số kỳ phân bổ	Số kỳ PB còn lại	SL ghi tăng	Lũy kế SL đã giảm	SL còn lại	Giá trị CCDC	Giá trị PB hàng kỳ	
MAYTINH_INT	Máy vi tính Intel	Trang thiết bị	24/01/2015	CCDC0116.001	3	2	1,00	0,00	1,00	8.500.000	2.833.333	
MT_INTEL	Máy vi tính Intel	Trang thiết bị	26/01/2015	CCDC0117.001	3	3	2,00	0,00	2,00	18.000.000	6.000.000	
							Số dòng = 2	3,00	0,00	3,00	26.500.000	8.833.333

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 Tên DLKT: KE_TOAN_2015 Người dùng: Admin Tổng đài tư vấn: 1900-9677 OVR/NUM 11:49 SA 13/01/2015

Bài tập thực hành

- Ngày 07/01/2015, xuất công cụ dụng cụ sử dụng cho sản xuất ở phân xưởng 1, phân bổ trong 3 kỳ:
 - Kéo SL: 5
 - Kim SL: 10
- Ngày 10/01/2015, xuất công cụ dụng cụ sử dụng cho sản xuất ở phân xưởng 2, phân bổ trong 3 kỳ:
 - Kéo SL: 4
 - Kim SL: 8
- Ngày 20/01/2015 phát hiện thấy 02 kéo sử dụng ở phân xưởng 2 có dấu hiệu hư hỏng nặng, không sử dụng được nữa. Công ty tiến hành thanh lý, thu về 20.000 VND tiền bán phế liệu.
- Ngày 31/01/2015 tiến hành phân bổ giá trị CCDC sử dụng trong tháng vào chi phí.
 - Yêu cầu:
 - Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.
 - Cập nhật giá xuất kho (bút toán tự động).
 - In Sổ theo dõi CCDC tại nơi sử dụng

BÀI 7: THỰC HÀNH KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

▣ Nguyên tắc hạch toán

▣ Mô hình hoạt động tăng, giảm tài sản cố định

▣ Sơ đồ hạch toán kế toán tài sản cố định

▣ Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

1. Nguyên tắc hạch toán

Đánh giá TSCĐ phải theo nguyên tắc đánh giá giá thực tế hình thành TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ.


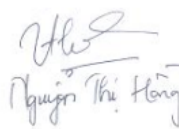
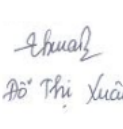
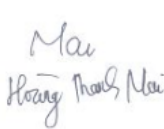
Kế toán TSCĐ phải phản ánh được 3 chỉ tiêu giá trị của TSCĐ: Nguyên giá, giá trị khấu hao lũy kế và giá trị còn lại của TSCĐ.
 Giá trị còn lại = Nguyên giá - Giá trị khấu hao lũy kế của TSCĐ

2. Thực hành Kế toán tài sản cố định

□ Biên bản giao nhận TSCĐ

Công ty TNHH ABC Phòng Kế toán							Mẫu số: 01-TSCĐ (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)					
BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ												
Ngày 12 tháng 03 năm 2010										Số: GN102/2010		
										Nợ TK 211		
										Có TK 331		
- Căn cứ Quyết định số: QĐ/2010 ngày 10 tháng 03 năm 2010 của Giám đốc về việc bàn giao TSCĐ												
Ban giao nhận TSCĐ gồm:												
- Ông/Bà: Hoàng Thanh Mai				chức vụ: NV Kinh doanh (Pico Plaza)				Đại diện bên giao				
- Ông/Bà: Đỗ Thị Xuân				chức vụ: Nhân viên kế toán				Đại diện bên nhận				
- Ông/Bà:				chức vụ:				Đại diện				
Địa điểm giao nhận TSCĐ: Tại công ty TNHH ABC Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:												
Số TT	Tên, ký hiệu, quy cách (cấp hạng TSCE)	Số hiệu TSCĐ	Nước sản xuất (XD)	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Công suất (diện tích thiết kế)	Tinh nguyên giá TSCĐ					
							Giá mua (ZSX)	Chi phí vận chuyển	Chi phí chạy thử	Nguyên giá TSCĐ	Tài liệu kỹ thuật kèm theo
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	E
1	Điều hòa nhiệt độ	ĐH01	Nhật	2001	2010		26.000.000	1.000.000			27.000.000	
	Cộng	x	x	x	x	x	26.000.000	1.000.000			27.000.000	x

DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO				
STT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Giám đốc bên nhận (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng bên nhận (Ký, họ tên)	Người nhận (Ký, họ tên)	Người giao (Ký, họ tên)
 Nguyễn Hải Sơn	 Nguyễn Thị Hồng	 Đỗ Thị Xuân	 Hoàng Thanh Mai

2.1 Mua TSCĐ không qua lắp đặt, chạy thử

VD: Ngày 20/02/2015, mua mới màn hình Samsung 40 inches của công ty Hà Thành sử dụng tại phòng Giám đốc. Giá mua chưa thuế là 56.000.000 VND, thuế GTGT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AB/15P, số 0001334. Ngày bắt đầu sử dụng 01/03/2015. Thời gian sử dụng 5 năm. Đã chuyển khoản thanh toán.

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên hạch toán nghiệp vụ mua TSCĐ => Tại phân hệ **Ngân hàng**, NSD chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Phương thức thanh toán: Chọn phương thức là lập Séc chuyển khoản

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 86).

- Tài khoản chi: chọn số tài khoản của ngân hàng BIDV

- Nội dung TT: Chọn lý do là “*Chi khác*”, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.

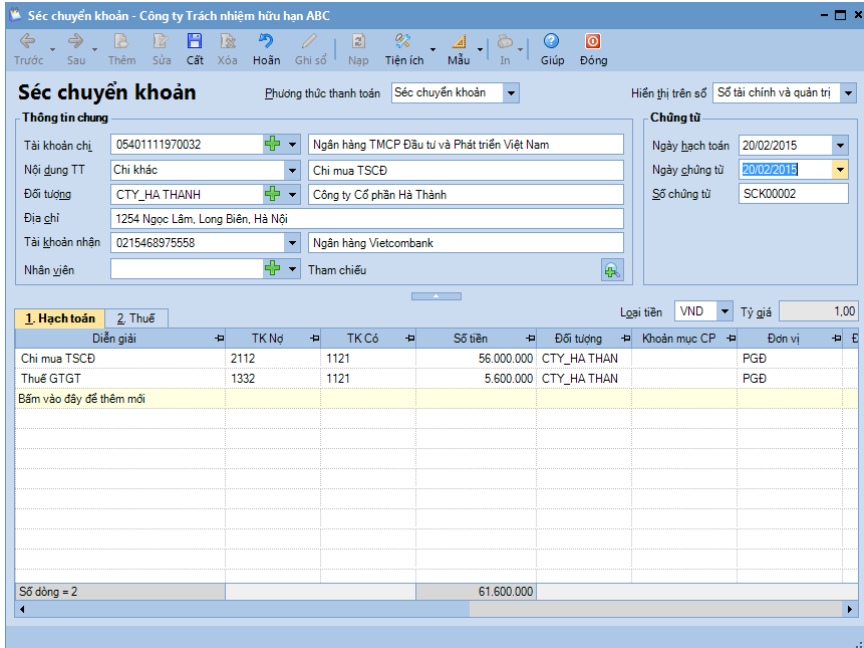
- Đối tượng: Chọn đối tượng là Công ty Hà Thành => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.

- Ngày chứng từ: 20/02/2015

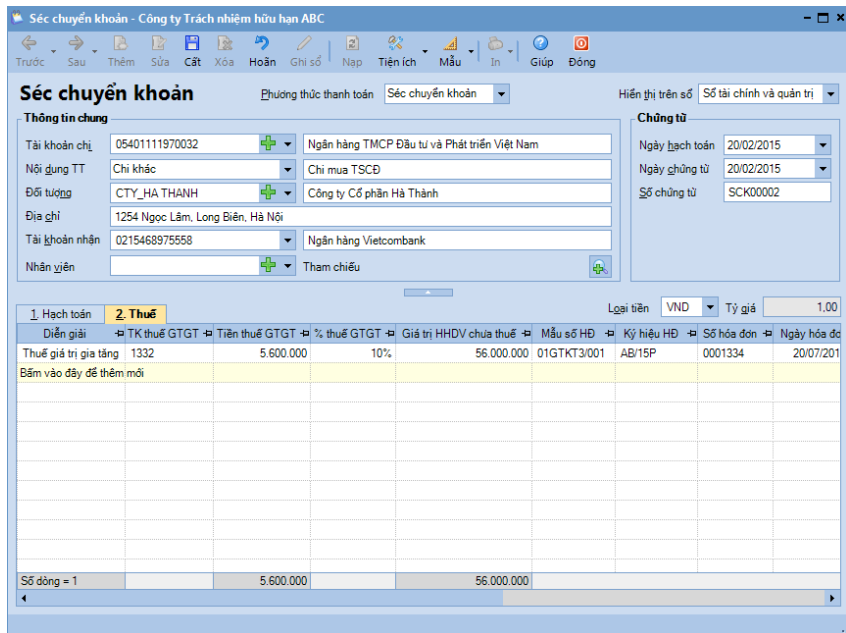
- Chọn loại tiền hạch toán: VND

- Nợ TK 2112/Có TK 1121 và nhập số tiền tương ứng là 56.000.000 VND

- Thêm dòng phản ánh thuế GTGT: Nợ TK 1331/Có TK 1121 và số tiền là 5.600.000 VND



□ Ở tab **Thuế**, nhập mức thuế suất: 10% phần mềm tự động tính ra giá tính thuế. NSD nhập các thông tin về hóa đơn như: ký hiệu hóa đơn AB/15P, số 0001334. Nhóm hàng hóa dịch vụ: 1



- Nhấn **Cất** để lưu chứng từ vừa nhập.
- Tiếp theo, NSD tiến hành ghi tăng TSCĐ => Tại phân hệ **Tài sản cố định**, chọn chức năng **Ghi tăng** (hoặc trên tab **Ghi tăng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:
- Khai báo các thông tin về TSCĐ tại tab **Thông tin chung**:

The screenshot shows a software interface for recording a fixed asset increase. The window title is 'Ghi tăng tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC'. The main title is 'Tài sản cố định'. Below the title is a navigation bar with tabs: '1. TT chung', '2. TT khấu hao', '3. Thiết lập phân bổ', '4. Nguồn gốc hình thành', '5. Bộ phận cấu thành', and '6. Dụng cụ, phụ tùng kèm theo'. The '1. TT chung' tab is active. The form contains the following fields and values:

- Lấy TSCĐ từ hệ thống quản trị: ...
- Số CT ghi tăng (*): GTTS00001
- Đơn vị sử dụng (*): Phòng Giám đốc
- Ngày ghi tăng (*): 01/03/2015
- Nhà sản xuất: [Empty]
- Mã tài sản (*): MH_SAMSUNG 40
- Năm sản xuất: 2015
- Số hiệu: [Empty]
- Tên tài sản (*): Màn hình Samsung 40 inches
- Nước sản xuất: [Empty]
- Loại tài sản (*): Máy móc, thiết bị
- Thời gian BH: 2
- Điều kiện BH: [Empty]
- Nhà cung cấp: CTY_HA THANH
- Công ty Cổ phần Hà Thành
- BB giao nhận số: [Empty]
- Ngày: 20/02/2015
- Tình trạng ghi tăng: Mới
- Chất lượng hiện thời: Hoạt động tốt
- Hoạt động tốt: [Empty]
- Đính kèm: [Empty]

At the bottom right, there are two buttons: 'Ghi tăng' (with a blue icon) and 'Hủy bỏ' (with a red icon).

- Ngày ghi tăng: 01/03/2015
- Nhập mã và tên TSCĐ
- Loại tài sản: Máy móc, thiết bị
- Đơn vị sử dụng: Phòng Giám đốc
- Nhà cung cấp: Chọn mã nhà cung cấp là công ty Hà Thành
- Tình trạng: Mới
- Chất lượng hiện thời: Hoạt động tốt
- Khai báo các thông tin phục vụ cho việc khấu hao TSCĐ tại tab

Thông tin khấu hao

Giữ tăng tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Tài sản cố định

1. TT chung 2. TT khấu hao 3. Thiết lập phân bổ 4. Nguồn gốc hình thành 5. Bộ phận cấu thành 6. Dụng cụ, phụ tùng kèm theo

Tài khoản


TK nguyên giá (*) 2112
TK khấu hao (*) 2141

Nguyên giá và khấu hao

Nguyên giá	56.000.000	Tỷ lệ tính khấu hao tháng (%)	1,67
Giá trị tính khấu hao	56.000.000	Tỷ lệ tính khấu hao năm (%)	20,04
Ngày bắt đầu tính KH (*)	01/03/2015	Giá trị khấu hao tháng	933.333
Thời gian sử dụng	Năm 5,00	Giá trị khấu hao năm	11.199.996
		Hao mòn lũy kế	0
		Giá trị còn lại	56.000.000

Giới hạn giá trị tính KH theo luật thuế TNDN

Giá trị tính KH theo luật 0 Giá trị KH tháng theo luật 0

 Nếu nhập Giá trị tính KH theo luật thì khi tính KH, chương trình sẽ hạch toán phần chi phí KH tương ứng với Giá trị tính KH theo luật vào chi phí hợp lý, phần chi phí KH vượt quá giới hạn được hạch toán vào chi phí không hợp lý. VD: Theo quy định, xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống thì chỉ được tính KH vào chi phí hợp lý tương ứng với phần Giá trị tính KH theo luật tối đa là 1,6 tỷ đồng, phần chi phí KH vượt 1,6 tỷ đồng sẽ hạch toán vào chi phí không hợp lý

Giữ tăng Hủy bỏ

TK nguyên giá: TK 2112, TK khấu hao: TK 2141 (phần mềm tự mặc định).

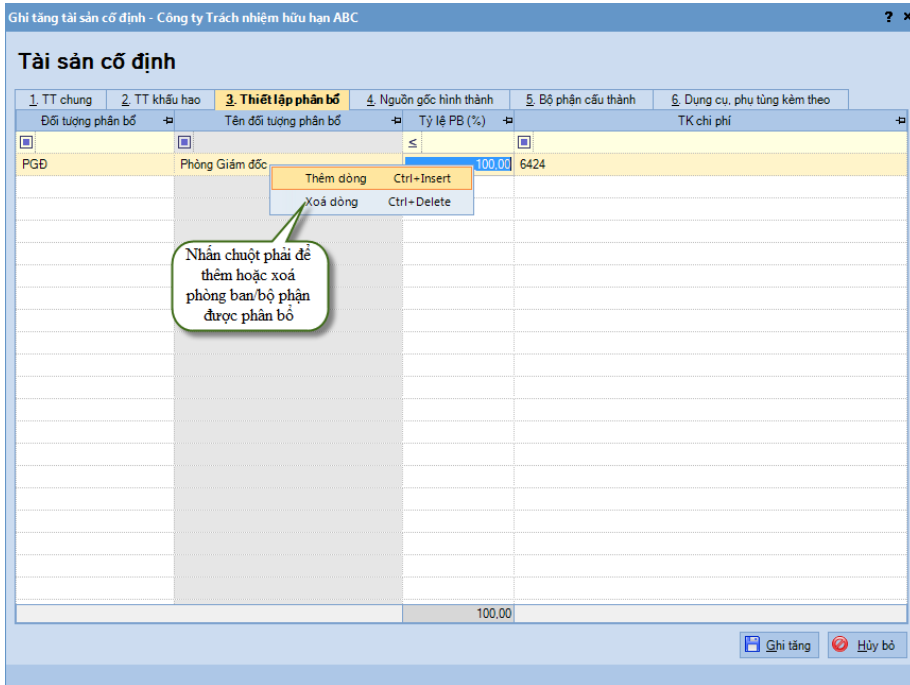
Nguyên giá: 56.000.000 VND

Ngày bắt đầu tính KH: 01/03/2015

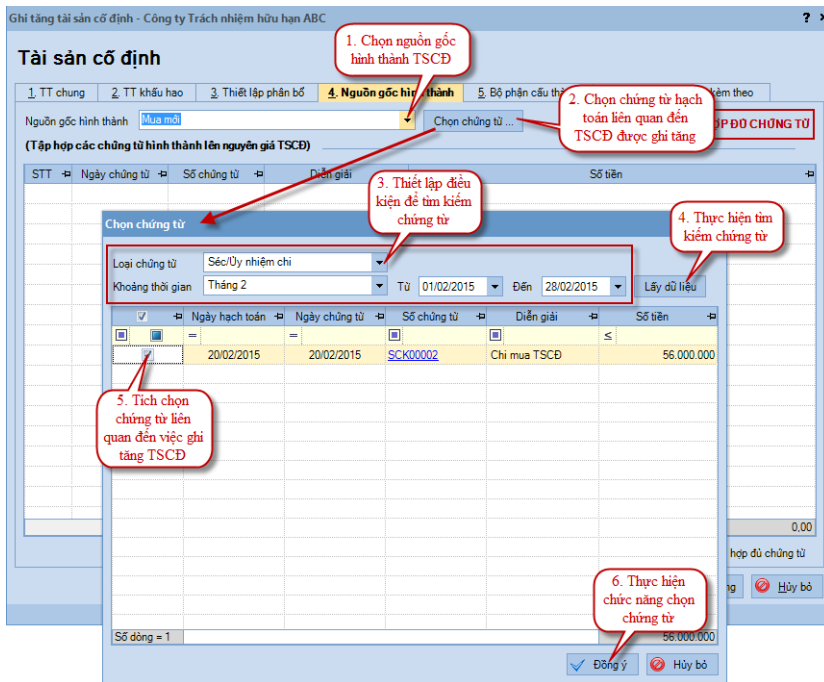
Thời gian sử dụng: 5 năm

Phần mềm sẽ tự động tính ra tỷ lệ và giá trị khấu hao hàng tháng và năm.

Khai báo tỷ lệ phân bổ TSCĐ cho các đối tượng phân bổ (như: công trình, đối tượng tập hợp chi phí, đơn vị, đơn hàng, hợp đồng) trên tab **Thiết lập phân bổ**:



- ▮ Đối tượng phân bổ: Phòng Giám đốc (phần mềm tự động hiển thị theo phòng ban/bộ phận chọn bên tab **Thông tin chung**).
- ▮ Tỷ lệ phân bổ: 100%
- ▮ TK chi phí: TK 6424
- Chọn chứng từ hạch toán phát sinh liên quan đến TSCĐ đang khai báo trên tab **Nguồn gốc hình thành**:



- Khai báo các bộ phận chi tiết cấu thành nên TSCĐ và số lượng (nếu có) trên tab **Bộ phân cấu thành**.
- Khai báo các dụng cụ, phụ tùng kèm theo TSCĐ trên tab **Dụng cụ, phụ tùng kèm theo**.
- Sau khi khai báo xong, nhấn **Ghi tăng** để lưu chứng từ vừa nhập.

2.2 Mua TSCĐ qua lắp đặt, chạy thử:

VD: Ngày 20/01/2015, mua các thiết bị của máy phát điện của công ty Phú Thế, giá đã có thuế GTGT (10%) là 33.200.000 VND theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AE/15P, số 0005634, đã thanh toán bằng tiền mặt. Công ty tiến hành lắp đặt, chạy thử với tổng chi phí là 250.000 VND chưa bao gồm 10% thuế GTGT. Đến ngày 22/01/2015 công ty mang vào sử dụng cho phòng hành chính, thời gian sử dụng 5 năm.

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

• Đầu tiên hạch toán chi phí lắp đặt, chạy thử TSCĐ qua các chứng từ khác như phiếu chi, mua hàng chưa thành toán trên các phân hệ Tiền mặt, Tiền gửi, Tổng hợp.... VD trong trường hợp này là phiếu chi => Tại phân hệ **Quỹ**, NSD chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 86).

Đối tượng: Chọn đối tượng là Công ty Phú Thế => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiện thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.

Lý do chi: Chọn lý do là “*Chi khác*”, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.

Ngày chứng từ: 20/01/2015

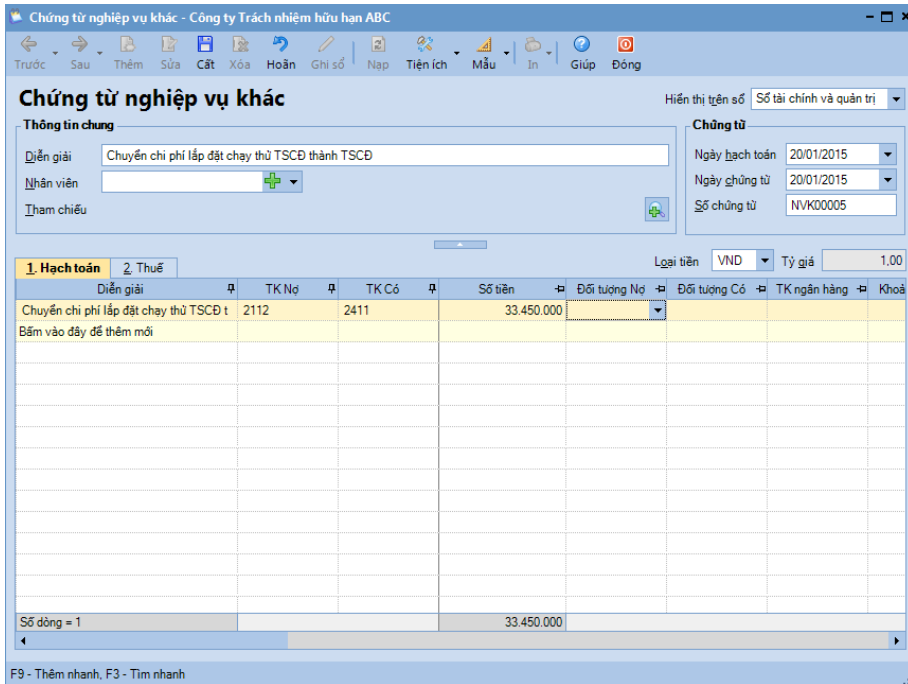
Chọn loại tiền hạch toán: VND

Tab **Hạch toán**:

▮ Mua thiết bị về lắp đặt chạy thử : Nợ TK 2411/Có TK 1111 số tiền: 33.200.000 VND

▮ Chi phí chạy thử: Nợ TK 2411/Có TK 1111 số tiền 250.000 VND

▮ Thuế GTGT: Nợ TK 1332/Có TK 1111 số tiền 3.345.000 VND



- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 86).
 - Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ.
 - Ngày chứng từ: 20/01/2015
 - Chọn loại tiền hạch toán: VND
 - TK Nợ: Chọn TK 2112/TK Có: Chọn TK 2411
 - Số tiền: 33.450.000 VND
 - Nhấn **Cắt** để lưu chứng từ vừa nhập.
- Cuối cùng, thực hiện ghi tăng TSCĐ => thực hiện tương tự bước ghi tăng TSCĐ thuộc nghiệp vụ 1 trên:

Ghi tăng tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Tài sản cố định

1. TT chung 2. TT khấu hao 3. Thiết lập phân bổ 4. Nguồn gốc hình thành 5. Bộ phận cấu thành 6. Dụng cụ, phụ tùng kèm theo

Lấy TSCĐ từ hệ thống quản trị: ...

Số CT ghi tăng (*) GTTS00002 Đơn vị sử dụng (*) Phòng Hành chính Tổng hợp

Ngày ghi tăng (*) 22/01/2015 Nhà sản xuất

Mã tài sản (*) MPDIEN Năm sản xuất 2015 Số hiệu

Tên tài sản (*) Máy phát điện Nước sản xuất

Loại tài sản (*) Máy móc, thiết bị Thời gian BH 2

Điều kiện BH

Nhà cung cấp CT_PHUTHE Công ty TNHH Phú Thế

BB giao nhận số Ngày 22/01/2015

Tình trạng ghi tăng Mới Chất lượng hiện thời Hoạt động tốt

Không tính khấu hao

Đính kèm ...

Ghi tăng Hủy bỏ

2.3 Nhượng bán, thanh lý TSCĐ

VD: Ngày 22/01/2015 tiến hành thanh lý, nhượng bán máy may 3 ở phân xưởng 1, giá chưa thuế là 8.000.000 VND. Đã thu bằng chuyển khoản. NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên hạch toán nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ => Tại phân hệ **Tài sản cố định**, NSD chọn chức năng **Ghi giảm** (hoặc trên tab **Ghi giảm**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lý do ghi giảm: Chọn lý do là “*Nhượng bán, thanh lý*”.
- Ngày chứng từ 22/01/2015
- Mã TSCĐ: Chọn mã của tài sản máy may 3, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan

Ghi giảm tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi sổ Nạp Tiện ích Mẫu Giúp Đóng

Ghi giảm tài sản cố định

Thông tin chung

Lý do ghi giảm:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán:

Ngày chứng từ:

Số chứng từ:

1. Tài sản 2. Hạch toán

Mã tài sản	Tên tài sản	Đơn vị	Nguyên giá	Giá trị tính khấu hao	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	TK nguyên giá	TK hao mòn	TK xử lý giá
MM3	Máy may 3	PX1	45.800.000	45.800.000	11.203.764	34.596.236	2112	2141	811
Bấm vào đây để thêm mới									
Số dòng = 1			45.800.000	11.203.764	34.596.236				

□ Tab **Hạch toán**: Phần mềm tự động hạch toán nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ theo lý do đã chọn ở trên:

Ghi giảm tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi sổ Nạp Tiện ích Mẫu Giúp Đóng

Ghi giảm tài sản cố định

Thông tin chung

Lý do ghi giảm:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán:

Ngày chứng từ:

Số chứng từ:

1. Tài sản 2. Hạch toán

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Khoản mục CP	Đối tượng	Đơn vị
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản	2141	2112	11.203.764			
Xử lý giá trị còn lại	811	2112	34.596.236			
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 2			45.800.000			

- Nhấn **Cắt** để lưu chứng từ vừa nhập.
- Tiếp theo NSD hạch toán nghiệp vụ ghi nhận giá trị thu hồi của TSCĐ được thanh lý => Tại phân hệ **Ngân hàng**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền**, chọn chức năng **Thêm\Chi tiền**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

1. Hạch toán

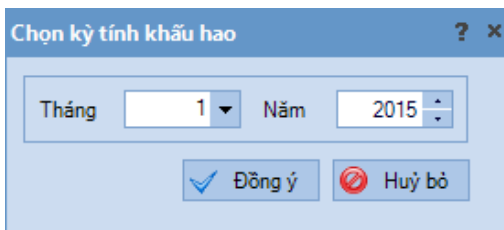
Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Đơn vị	Công trình
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1121	711	8.000.000			
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 1			8.000.000			

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Nộp vào TK: Chọn số tài khoản của ngân hàng BIDV
- Lý do thu: Chọn lý do là “Thu khác”, sau đó nhập nội dung chi tiết ở mục bên cạnh
- Ngày chứng từ: 22/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- TK Nợ: TK 1121 (phần mềm tự mặc định)/TK Có: Chọn TK 711
- Nhập số 8.000.000 VND
- Nhấn <<**Cắt** để lưu chứng từ vừa nhập.

2.4 Khấu hao TSCĐ

Hàng tháng, kế toán tiến hành tính khấu hao TSCĐ. Để tính khấu hao tự động trên MISA SME.NET 2015, NSD thực hiện như sau:

- Tại phân hệ **Tài sản cố định**, chọn chức năng **Tính khấu hao** (hoặc trên tab **Tính khấu hao**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:



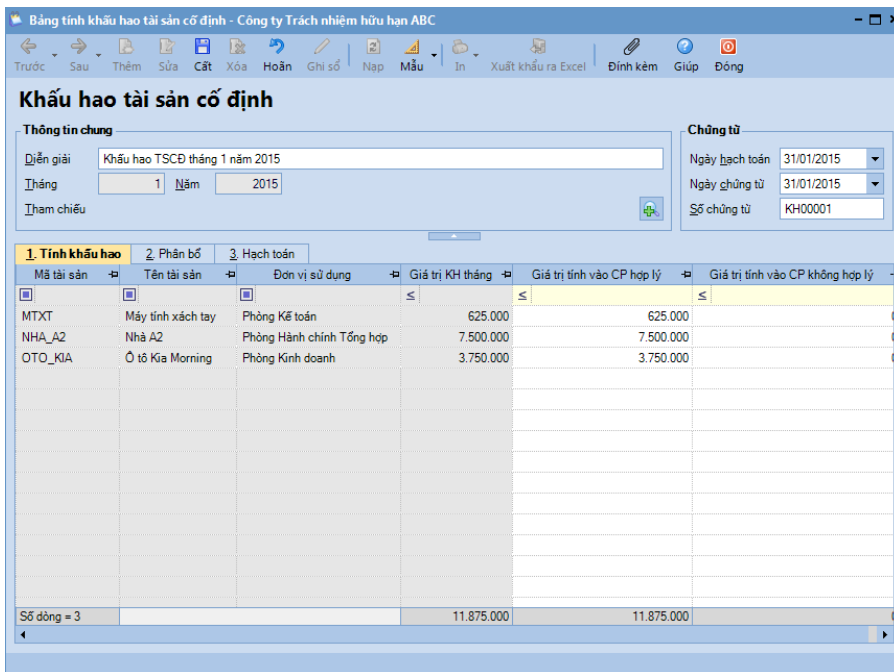
Chọn kỳ tính khấu hao

Tháng: 1 Năm: 2015

Đồng ý Hủy bỏ

- Chọn kỳ cần tính khấu hao và nhấn <<**Đồng ý**>>, phần mềm sẽ tự động sinh ra bảng khấu hao TSCĐ:

□ Tab **Tính khấu hao**: liệt kê giá trị tính khấu hao của từng tài sản:



Bảng tính khấu hao tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Khấu hao tài sản cố định

Thông tin chung

Diễn giải: Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015

Tháng: 1 Năm: 2015

Chung từ

Ngày hạch toán: 31/01/2015

Ngày ghi sổ: 31/01/2015

Số chứng từ: KH00001

Mã tài sản	Tên tài sản	Đơn vị sử dụng	Giá trị KH tháng	Giá trị tính vào CP hợp lý	Giá trị tính vào CP không hợp lý
MTXT	Máy tính xách tay	Phòng Kế toán	625.000	625.000	
NHA_A2	Nhà A2	Phòng Hành chính Tổng hợp	7.500.000	7.500.000	
OTO_KIA	Ô tô Kia Morning	Phòng Kinh doanh	3.750.000	3.750.000	
Số dòng = 3			11.875.000	11.875.000	

□ Tab **Phân bổ**: liệt kê giá trị khấu hao của từng tài sản sẽ được phân bổ cho các đối tượng nào:

Bảng tính khấu hao tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Khấu hao tài sản cố định

Thông tin chung: Diễn giải: Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015; Tháng: 1 Năm: 2015; Tham chiếu: [icon]

Chứng từ: Ngày hạch toán: 31/01/2015; Ngày ghi sổ: 31/01/2015; Số chứng từ: KH00001

1. Tính khấu hao 2. **Phân bổ** 3. Hạch toán

Mã tài sản

Tên tài sản	Đơn vị sử dụng	Giá trị KH tháng	Đối tượng phân bổ	Tên đối tượng phân bổ	Tỷ lệ %	Chi phí phân bổ	Tài khoản CP
- MTXT (1)							
Máy tính xách tay	Phòng Kế toán	625.000	PKT	Phòng Kế toán	100,00	625.000	6424
Số dòng = 1					100,00	625.000	
- NHA_A2 (1)							
Nhà A2	Phòng Hành chính Tổng...	7.500.000	PHCTH	Phòng Hành chính Tổng h...	100,00	7.500.000	6424
Số dòng = 1					100,00	7.500.000	
- OTO_KIA (1)							
Ô tô Kia Morning	Phòng Kinh doanh	3.750.000	PKD	Phòng Kinh doanh	100,00	3.750.000	6414
Số dòng = 1					100,00	3.750.000	
						300,00	11.875.000
Số dòng = 3							

□ Tab **Hạch toán**: liệt kê các bút toán hạch toán nghiệp vụ khấu hao TSCĐ:

Bảng tính khấu hao tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Khấu hao tài sản cố định

Thông tin chung: Diễn giải: Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015; Tháng: 1 Năm: 2015; Tham chiếu: [icon]

Chứng từ: Ngày hạch toán: 31/01/2015; Ngày ghi sổ: 31/01/2015; Số chứng từ: KH00001

1. Tính khấu hao 2. Phân bổ 3. **Hạch toán**

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Khoản mục CP	Đơn vị
Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015	6424	2141	625.000				PKT
Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015	6424	2141	7.500.000				PHCTH
Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015	6414	2141	3.750.000				PKD
Số dòng = 3			11.875.000				

- Nhấn <<Cắt để lưu bảng tính khấu hao.

2.5 Góp vốn đầu tư bằng TSCĐ

VD: Ngày 31/01/2015, đầu tư góp vốn kinh doanh vào công ty Phú Thái bằng nhà xưởng 2. Giá trị tài sản được công ty Phú thái chấp nhận là 150.000.000 VND

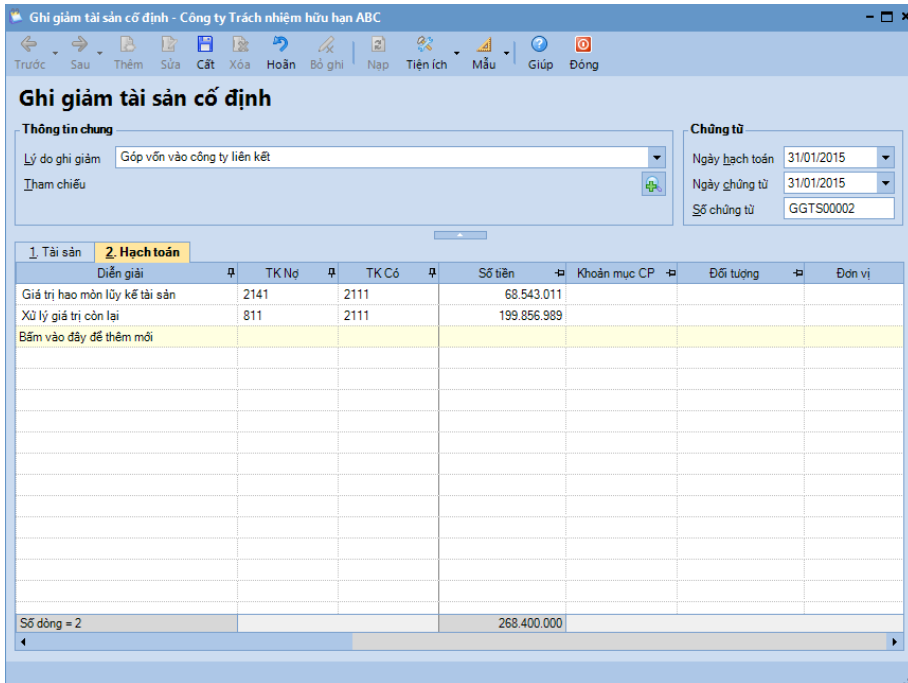
NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên hạch toán nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ => Tại phân hệ **Tài sản cố định**, NSD chọn chức năng **Ghi giảm** (hoặc trên tab **Ghi giảm**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lý do ghi giảm: Chọn lý do là “Góp vốn vào công ty liên kết”.
- Ngày chứng từ 31/01/2015
- Mã TSCĐ: Chọn mã của tài sản phân xưởng 2, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan

Mã tài sản	Tên tài sản	Đơn vị sử dụng	Nguyên giá	Giá trị tính khấu hao	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	TK nguyên giá	TK hao mòn	TK xử lý
PX2	Phân xưởng 2		268.400.000	268.400.000	68.543.011	199.856.989	2111	2141	811
Số dòng = 1			268.400.000		68.543.011	199.856.989			

□ Tab **Hạch toán**: Phần mềm tự động hạch toán nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ theo lý do đã chọn ở trên:



Nhấn **Cắt** để lưu chứng từ vừa nhập.

• Tiếp theo để phản ánh được giá trị tài sản được đánh giá tăng, NSD thực hiện khai báo trên **Chứng từ nghiệp vụ** khác thuộc phân hệ **Tổng hợp** => Việc nhập liệu tương tự nghiệp vụ Xuất vật tư góp vốn đầu tư, thuộc chương Kế toán kho (trang 236).

2.6 Đánh giá lại tài sản cố định

Đánh giá lại TSCĐ được sử dụng khi có đánh giá lại, sửa chữa, nâng cấp hay tháo dỡ một bộ phận TSCĐ dẫn đến tăng, giảm giá trị tính khấu hao của TSCĐ hoặc thay đổi thời gian sử dụng của tài sản. Tùy từng trường hợp phát sinh mà có thể đánh giá Giá trị còn lại, Thời gian sử dụng hoặc Hao mòn lũy kế

Để tiến hành điều chỉnh TSCĐ, tại phân hệ **Tài sản cố định**, NSD chọn chức năng **Đánh giá lại** (hoặc trên tab **Đánh giá lại**, chọn chức năng **Thêm**), phần mềm sẽ căn cứ vào thông tin TSCĐ được theo dõi tính ra giá trị còn lại, thời gian sử dụng còn lại tính đến khi đánh giá lại. NSD nhập Giá trị còn lại sau khi đánh giá lại, nhập thời gian sử dụng còn lại sau khi đánh giá lại (nếu có thay đổi) hoặc hao mòn lũy kế thay đổi sau khi đánh giá. Trường hợp đánh giá lại làm thay đổi Giá trị khấu hao, NSD nhập tài khoản đánh giá lại tương ứng.

Đánh giá lại tài sản cố định - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Đính kèm Mẫu In Giúp Đóng

Đánh giá lại tài sản cố định

Đánh giá Thành viên tham gia

Thông tin chung

Biên bản số: BBDGTS15/0001 Ngày: 15/01/2015

Lý do: Sửa chữa tài sản làm tăng giá trị của tài sản

Kết luận:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 19/01/2015

Ngày chứng từ: 19/01/2015

Số chứng từ: DGL00001

1. Chi tiết điều chỉnh

2. Hạch toán

Mã tài sản	Tên tài sản	Đơn vị sử dụng	Giá trị còn lại			Thời gian sử dụng còn lại (tháng)			Số dòng
			Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch	
OTTO12	Xe 6 tốp 12 chỗ	Phòng Hành chính	690.625.000	720.185.000	29.560.000	78,00	82,00	4,00	159.375,00
Số dòng:			690.625.000	720.185.000	29.560.000				159.375,00

Đánh giá lại tài sản cố định - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Đính kèm Mẫu In Giúp Đóng

Đánh giá lại tài sản cố định

Đánh giá Thành viên tham gia

Thông tin chung

Biên bản số: BBDGTS15/0001 Ngày: 15/01/2015

Lý do: Sửa chữa tài sản làm tăng giá trị của tài sản

Kết luận:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 19/01/2015

Ngày ghi sổ: 19/01/2015

Số chứng từ: EGL00001

1. Chi tiết điều chỉnh 2. Hạch toán

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Khoản m
Điều chỉnh tăng giá trị tính khấu hao của tài sản <Xe ô tô 12 chỗ>	2113	412	29.560.000		
Số dòng = 1			29.560.000		

2.7 Điều chuyển tài sản cố định

Trong quá trình sử dụng có thể có sự điều chuyển tài sản cố định giữa các bộ phận, phòng ban trong doanh nghiệp. Kế toán phải lập chứng từ điều chuyển tài sản cố định nhằm theo dõi chi tiết tình trạng tài sản cố định tại từng bộ phận, phòng ban.

- Khi phát sinh nghiệp vụ điều chuyển, tại phân hệ **Tài sản cố định**, NSD chọn chức năng **Điều chuyển** (hoặc trên tab **Điều chuyển**, chọn chức năng **Thêm**).
- Chọn tài sản cần điều chuyển, phòng ban điều chuyển đến, TK chi phí ở phòng ban mới (nếu có sự thay đổi so với phòng ban cũ)
- Nhấn <<**Cắt** để lưu chứng từ vừa nhập

Xem báo cáo

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Đơn vị sử dụng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC; Loại TSCĐ: Máy móc, thiết bị; Thán...

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Đơn vị sử dụng	Ngày ghi tăng	Số CT ghi tăng	Ngày bắt đầu tính KH	Thời gian SD (tháng)	Thời gian SD còn lại (tháng)	Giá trị tính KH	Hao mòn trong kỳ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị	
MM3	Máy may 3	Phòng xưởng 1	01/11/2013	OPN	01/11/2013	60,00	0,00	45.800.000					
MTXT	Máy tính xách	Phòng Kế toán	01/01/2014	OPN	01/01/2014	48,00	35,00	30.000.000	625.000	8.125.000	21.875.000		
MPDIEN	Máy phát diê	Phòng Hành chính T	22/01/2015	GTT\$00002	22/01/2015	60,00	60,00	33.345.000		0	33.345.000		
Số đóng...								168,00	95,00	109.145,00	625.000	18.811.667	90.333.333

Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tài sản cố định như sau:

- Ngày 12/01/2015 mua mới một máy tính Intel của Công ty Hà Thành cho phòng kế toán (chưa thanh toán tiền) theo hóa đơn mẫu số 01GTKT3/001, số 0045612, ký hiệu: AB/15P. Số tiền chưa thuế: 30.000.000 VND. VAT: 10%. Thời gian sử dụng 3 năm. Ngày bắt đầu sử dụng: 24/01/2015.
- Ngày 02/02/2015, mua mới một máy phát điện của công ty Phú Thái đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng Công thương theo hóa đơn mẫu số 01GTKT3/001, số 0078521, ký hiệu: BC/15P. Số tiền chưa thuế: 50.000.000 VND (VAT: 10%) dùng cho phân xưởng 1.
Thời gian sử dụng 7 năm. Ngày bắt đầu sử dụng: 05/02/2015.

3. Ngày 25/02/2015, nhượng bán máy may 2 cho công ty cổ phần Thái Lan thu bằng tiền mặt: 2.000.000 VND, VAT: 10%.

Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số: 0075495; ký hiệu: AB/15P.

4. Ngày 01/03/2015, công ty cổ phần Tân Văn bàn giao nhà xưởng 1 do sửa chữa hoàn thành, nguyên giá mới là: 480.000.000 VND (tăng 30.000.000 VND so với nguyên giá cũ), thời gian sử dụng mới 17 năm. Thanh toán tiền cho công ty cổ phần Tân Văn bằng tiền mặt.

5. Ngày 12/03/2015, mua mới máy may 5 của công ty Hà Liên (chưa thanh toán tiền) cho phân xưởng 1 theo hóa đơn mẫu số 01GTKT3/001, số 0022145, ký hiệu: AD/15P, Số tiền chưa thuế: 38.000.000 VND, VAT 10%, thời gian sử dụng 5 năm. Ngày bắt đầu sử dụng: 14/03/2015.

6. Ngày 24/03/2015, điều chuyển máy may 1 từ phân xưởng 1 sang phân xưởng 2.

Yêu cầu:

▮ Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2 và khai báo thêm danh mục (nếu cần).

▮ Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.

▮ Tính khấu hao TSCĐ từng tháng (bút toán tự động).

▮ In Danh sách TSCĐ tại nơi sử dụng; Sổ tài sản cố định; Sổ theo dõi tài sản cố định tại nơi sử dụng

BÀI 8: THỰC HÀNH KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

▣ Nguyên tắc hạch toán

▣ Mô hình hoạt động tiền lương

▣ Sơ đồ hạch toán kế toán tiền lương

▣ Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

1. Nguyên tắc hạch toán




□ Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương phải hạch toán chi tiết số lượng lao động, thời gian lao động và kết quả lao động.

□ Căn cứ vào Bảng chấm công, Phiếu làm thêm giờ, Phiếu giao nộp sản phẩm, Hợp đồng giao khoán, Phiếu nghỉ hưởng BHXH,... để lập bảng tính và thanh toán lương và các khoản trích theo lương cho người lao động.

□ Căn cứ vào Bảng tính lương kế toán lập Bảng tính và phân bổ chi phí tiền lương cùng các khoản trích theo lương vào chi phí của từng phân xưởng, bộ phận sử dụng lao động.

2. Thực hành kế toán tiền lương

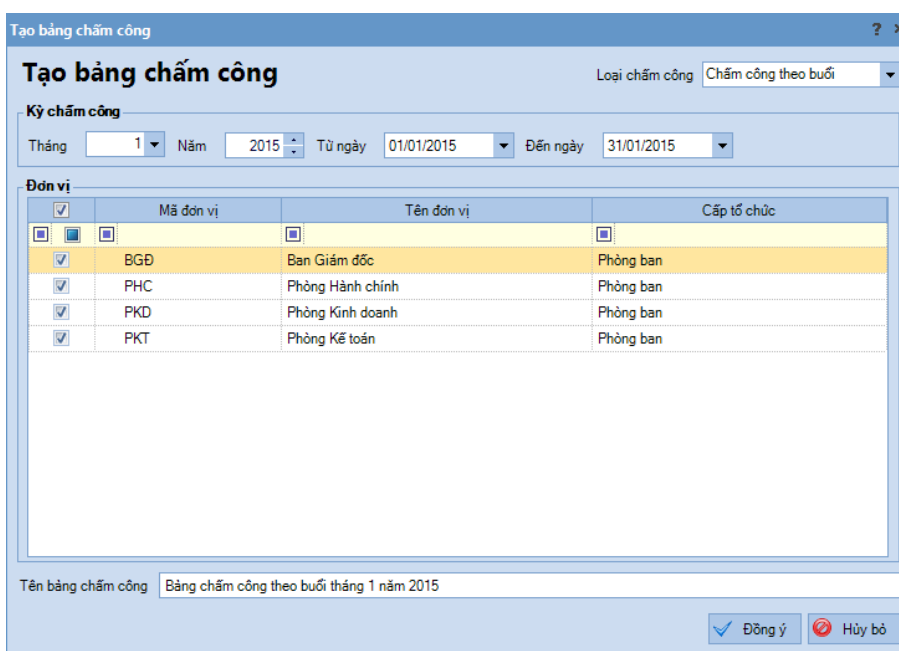
□ Bảng chấm công

Đơn vị: Công ty TNHH ABC 218 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội			Mẫu số: 01a-LBTL (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)									
BẢNG CHẤM CÔNG Tháng 01 năm 2011												
Số TT	Họ và tên	Ngạch bậc lương hoặc cấp bậc chức vụ	Ngày trong tháng					Quy ra công				
			1	2	3	...	31	Số công hưởng lương sản phẩm	Số công hưởng lương thời gian	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng 100% lương	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng ...% lương	Số công hưởng BHXH
A	B	C	1	2	3	...	31	32	33	34	35	36
1.	Hoàng Thanh Tú	Nhân viên	+	+	+	+	+		26	1		
2.	Nguyễn Hải Yến	Nhân viên	+	+	+	+	+		27	0		
...					
	Cộng	x	x	x	x	x	x					
Người chấm công (Ký, họ tên)  Hoàng Thanh Tú			Phụ trách bộ phận (Ký, họ tên)  Đỗ Thị Xuân					Ngày 31 tháng 03 năm 2010 Người duyệt (Ký, họ tên)  Trần Bình Minh				
Ký hiệu chấm công - Lương thời gian: + - Ốm, điều dưỡng: Ô - Con ốm: CÔ - Thai sản: Ts - Tai nạn: T - Nghỉ phép: P								- Hội nghị, học tập: H - Nghỉ bù: Nb - Nghỉ không lương: No - Ngừng việc: N - Lao động nghĩa vụ: Lđ				

2.1 Chấm công

Cho phép chấm công theo ngày, tuần hoặc tháng cho từng nhân viên làm căn cứ theo dõi quá trình đi làm của nhân viên và căn cứ tính lương. NSD thực hiện theo hướng dẫn sau:

- Đầu tiên lập bảng chấm công chi tiết => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Chấm công** (hoặc trên tab **Chấm công**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:



<input checked="" type="checkbox"/>	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Cấp tổ chức
<input checked="" type="checkbox"/>	BGD	Ban Giám đốc	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PHC	Phòng Hành chính	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKD	Phòng Kinh doanh	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKT	Phòng Kế toán	Phòng ban

- Loại chấm công: Chọn chấm công theo buổi hoặc chấm công theo giờ.
- Chọn thời gian lập bảng chấm công
- Tích chọn phòng ban/bộ phận được lập bảng chấm công
- Nhấn <<**Đồng ý**>> phần mềm sẽ hiển thị bảng chấm công tương ứng

Bảng chấm công theo buổi - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Nạp Sinh bảng lương Giúp Đóng

Bảng chấm công theo buổi tháng 1 năm 2015

Thông tin nhân viên			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên													
- BGD - Ban Giám đốc															
1	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	+	+			+	+	+	+	+			+	+
Số đơn...															
- PKD - Phòng Kinh doanh															
2	HNMAI	Hoàng Ngọc Mai	+	+			+	+	+	+	+			+	+
3	NLAN	Nguyễn Thị Lan	+	+			+	+	+	+	+			+	+
4	PMQUANG	Phạm Minh Quang	+	+			+	+	+	+	+			+	+
5	VTDUNG	Vũ Tiến Dũng	+	+			+	+	+	+	+			+	+
6	VTPHONG	Vũ Tuấn Phong	+	+			+	+	+	+	+			+	+
Số đơn...															
- PKT - Phòng Kế toán															
7	LTHUYEN	Lê Thị Huyền	+	+			+	+	+	+	+			+	+
8	NATUYET	Ngô Ánh Tuyết	+	+			+	+	+	+	+			+	+
9	NTMAI	Nguyễn Tuyết Mai	+	+			+	+	+	+	+			+	+
Số đơn...															
- PHC - Phòng Hành chính															
10	NDTOAN	Ngô Đức Toàn	+	+			+	+	+	+	+			+	+
11	VNTAN	Vũ Ngọc Tấn	+	+			+	+	+	+	+			+	+
Số đơn...															
Số đơn...															

F3 - Tìm nhanh

Tích chọn các thông tin tương ứng về ngày công làm việc của mỗi nhân viên các ngày trong tháng.

Nhấn <<**Cắt** để lưu bảng chấm công vừa lập

2.2 Tổng hợp bảng chấm công:

- Tiếp theo lập bảng Tổng hợp chấm công để phục vụ cho việc tính lương => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Tổng hợp chấm công** (hoặc trên tab **Tổng hợp chấm công**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Tổng hợp chấm công

Loại chấm công: Chấm công theo buổi

Kỳ chấm công

Tháng: 1 Năm: 2015

Đơn vị

<input checked="" type="checkbox"/>	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Cấp tổ chức
<input checked="" type="checkbox"/>	BGD	Ban Giám đốc	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PHC	Phòng Hành chính	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKD	Phòng Kinh doanh	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKT	Phòng Kế toán	Phòng ban

Tên bảng tổng hợp chấm công: Bảng tổng hợp chấm công theo buổi tháng 1 năm 2015

Tổng hợp từ các bảng chấm công chi tiết

- Loại chấm công: Chọn chấm công theo buổi hoặc chấm công theo giờ.
- Chọn thời gian lập bảng tổng hợp chấm công
- Tích chọn phòng ban/bộ phận được lập bảng tổng hợp chấm công
- Trường hợp muốn lập bảng tổng hợp chấm công từ các bảng chấm công chi tiết đã được lập trên tab **Chấm công**, NSD tích chọn vào thông tin “**Tổng hợp từ các bảng chấm công chi tiết**”.
- Nhấn **Đồng ý** phần mềm sẽ hiển thị bảng tổng hợp chấm công tương ứng:

Bảng tổng hợp chấm công theo buổi tháng 1 năm 2015

(Đơn vị tính: Ngày công)

STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Lương thời gian (nửa ngày)	Nghỉ việc	Nghỉ không lương	Lương thời gian (cả ngày)	Nghỉ bù	Ôm, điều dưỡng	Hội nghị, học tập	Tai nạn	Nghỉ phép	Lao động nghĩa vụ	Con ốm	Thai sản	Lương sản phẩm	Số công hưởng 100% lương	Số công hưởng 100% lương	Làm thêm ban ngày (giờ công)			Lần t
																		Ngày thường	Ngày thứ 7, chủ nhật	Ngày lễ, tết	
- BGD - Ban Giám đốc																					
1	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
Số...			0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
- PKD - Phòng Kinh doanh																					
2	HNMAI	Hoàng Ngọc Mai	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,50	0,00	0,00	
3	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
4	PMQUANG	Phạm Minh Quang	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	1,00	0,00	
5	VTDUNG	Vũ Tiến Dũng	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
6	VTPHONG	Vũ Tuấn Phong	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	2,00	0,00	
Số...			0,00	0,00	0,00	110,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	110,00	0,00	0,50	3,00	0,00	
- PKT - Phòng Kế toán																					
7	LTHUYEN	Lê Thị Huyền	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
8	NATUYET	Ngô Ánh Tuyết	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
9	NTMAI	Nguyễn Tuyết Mai	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
Số...			0,00	0,00	0,00	66,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	66,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
- PHC - Phòng Hành chính																					
10	NDTOAN	Ngô Đức Toàn	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,50	1,00	0,00	
Số...			0,00	0,00	0,00	242,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	242,00	0,00	1,00	4,00	0,00	

Nhập số ngày công tương ứng với từng ký hiệu chấm công (Trường hợp được lập từ bảng chấm công chi tiết, phần mềm sẽ tự động tổng hợp theo từng ký hiệu chấm công).

Nhấn <<Cắt để lưu bảng tổng hợp chấm công vừa lập.

2.3 Tính lương

Phần mềm MISA SME.NET 2015 cho phép NSD lập 3 loại bảng lương: Bảng lương cơ bản cố định, bảng lương thời gian và bảng lương tạm ứng.

- **Lập bảng lương tạm ứng:** Cho phép lập và quản lý các Bảng lương tạm ứng được lập trong kỳ của doanh nghiệp để phục vụ việc trả lương nhiều lần trong tháng. Bảng lương tạm ứng là cơ sở để phần mềm lấy lên cột "Tạm ứng kỳ I" trên Bảng lương chính của tháng => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Tính lương** (hoặc trên tab **Tính lương**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Tạo bảng lương ? x

Loại bảng lương: Lương tạm ứng

Kỳ tính lương

Tháng: 1 Năm: 2015

Đơn vị

<input checked="" type="checkbox"/>	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Cấp tổ chức
<input checked="" type="checkbox"/>	BGD	Ban Giám đốc	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PHC	Phòng Hành chính	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKD	Phòng Kinh doanh	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKT	Phòng Kế toán	Phòng ban

Tên bảng lương: Bảng lương tạm ứng tháng 1 năm 2015

Tạo mới dựa trên bảng lương khác
 Tạo mới hoàn toàn

Dựa trên bảng lương:

Bảng lương: Bảng lương tạm ứng tháng 3 năm 2015

Tự động thêm vào các nhân viên mới
 Lấy cả nhân viên đã ngừng theo dõi

- Loại bảng lương: Chọn loại bảng lương là “*Lương tạm ứng*”.
- Chọn thời gian lập bảng lương
- Tích chọn phòng ban/bộ phận được lập bảng lương
- NSD có thể lựa chọn tạo bảng tính lương từ một bảng lương đã có trên phần mềm hoặc tạo một bảng lương hoàn toàn mới.
- Nhấn **Đồng ý** phần mềm sẽ hiển thị bảng lương tạm ứng của nhân viên:

Bảng lương tạm ứng tháng 1 năm 2015

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Bảng lương tạm ứng tháng 1 năm 2015

STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Chức danh	Số tiền tạm ứng
BGD - Ban Giám đốc				
1	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Giám đốc	5.000.000
Số dòng = 1				5.000.000
PKD - Phòng Kinh doanh				
2	HNMAI	Hoàng Ngọc Mai	Nhân viên	2.000.000
3	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Nhân viên	2.000.000
4	PMQUANG	Phạm Minh Quang	Nhân viên	2.000.000
5	VTDUNG	Vũ Tiến Dũng	Nhân viên	2.000.000
6	VTPHONG	Vũ Tuấn Phong	Nhân viên	2.000.000
Số dòng = 5				10.000.000
PKT - Phòng Kế toán				
7	LTHUYEN	Lê Thị Huyền	Nhân viên	2.500.000
8	NATUYET	Ngô Ánh Tuyết	Nhân viên	2.500.000
9	NTMAI	Nguyễn Tuyết Mai	Nhân viên	2.500.000
Số dòng = 3				7.500.000
PHC - Phòng Hành chính				
10	NDTOAN	Ngô Đức Toàn	Nhân viên	2.000.000
11	VNTAN	Vũ Ngọc Tấn	Nhân viên	2.000.000
Số dòng = 2				2.000.000
Số dòng = 11				24.500.000

- Nhập số tiền tạm ứng của nhân viên trong kỳ lên bảng lương tạm ứng
- Nhấn **Cắt** để lưu bảng lương vừa nhập
- **Lập bảng lương dựa trên bảng tổng hợp chấm công:** Cho phép lập và quản lý các bảng lương được tính dựa trên công làm việc của nhân viên trên bảng tổng hợp chấm công => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Tính lương** (hoặc trên tab **Tính lương**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Tạo bảng lương ? x

Loại bảng lương: Lương thời gian theo buổi

Kỳ tính lương

Tháng: 1 Năm: 2015

Đơn vị

<input checked="" type="checkbox"/>	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Cấp tổ chức
<input checked="" type="checkbox"/>	BGD	Ban Giám đốc	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PHC	Phòng Hành chính	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKD	Phòng Kinh doanh	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKT	Phòng Kế toán	Phòng ban

Tên bảng lương: Bảng lương thời gian theo buổi tháng 1 năm 2015

Tạo mới dựa trên bảng lương khác
 Tạo mới hoàn toàn

Dựa trên bảng lương:

Bảng lương: Bảng lương thời gian theo buổi tháng 1 năm 2014

Tự động thêm vào các nhân viên mới
 Lấy cả nhân viên đã ngừng theo dõi

- Loại bảng lương: Chọn loại bảng lương là “*Lương thời gian theo buổi*” hoặc “*Lương thời gian theo giờ*”.
- Chọn thời gian lập bảng lương
- Tích chọn phòng ban/bộ phận được lập bảng lương
- NSD có thể lựa chọn tạo bảng tính lương từ một bảng lương đã có trên phần mềm hoặc tạo một bảng lương hoàn toàn mới.
- Nhấn **Đồng ý** phần mềm sẽ hiển thị bảng lương của nhân viên:

Bảng lương thời gian theo buổi tháng 1 năm 2014

STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Chức danh	Lương cơ bản	Đơn giá ngày công	Lương thời gian hưởng 100% lương				Nghỉ việc, ngừng việc không hưởng 100% lương				Lương làm thêm	Phụ cấp khác	Phụ cấp công vụ	Tổng số	Tạm ứng lương trong kỳ	Lương đóng BHXH	Các khoản khấu trừ					Giảm trừ gia cảnh	Thu nhập sau thuế TNCN	Số tiền còn được lĩnh	
						Số ngày công	Số sản phẩm	Số ngày công	Số sản phẩm	Số giờ công	Số sản phẩm	Số giờ công	Số sản phẩm							BH04	BHYT	BHTN	KPCD	Thuế TNCN				Cộng
BGD-Ban Giám đốc																												
1	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Giám đốc	18.000,00	750.000	22,00	16.500.000	0,00	0	0,00	0	0	0	0	0	0	16.500.000	0	6.000.000	480.000	90.000	60.000	0	163.500	793.500	12.600.000	3.270.000	15.706.500
PKD-Phòng Kinh doanh																												
3	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Nhân viên	5.800.000	241.667	22,00	5.316.674	0,00	0	0,00	0	0	0	0	0	5.316.674	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.001.674	
4	PMQUANG	Phạm Minh Quang	Nhân viên	5.800.000	249.167	22,00	5.481.674	0,00	0	0,00	0	0	0	0	0	5.481.674	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.166.674	
6	VTPHONG	Vũ Tuấn Phong	Nhân viên	5.800.000	283.333	22,00	6.233.326	0,00	0	0,00	0	0	0	0	0	6.233.326	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.918.326	
2	HMMAI	Hồng Ngọc Mai	Nhân viên	5.800.000	233.333	19,00	4.433.327	3,00	699.999	0,00	0	0	0	0	0	5.133.326	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	4.818.326	
5	VTDUNG	Vũ Tiến Dũng	Nhân viên	5.100.000	212.500	17,00	3.812.500	5,00	1.062.500	0,00	0	0	0	0	0	4.875.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	4.560.000	
						Số:	25.077.601	1.762.499	0	26.840.000	0	15.000.000	1.200.000	225.000	150.000	0	0	15.875.000	45.000.000	0	29.265.000							
PKT-Phòng Kế toán																												
7	LTHUYEN	Lê Thị Huyền	Nhân viên	7.800.000	325.000	22,00	7.150.000	0,00	0	0,00	0	0	0	0	0	7.150.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	6.835.000	
9	NTMAI	Nguyễn Tuyết Mai	Nhân viên	6.800.000	283.333	22,00	6.233.326	0,00	0	0,00	0	0	0	0	0	6.233.326	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.918.326	
8	NATUYET	Ngô Anh Tuyết	Nhân viên	9.500.000	395.833	20,00	7.916.660	2,00	791.866	0,00	0	0	0	0	0	8.708.526	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	8.393.526	
						Số:	21.299.986	791.866	0	22.091.852	0	9.000.000	720.000	135.000	90.000	0	0	945.000	27.000.000	0	21.146.852							
PNC-Phòng Hành chính																												
10	NDOAN	Ngô Đức Toàn	Nhân viên	6.200.000	258.333	22,00	5.683.326	0,00	0	0,00	0	0	0	0	0	5.683.326	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.368.326	
11	VNTAN	Vũ Ngọc Tấn	Nhân viên	4.500.000	187.500	22,00	4.125.000	0,00	0	0,00	0	0	0	0	0	4.125.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	3.810.000	
						Số:	9.808.326	0	0	9.808.326	0	6.000.000	480.000	90.000	60.000	0	0	630.000	18.000.000	0	9.178.326							
						Số:	72.685.813	2.554.165	0	75.239.978	0	36.000.000	2.880.000	540.000	360.000	0	0	163.500	3.943.500	102.600.0	0	71.296.473						

- **Nhấn Cát** để lưu bảng lương vừa lập
- **Lập bảng lương cố định (không dựa vào bảng chấm công):** Cho phép lập và quản lý các bảng lương được tính dựa trên thông tin lương cố định khi khai báo nhân viên => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Tính lương** (hoặc trên tab **Tính lương**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Tạo bảng lương ? x

Loại bảng lương: Lương cố định (không dựa trên bảng chấm công)

Kỳ tính lương

Tháng: 1 Năm: 2015

Đơn vị

<input checked="" type="checkbox"/>	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Cấp tổ chức
<input checked="" type="checkbox"/>	BGD	Ban Giám đốc	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PHC	Phòng Hành chính	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKD	Phòng Kinh doanh	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKT	Phòng Kế toán	Phòng ban

Tên bảng lương: Bảng lương cố định tháng 1 năm 2015

Tạo mới dựa trên bảng lương khác
 Tạo mới hoàn toàn

Dựa trên bảng lương:

Bảng lương: [Dropdown menu]

Tự động thêm vào các nhân viên mới
 Lấy cả nhân viên đã ngừng theo dõi

- Loại bảng lương: Chọn loại bảng lương là “*Lương cố định (không dựa trên bảng chấm công)*”.
- Chọn thời gian lập bảng lương
- Tích chọn phòng ban/bộ phận được lập bảng lương
- NSD có thể lựa chọn tạo bảng tính lương từ một bảng lương đã có trên phần mềm hoặc tạo một bảng lương hoàn toàn mới.
- Nhấn **Đồng ý** phần mềm sẽ hiển thị bảng lương của nhân viên:

Bảng lương cố định tháng 1 năm 2015

Phân bổ lương Hạch toán lương

Bảng lương cố định tháng 1 năm 2015

STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Chức danh	Lương cơ bản	Phụ cấp thuộc loại lương	Phụ cấp khác	Tổng số	Tạm ứng lương trong kỳ	Lương đóng BHXH	Các khoản khấu trừ						Giảm trừ gia cảnh	Thu nhập tính thuế TNCN	Số tiền còn được lĩnh
										BHXH	BHYT	BHTN	KPCD	Thuế TNCN	Công			
BGD-Ban Giám đốc																		
1	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Giám đốc	18.000.00	0	0	18.000.000	0	6.000.000	480.000	90.000	60.000	0	238.500	868.500	12.600.000	4.770.000	17.131.500
S.							18.000.000	0	6.000.000	480.000	90.000	60.000	0	238.500	868.500	12.600.000		17.131.500
PKD-Phòng Kinh doanh																		
2	HNMAI	Hoàng Ngọc Mai	Nhân viên	5.600.000	0	0	5.600.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.285.000
3	NLAN	Nguyễn Thị Lan	Nhân viên	5.800.000	0	0	5.800.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.485.000
4	PMQUANG	Phạm Minh Quang	Nhân viên	5.980.000	0	0	5.980.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.665.000
5	VTDUNG	Vũ Tiến Dũng	Nhân viên	5.100.000	0	0	5.100.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	4.785.000
6	VTPHONG	Vũ Tuấn Phong	Nhân viên	6.800.000	0	0	6.800.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	6.485.000
S.							29.280.000	0	15.000.000	1.200.000	225.000	150.000	0	0	1.575.000	45.000.000		27.705.000
PKT-Phòng Kế toán																		
7	LTHUYEN	Lê Thị Huyền	Kế toán	7.800.000	0	0	7.800.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	7.485.000
8	NATUYET	Ngô Ánh Tuyết	Nhân viên	9.500.000	0	0	9.500.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	9.250	324.250	9.000.000	185.000	9.175.750
9	NTMAI	Nguyễn Tuyết Mai	Nhân viên	6.800.000	0	0	6.800.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	6.485.000
S.							24.100.000	0	9.000.000	720.000	135.000	90.000	0	9.250	954.250	27.000.000		23.145.750
PHC-Phòng Hành chính																		
10	NDTOAN	Ngô Đức Toàn	Nhân viên	6.200.000	0	0	6.200.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.885.000
11	VNTAN	Vũ Ngọc Tấn	Nhân viên	4.500.000	0	0	4.500.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	4.185.000
S.							10.700.000	0	6.000.000	480.000	90.000	60.000	0	0	630.000	18.000.000		10.070.000
S.							82.080.000	0	36.000.000	2.880.000	540.000	360.000	0	247.750	4.027.750	102.600.000		78.052.250

- Nhấn **Cắt** để lưu bảng lương vừa lập.

2.4 Hạch toán chi phí lương:

Tính lương và các khoản trích theo lương => NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Hạch toán chi phí lương** (hoặc trên tab **Hạch toán chi phí**,

chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Chọn bảng lương

Bảng lương: **Bảng lương thời gian theo buổi tháng 1 năm 2015**

Đồng ý Hủy bỏ

- Chọn bảng lương cần hạch toán chi phí lương, sau đó nhấn **Đồng ý**, phần mềm sẽ tự động sinh ra chứng từ hạch toán chi phí lương:

Hạch toán chi phí lương - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Hạch toán chi phí lương

Hiện thị trên số: Số tài chính

Thông tin chung

Bảng lương: Bảng lương thời gian theo buổi tháng 1 năm 2015
 Diễn giải: Hạch toán chi phí lương tháng 1 năm 2015

Chứng từ

Ngày hạch toán: 31/01/2015
 Ngày chứng từ: 31/01/2015
 Số chứng từ: HTCPL00002

1. Hạch toán

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Đơn vị
BHTN công ty đóng	6421	3386	360.000			
BHTN nhân viên đóng	3341	3386	360.000			
BHXH công ty đóng	6421	3383	6.480.000			
BHXH nhân viên đóng	3341	3383	2.880.000			
BHYT công ty đóng	6421	3384	1.080.000			
BHYT nhân viên đóng	3341	3384	540.000			
KPCĐ công ty đóng	6421	3382	720.000			
Lương chính	6421	3341	75.239.978			
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 8			87.659.978			

- NSD kiểm tra các bút toán về lương, các khoản trích theo lương và thuế TNCN của nhân viên
- Nhấn <<**Cắt** để lưu chứng từ vừa lập.

2.5 Trả lương :

VD: Ngày 31/01/2015 thanh toán tiền lương tháng 01/2015 cho cán bộ công nhân viên. Sau khi tính lương và các khoản trích theo lương, doanh nghiệp thực hiện trả lương cho nhân viên bằng chuyển khoản qua ngân hàng BIDV. NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Trả lương** (hoặc vào **Nghiệp vụ\Tiền lương\Trả lương**):

Trả lương

Ngày trả lương: 31/01/2015 Phương thức thanh toán: Ủy nhiệm chi Tiền mặt

Thông tin trả lương

<input type="checkbox"/>	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Đơn vị	TK ngân hàng	Số còn phải trả	Số trả	Lịch sử trả lương
<input checked="" type="checkbox"/>	HNMAI	Hoàng Ngọc Mai	Phòng Kinh doanh	012454000124 - Ngân hàng TMCP...	13.988.372	13.988.372	Xem lịch sử trả lương
<input checked="" type="checkbox"/>	LTHUYEN	Lê Thị Huyền	Phòng Kế toán	012454000122 - Ngân hàng TMCP...	19.855.000	19.855.000	Xem lịch sử trả lương
<input checked="" type="checkbox"/>	NATUYET	Ngô Ánh Tuyết	Phòng Kế toán	012454000125 - Ngân hàng TMCP...	24.388.292	24.388.292	Xem lịch sử trả lương
<input checked="" type="checkbox"/>	NDTOAN	Ngô Đức Toàn	Phòng Hành chính	012454000121 - Ngân hàng TMCP...	15.588.372	15.588.372	Xem lịch sử trả lương
<input type="checkbox"/>	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Phòng Kinh doanh		14.521.628	14.521.628	Xem lịch sử trả lương
<input checked="" type="checkbox"/>	NTMAI	Nguyễn Tuyết Mai	Phòng Kế toán	012454000123 - Ngân hàng TMCP...	17.188.372	17.188.372	Xem lịch sử trả lương
<input checked="" type="checkbox"/>	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Ban Giám đốc	012454000120 - Ngân hàng TMCP...	45.858.000	45.858.000	Xem lịch sử trả lương
<input checked="" type="checkbox"/>	PMQUANG	Phạm Minh Quang	Phòng Kinh doanh	012454000126 - Ngân hàng TMCP...	15.001.708	15.001.708	Xem lịch sử trả lương
<input type="checkbox"/>	VNTAN	Vũ Ngọc Tấn	Phòng Hành chính		11.055.080	11.055.080	Xem lịch sử trả lương
<input type="checkbox"/>	VTDUNG	Vũ Tiến Dũng	Phòng Kinh doanh		12.787.895	12.787.895	Xem lịch sử trả lương
<input type="checkbox"/>	VTPHONG	Vũ Tuấn Phong	Phòng Kinh doanh		17.188.372	17.188.372	Xem lịch sử trả lương
Số dư...					207.421.091	207.421.091	

Giúp Trả lương Hủy bỏ

- Ngày trả lương: 31/01/2015
- Lựa chọn phương thức trả là lập Ủy nhiệm chi
- Tích chọn những nhân viên sẽ được trả lương qua tài khoản
- Nhấn <<Trả lương>>, phần mềm tự động sinh ra chứng từ trả lương căn cứ vào phương thức thanh toán đã chọn:

Ủy nhiệm chi trả lương nhân viên - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Ủy nhiệm chi trả lương nhân viên Hiện thị trên số

Thông tin chung

Tài khoản chi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Ngân hàn

Nội dung TT:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán:

Ngày ghi sổ:

Số chứng từ:

1. Hạch toán 2. Thông tin trả lương

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nhân viên	Mã thống kê
Trả lương nhân viên tháng 7 năm 2015	3341	1121	151.868.116		
Số đóng = 1			151.868.116		

- Tài khoản chi: Chọn số tài khoản của ngân hàng BIDV
- Kiểm tra hạch toán nghiệp vụ trả lương cho nhân viên trên tab **Hạch toán** và chi tiết tiền lương đã trả cho từng nhân viên trên tab **Thông tin trả lương**:

Ủy nhiệm chi trả lương nhân viên - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Ủy nhiệm chi trả lương nhân viên Hiện thị trên số

Thông tin chung

Tài khoản chi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Ngân hàn

Nội dung TT:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán:

Ngày ghi sổ:

Số chứng từ:

1. Hạch toán 2. Thông tin trả lương

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Số tài khoản	Đơn vị	Số còn phải trả	Số trả
HNMAI	Hoàng Ngọc Mai	012454000124 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Kinh doanh	13.988.372	13.988.372
LTHUYEN	Lê Thị Huyền	012454000122 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Kế toán	19.855.000	19.855.000
NATUYET	Ngô Ánh Tuyết	012454000125 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Kế toán	24.388.292	24.388.292
NDTOAN	Ngô Đức Toàn	012454000121 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Hành chính	15.588.372	15.588.372
NTMAI	Nguyễn Tuyết Ma	012454000123 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Kế toán	17.188.372	17.188.372
NVNAM	Nguyễn Văn Nam	012454000120 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Ban Giám đốc	45.858.000	45.858.000
PMQUANG	Phạm Minh Quan	012454000126 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Kinh doanh	15.001.708	15.001.708
Số đóng = 7				151.868.116	151.868.116

- Kiểm tra thông tin uỷ nhiệm chi được lập, sau đó nhấn **Cất** .

2.6 Nộp bảo hiểm

VD: Ngày 05/02/2015 Cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm thanh toán tiền bảo hiểm phải trả cho người lao động bằng tiền mặt: 2.500.000 VND

NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền**, chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	TK ngân hàng	Đơn vị
Cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm thanh toán	1111	3383	2.500.000			
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 1			2.500.000			

Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 86).

Lý do nộp: Chọn lý do là “*Thu khác*”, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.

Ngày chứng từ: 05/02/2015

Chọn loại tiền hạch toán: VND

- TK Nợ: TK 1111 (phần mềm tự mặc định)/TK Có: Chọn TK 3383
- Số tiền: 2.500.000 VND
- Nhân **Cất** để lưu chứng từ vừa nhập.

3. Xem và in bảng lương

Sau khi lập bảng tính lương, NSD chọn chức năng **In** trên bảng lương và chọn báo cáo cần in.

Công ty TNHH XYZ Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội										Mẫu số:02-LĐTL (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG Tháng 01 Năm 2015														
Chi nhánh: Công ty Cổ phần ABC														
STT	Họ và tên	Đơn giá công	Lương thời gian		Lương nghỉ việc không hưởng 100% lương		Phụ cấp	Tổng số	Các khoản phải khấu trừ vào lương					Số tiền thực lĩnh
			Số công	Số tiền	Số công	Số tiền			BHXH	BHYT	BHTN	Thuế TNCN phải nộp	Cộng	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Mã phòng ban: BGD			Tên phòng ban: Ban Giám đốc											
1	Nguyễn Văn Nam	750.000	22,00	16.500.000				16.500.000	480.000	90.000	60.000		630.000	10.870.000
Cộng				16.500.000				16.500.000	480.000	90.000	60.000		630.000	10.870.000
Mã phòng ban: PHC			Tên phòng ban: Phòng Hành chính											
1	Ngô Đức Toàn	258.333	22,00	5.683.326				5.683.326	240.000	45.000	30.000		315.000	3.368.326
2	Vũ Ngọc Tân	187.500	22,00	4.125.000				4.125.000	240.000	45.000	30.000		315.000	1.810.000
Cộng				9.808.326				9.808.326	480.000	90.000	60.000		630.000	5.178.326
Mã phòng ban: PKD			Tên phòng ban: Phòng Kinh doanh											
1	Hoàng Ngọc Mai	233.333	22,00	5.133.326				5.133.326	240.000	45.000	30.000		315.000	2.818.326
2	Nguyễn Thị Lan	241.667	22,00	5.316.674				5.316.674	240.000	45.000	30.000		315.000	3.001.674
3	Phạm Minh Quang	249.167	22,00	5.481.674				5.481.674	240.000	45.000	30.000		315.000	3.166.674
4	Vũ Tiên Dung	212.500	22,00	4.675.000				4.675.000	240.000	45.000	30.000		315.000	2.360.000
5	Vũ Tuấn Phong	283.333	22,00	6.233.326				6.233.326	240.000	45.000	30.000		315.000	3.918.326
Cộng				26.840.000				26.840.000	1.200.000	225.000	150.000		1.575.000	15.265.000
Mã phòng ban: PKT			Tên phòng ban: Phòng Kế toán											
1	Lê Thị Huyền	325.000	22,00	7.150.000				7.150.000	240.000	45.000	30.000		315.000	4.335.000
2	Ngô Ánh Tuyết	395.833	22,00	8.708.326				8.708.326	240.000	45.000	30.000		315.000	5.893.326
3	Nguyễn Tuyết Mai	283.333	22,00	6.233.326				6.233.326	240.000	45.000	30.000		315.000	3.418.326
Cộng				22.091.652				22.091.652	720.000	135.000	90.000		945.000	13.646.652
Tổng cộng				75.239.978				75.239.978	2.880.000	540.000	360.000		3.780.000	44.959.978

Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có danh sách các cán bộ như sau:

STT	Mã nhân viên	Họ và tên	Phòng ban	Hệ số lương	Phụ cấp
1	PMQUANG	Phạm Minh Quang	Giám đốc	9	500.000
2	TNPHUONG	Tạ Nguyệt Phương	Giám đốc	8	500.000
3	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Kinh doanh	4	100.000
4	LMDUYEN	Lê Mỹ Duyên	Kinh doanh	4.2	100.000
5	TDCHI	Trần Đức Chi	Hành chính	4.6	200.000
6	NVBINH	Nguyễn Văn Bình	Hành chính	4.5	200.000
7	PVMINH	Phạm Văn Minh	Kế toán	6	200.000
8	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Kế toán	5	100.000

□ Yêu cầu:

▮ Ngày 31/01/2015 tính lương, các khoản trích theo lương tháng 01 cho cán bộ nhân viên trong công ty và trả lương qua ngân hàng Công thương (Biết số công trong tháng 1 của tất cả cán bộ nhân viên là 26, lương tối thiểu là 1.150.000 VND)

▮ In Bảng thanh toán tiền lương

BÀI 9: THỰC HÀNH KẾ TOÁN THUẾ

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

▣ Các khái niệm cơ bản về thuế

▣ Mô hình hóa hoạt động thuế GTGT, TTĐB

▣ Sơ đồ hạch toán kế toán thuế GTGT, TTĐB

▣ Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

1. Nguyên tắc hạch toán

Doanh nghiệp chủ động tính và xác định số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp cho Nhà nước theo luật định và kịp thời phản ánh vào sổ kế toán số thuế phải nộp

Doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh việc nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế, phí và lệ phí cho Nhà nước

Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp và còn phải nộp

2. Thực hành Kế toán thuế:

2.1 Lập tờ khai thuế lần đầu:

Phần mềm MISA SME.NET 2015 cho phép lập tờ khai thuế GTGT theo từng tháng/từng quý.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)** (hoặc chọn chức năng **Thêm\Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT** trên thanh công cụ), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy dữ liệu Nạp Xuất khẩu In Giúp Đóng

Tờ khai PL 01-1/GTGT PL 01-2/GTGT

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (01/GTGT)

(Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 1 năm 2015
 [02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC-DEF
 [05] Mã số thuế: 0101243150

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [13] Mã số thuế đại lý:
 Gia hạn
 Trường hợp được gia hạn:

STT	CHỈ TIÊU		GIÁ TRỊ HHDV		THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	<input type="checkbox"/>		
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	[22]			2.584.100
C	Kế khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước				
I Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ					
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	488.310.746	[24]	48.835.267
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	[25]			48.835.267
II Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ					
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	0		
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27] = [29] + [30] + [32]; [28] = [31] + [33])	[27]	3.395.961.000	[28]	166.006.100
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	1.735.900.000		
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0	[31]	0
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	1.660.061.000	[33]	166.006.100
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])	[34]	3.395.961.000	[35]	166.006.100
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])	[36]			117.170.833
IV Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước					
1	Điều chỉnh giảm	[37]			0
2	Điều chỉnh tăng	[38]			0
V	Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bán động sản ngoại tỉnh	[39]			0
VI Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:					
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ([40a] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39]) ≥ 0)	[40a]			114.586.733

Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy dữ liệu Nạp Xuất khẩu In Giúp Đóng

Tờ khai PL 01-1/GTGT PL 01-2/GTGT

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoà đơn, chứng từ bán ra		Tên người mua	Mã số thuế người mua	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Ghi chú
	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế giá trị tăng (GTGT):							
1					0	0	
Tổng					0	0	
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:							
1	0000061	16/01/2015	Công ty TNHH Bảo Oanh	0101243150	78.400.000	0	
2	0000059	21/01/2015	Công ty TNHH Bảo Ngọc		828.750.000	0	
3	0000060	21/01/2015	Công ty TNHH Bảo Ngọc		828.750.000	0	
Tổng					1.735.900.000	0	
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:							
1					0	0	
Tổng					0	0	
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:							
1	0000061	05/01/2015	Đại lý Thanh Xuân		17.000.000	1.700.000	
2	0037	08/01/2015	Công ty TNHH Phú Thái	0101243150	(4.215.000)	(421.500)	
3	0000038	15/01/2015	Công ty TNHH Bảo Oanh	0101243150	(4.526.000)	(452.600)	
4	0000001	22/01/2015	Công ty TNHH Tiên Đạt	0101243150	37.794.000	3.779.400	

Ctrl + Insert: Thêm dòng; Ctrl + Delete: Xóa dòng

Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy dữ liệu Nạp Xuất khẩu In Giúp Đóng

Tờ khai PL 01-1/GTGT PL 01-2/GTGT

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoà đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế		Tên người bán	Mã số thuế người bán	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế GTGT	Ghi chú
	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:							
1	0045	10/01/2015	Công ty vận tải Sông Công	0101243150	1.000.000	100.000	
2	0000029	16/01/2015	Công ty TNHH Hồng Hà	0101243150	42.000.000	4.200.000	
3	1254	21/01/2015	Công ty cổ phần Thiên Tân	0101243150	117.530.266	11.753.027	
4	0000068	31/01/2015	Công ty TNHH Minh Anh	0101243150	87.780.480	8.782.240	
5	0125410	31/01/2015	Công ty TNHH Minh Anh	0101243150	240.000.000	24.000.000	
Tổng					488.310.746	48.835.267	
2. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:							
1					0	0	
Tổng					0	0	
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:							
1					0	0	
Tổng					0	0	

Tổng giá trị HHDV mua vào phục vụ SXKD được khấu trừ thuế GTGT: 488.310.746

Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào đủ điều kiện được khấu trừ: 48.835.267

Có một số chứng từ không lên bảng kê do thiếu một trong các thông tin: Số hóa đơn, ngày hóa đơn, nhóm HHDV mua vào.

[Bấm vào đây để xem chi tiết...](#)

Ctrl + Insert: Thêm dòng; Ctrl + Delete: Xóa dòng

- Phần mềm tự động lấy dữ liệu lên bảng kê và tờ khai, NSD có thể tự thêm dòng hoặc xóa dòng trên Bảng kê và nhập dữ liệu vào một số chỉ tiêu trên Tờ khai
- Trường hợp muốn thêm phụ lục, NSD nhấn **Thêm phụ lục** trên thanh công cụ và tích chọn phụ lục cần thêm.
- Trường hợp muốn xóa phụ lục khỏi tờ khai, NSD chọn vào tab của phụ lục cần xóa, sau đó nhấn **Xóa phụ lục** trên thanh công cụ.
- Nhấn **Cất** để lưu tờ khai vừa lập.
- Sau khi tờ khai được cất, NSD có thể chọn chức năng **In** để in tờ khai nộp cho cơ quan thuế

2.2 Lập tờ khai thuế GTGT bổ sung

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)** (hoặc chọn chức năng **Thêm\Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)** trên thanh công cụ), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Chọn kỳ tính thuế: Tháng 1/2015
- Tích chọn lập “*Tờ khai bổ sung*”.
- Nhấn **Đồng ý**, xuất hiện giao diện chi tiết tờ khai thuế GTGT và bảng giải trình khai bổ sung, điều chỉnh.
- Trên tab Tờ khai, phần mềm sẽ tự động lấy dữ liệu như tờ khai được lập lần đầu, NSD tự nhập thông tin điều chỉnh vào từng chỉ tiêu trên tờ khai (VD: Thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ,...)
- Sau đó, nhấn **Tổng hợp KHBS** trên thanh công cụ, phần mềm sẽ tự động lấy các chỉ tiêu bị điều chỉnh lên tab Bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh.:

Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ

Sửa Cắt Xóa Hoàn Tổng hợp KHBS Lấy dữ liệu Hạch toán ĐC Nạp Xuất khẩu In Giúp Đóng

Tờ khai 01/KHBS

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

(Bổ sung, điều chỉnh các thông tin đã khai tại
Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT kỳ tính thuế. Tháng 1 năm 2015 ngày 16 tháng 7 năm 2015)

A. Nội dung bổ sung, điều chỉnh thông tin đã kê khai:

STT	Chỉ tiêu điều chỉnh	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch giữa số điều chỉnh với số đã kê khai
I. Chỉ tiêu điều chỉnh tăng số thuế phải nộp					
1			0	0	0
II. Chỉ tiêu điều chỉnh giảm số thuế phải nộp					
1	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	25	48.835.267	49.658.258	822.991
III. Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp (tăng: +; giảm: -):					
1	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ	40	114.586.733	113.763.742	(822.991)
2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	43	0	0	0

B. Tính số tiền chậm nộp:

Số ngày nộp chậm

Số tiền chậm nộp

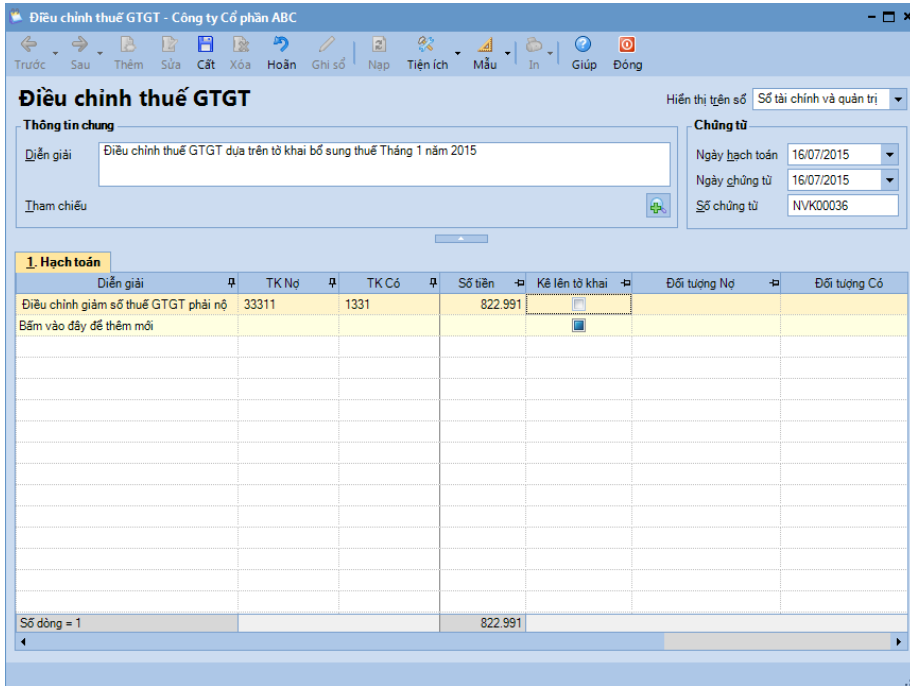
C. Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm:

1. Người nộp thuế tự phát hiện số tiền thuế đã được hoàn phải nộp trả NSNN:

Số tiền

Lệnh hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Lệnh hoàn trả kiểm bù trừ khoản thu NSNN số

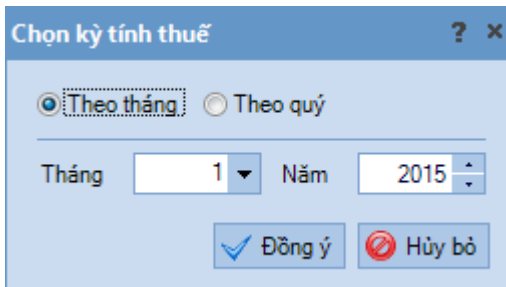
- Nếu phải nộp thêm thuế, phần mềm sẽ tự động hiển thị số ngày nộp chậm và số tiền chậm nộp.
- Nhập thêm các thông tin khác và nhấn <<Cắt>>.
- NSD có thể chọn chức năng **In** để in tờ khai nộp cho cơ quan thuế.
- Sau khi tờ khai bổ sung được cất giữ, NSD chọn chức năng **Hạch toán ĐC** trên thanh công cụ, phần mềm sẽ tự động sinh ra chứng từ hạch toán điều chỉnh thuế:



2.3 Khấu trừ thuế:

Phần mềm kế toán cho phép thực hiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào và thuế GTGT đầu ra để xác định số thuế phải nộp trong kỳ hay còn được khấu trừ chuyển kỳ sau.

NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Khấu trừ thuế GTGT** (hoặc vào menu **Nghiệp vụ\Thuế\Khấu trừ thuế GTGT**):



- Chọn kỳ cần khấu trừ thuế: Tháng 1/2015.
- Nhấn **Đồng ý**, phần mềm tự động sinh chứng từ khấu trừ thuế:

Khấu trừ thuế - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Khấu trừ thuế Hiện thị trên số **Số tài chính và quản trị**

Thông tin chung

Diễn giải: Khấu trừ thuế GTGT tháng 1 năm 2015

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ: 23.175.000 Thuế GTGT đầu ra: 18.394.500

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 31/01/2015
 Ngày chứng từ: 31/01/2015
 Số chứng từ: NVK00009

1. Hạch toán

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	33311	1332	3.345.000
Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	33311	1331	15.049.500
Bấm vào đây để thêm mới			
Số dòng = 2			18.394.500

- Kiểm tra lại thông tin chứng từ khấu trừ, sau đó nhấn **Cắt**.
- 2.4 Nộp thuế:**
- Lựa chọn loại thuế phải nộp là “Thuế khác”.
 - Ngày nộp thuế 31/01/2015
 - Lựa chọn phương thức thanh toán: Tiền mặt
 - Tích chọn loại thuế phải nộp là Thuế GTGT đầu ra
 - Nhấn **Nộp thuế**, phần mềm tự động sinh ra chứng từ nộp thuế GTGT:

Phiếu chi nộp thuế - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi sổ Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Phiếu chi nộp thuế

Hiển thị trên số: Số tài chính và quản trị

Thông tin chung

Người nhận:

Địa chỉ:

Lý do chi: Chi nộp thuế

Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 31/01/2015

Ngày chứng từ: 31/01/2015

Số chứng từ: PC00011

1. Hạch toán

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đơn vị	Mã thống kê
Thuế GTGT đầu ra	33311	1111	5.760.000		
Bấm vào đây để thêm mới					
Số dòng = 1			5.760.000		

- Kiểm tra lại thông tin chứng từ nộp thuế, sau đó nhấn **Cắt** .
Lập chứng từ nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu

Đối với nghiệp vụ hàng nhập khẩu, trong trường hợp doanh nghiệp thanh toán ngay thuế GTGT, tại tab **Thuế** chứng từ mua hàng nhập khẩu, NSD nhập TK thuế là 1331, nếu chưa nộp thuế NSD nhập TK Nợ 1388

Mua hàng nhập khẩu nhập kho chưa thanh toán - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nhận HĐ Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ mua hàng

3. Mua hàng nhập khẩu nhập kho Hiện thị tên số Số tài chính và quản trị

Chứng thanh toán Thanh toán ngay **ĐÃ NHẬN HÓA ĐƠN**

Phiếu nhập **Hóa đơn**

Thông tin chung

Nhà cung cấp Công ty FUJI

Địa chỉ

Mã số thuế

Tham chiếu

Hóa đơn

Mẫu số HĐ

Ký hiệu HĐ

Số hóa đơn

Ngày hóa đơn

Điều khoản TT Số ngày được nợ (ngày) Hạn thanh toán

Loại tiền Tỷ giá

1. Hàng tiền	2. Thuế	3. Phí trước hải quan	4. Phí hàng về kho	Loại tiền			Tỷ giá
Mã hàng	Diễn giải thuế	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TKĐU thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm	
BIA	Thuế giá trị gia tăng	10%	15.607.800	1388	33312	1	
Số dòng = 1			15.607.800				

Phân bổ chiết khấu...	Tổng tiền hàng	4.000,00	82.800.000	Thuế NK	24.840.000
	Tiền chiết khấu	0,00	0	Thuế TTĐB	48.438.000
	Tổng tiền thanh toán	4.000,00	82.800.000	Tiền thuế GTGT	15.607.800

Đến lúc thực hiện nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu, NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Nộp thuế** (hoặc vào menu **Nghiệp vụ\Thuế\Nộp thuế**):

Nộp thuế Thuế GTGT hàng nhập khẩu 31/01/2015 Tiền gửi Tiền mặt

1. Chứng từ mua hàng

	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Số phải nộp	Số nộp lần này	TKĐU thuế GTGT	TK thuế GTGT khấu t
	20/01/2015	20/01/2015	MH00003	4590	15.607.800	15.607.800	1388	1331
Số đơn					15.607.800	15.607.800		

- Lựa chọn loại thuế phải nộp là “Thuế GTGT hàng nhập khẩu”.
- Ngày nộp thuế 31/01/2015
- Lựa chọn phương thức thanh toán: Tiền mặt
- Tích chọn chứng từ mua hàng có phát sinh thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.
- Nhấn **Nộp thuế** , phần mềm tự động sinh ra chứng từ nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu:

Phiếu chi nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Phiếu chi nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu

Hiện thị trên số

Thông tin chung

Người nhận:

Địa chỉ:

Lý do chi:

Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán:

Ngày chứng từ:

Số chứng từ:

1. Hạch toán 2. Chứng từ mua hàng

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đơn vị	Mã thống kê
Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu	33312	1111	15.607.800		
Thuế GTGT được khấu trừ	1331	1388	15.607.800		
Số dòng = 2			31.215.600		

- Kiểm tra lại thông tin chứng từ nộp thuế, sau đó nhấn **Cắt**.
3. Xem và in các báo cáo liên quan đến hoạt động quản lý thuế

Tờ khai thuế GTGT

Sau khi lập xong tờ khai thuế GTGT, NSD chọn chức năng **In** trên thanh công cụ:

Chọn phụ lục in kèm bảng kê

Hiện thị số chứng từ trong phần ghi chú

Cộng gộp các dòng có cùng số hóa đơn và đối tượng thuế

<input type="checkbox"/>	Mã phụ lục	Tên phụ lục
<input checked="" type="checkbox"/>	PL 01-1/GTGT	Bảng kê bán ra thuế GTGT
<input checked="" type="checkbox"/>	PL 01-2/GTGT	Bảng kê mua vào thuế GTGT

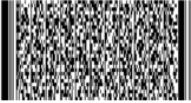
Tích chọn các phụ lục kèm theo bảng kê, sau đó nhấn <<In>>:

Tờ khai thuế GTGT

Tờ khai Thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)

In Xuất khẩu Sửa trang Tìm kiếm Nạp Ký điện tử Nộp báo cáo thuế qua MTAx.VN

Xuất khẩu XML Sửa mẫu Máy tính Đóng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Dành cho người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 01 năm 2015
[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: Công ty T trách nhiệm hữu hạn ABC-DE F
[05] Mã số thuế: 0 1 0 1 2 4 3 1 5 0
[06] Địa chỉ: Tầng 9 Technosoft, Doy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam - 01
[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:
[09] Điện thoại: 043 762 7891 [10] Fax: 043 762 9746 [11] Email:
 Gia hạn Trường hợp được gia hạn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị HDDV (Chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22] 2.584.100
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ (HDDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23] 488.310.746	[24] 48.835.267
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[25] 48.835.267
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]= [29]+[30]+[32]; [28]= [31]-[33])	[27] 3.395.961.000	[28] 166.006.100
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29] 1.735.900.000	
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	[31]
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32] 1.660.061.000	[33] 166.006.100
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HDDV bán ra ([34]= [26]+ [27]; [35]= [28])	[34] 3.395.961.000	[35] 166.006.100
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36]= [35]- [25])		[36] 117.170.833
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm		[37]
2	Điều chỉnh tăng		[38]
V	Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoài tỉnh		[39]
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (nếu [40a]= [36]- [22]+ [37]- [38]- [39] ≥ 0)	[40a]	114.586.733
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế	[40b]	
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]= [40a]- [40b])	[40]	114.586.733
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu [41]= [36]- [22]+ [37]- [38]- [39] < 0)	[41]	
4.1	Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn	[42]	
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]= [41]- [42])	[43]	

Trang 1 của tổng 6 Trang 90%

Bảng kê mua vào:

311

Tờ khai Thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ CỦA HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO
(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)

Mẫu số: 01-2/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC-DEF
 [03] Mã số thuế: 0 1 0 1 2 4 3 1 5 0

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 01 năm 2015

STT	Hóa đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế		Tên người bán	Mã số thuế người bán	Giá trị HH/DV mua vào chưa có thuế	Thuế GTGT đã khấu trừ được	Ghi chú
	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn					
1	0045	10/01/2015	Công ty vận tải Sông Cống	0101243150	1.000.000	100.000	PC00007
2	0000029	16/01/2015	Công ty TNHH Hồng Hà	0101243150	42.000.000	4.200.000	NVK00004
3	1254	21/01/2015	Công ty cổ phần Thuận Tân	0101243150	117.530.266	11.753.027	NK00013
4	0000068	31/01/2015	Công ty TNHH Minh Anh	0101243150	87.780.480	8.782.240	NK00006
5	0125410	31/01/2015	Công ty TNHH Minh Anh	0101243150	240.000.000	24.000.000	NK00026
Tổng					488.310.746	48.835.267	
2. Hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:							
1							
Tổng							
3. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế (*):							
1							
Tổng							

5/6

Trang 5 của tổng 6 Trang

- Bảng kê bán ra:

Tích chọn các phụ lục kèm theo bảng kê, sau đó nhấn <<In>>:

TỜ KHAI THUẾ TTĐB

TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (01/TTĐB)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 01 năm 2015
[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH XYZ
[05] Mã số thuế:
[06] Địa chỉ: Tầng 9 Technoseft, Dãy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
[07] Quận/huyện:
[08] Tỉnh/thành phố:
[09] Điện thoại: 04-37959595 - 502 [10] Fax: 04-37959596 [11] Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng tiêu thụ	Doanh số bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB được khấu trừ	Thuế TTĐB phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (6) x (7) - (8)
Không phát sinh trị giá tính thuế TTĐB trong kỳ								
I	Hàng hóa chịu thuế TTĐB	Lit	1.000,00	28.570.000	19.703.448	45,00		8.866.552
II	Dịch vụ chịu thuế TTĐB							8.866.552
III	Hàng hóa thuộc trường hợp không phải chịu thuế TTĐB							
A	Hàng hóa xuất khẩu							
B	Hàng hóa bán để xuất khẩu							
C	Hàng hóa gia công để xuất khẩu							
Tổng cộng					28.570.000	19.703.448		8.866.552

14

Bảng kê bán ra:

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA CHỊU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

(Kèm theo Tờ khai Thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 01 năm 2015

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH XYZ
[03] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hóa đơn bán hàng			Tên khách hàng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Doanh số bán có thuế TTĐB (không có thuế GTGT)
	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)x(8)
1	AB-15T	0000006	26/01/2015	Công ty TNHH Tiên Đạt	Bia lon	1.000,00	28.570,00	28.570.000
Tổng cộng:					Bia lon (45%)			28.570.000

(TTĐB: tiêu thụ đặc biệt; GTGT: giá trị gia tăng)
Tờ cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật và những số liệu đã khai.

NGƯỜI VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 16 tháng 7 năm 2015
NGƯỜI NỘP THUẾ ĐÓNG
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Nguyễn Văn An

34

Bài tập thực hành

□ Yêu cầu:

▮ Lập bảng kê mua vào, bán ra

▮ Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ đã nhập, thực hiện khấu trừ thuế GTGT (bút toán tự động).

▮ In Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào; Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra; Tờ khai thuế GTGT,...

BÀI 10: THỰC HÀNH KẾ TOÁN TỔNG HỢP VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

▣ Nhiệm vụ của kế toán tổng hợp

▣ Mô hình hoạt động kế toán tổng hợp

▣ Sơ đồ hạch toán kế toán tổng hợp

▣ Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

1. Xác định thuế TNDN và kết quả kinh doanh

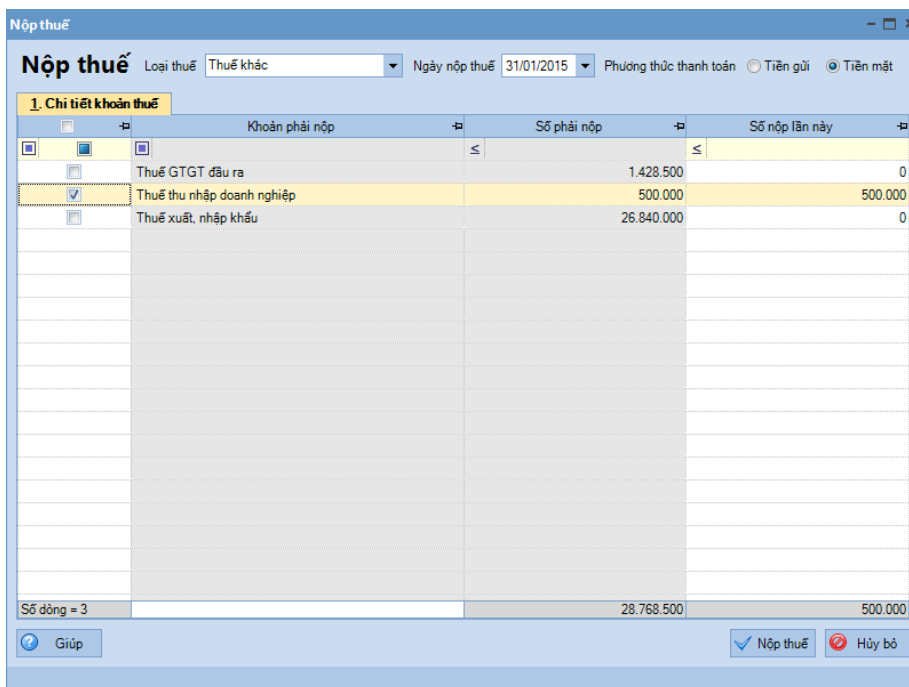
1.1 Xác định thuế TNDN phải nộp

Hàng quý, doanh nghiệp phải tạm tính số thuế TNDN phải nộp cho cơ quan thuế. Để hạch toán số thuế TNDN tạm tính, NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Tổng hợp** chọn chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác** (hoặc trên tab **Chứng từ nghiệp vụ khác**, chọn chức năng **Thêm\Chứng từ nghiệp vụ khác**), sau đó đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	TK ngân hàng	Khoá
Tạm tính thuế TNDN	8211	3334	500.000				
Số dòng = 1			500.000				

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết chứng từ.
- Ngày chứng từ: 30/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK 8211/Có TK 3334, số tiền 500.000 VND
- Nhấn **Cắt** để lưu chứng từ vừa nhập

⌋ Khi nộp thuế TNDN theo số tạm tính vào Ngân sách nhà nước: NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Thuế** chọn chức năng **Nộp thuế** (hoặc vào menu **Nghiệp vụ\Thuế\Nộp thuế**), sau đó đó khai báo các thông tin chi tiết sau:



Khoản phải nộp	Số phải nộp	Số nộp lần này
Thuế GTGT đầu ra	1.428.500	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	500.000	500.000
Thuế xuất, nhập khẩu	26.840.000	0
Số dòng = 3	28.768.500	500.000

- Lựa chọn loại thuế phải nộp là “Thuế khác”.
- Ngày nộp thuế 31/01/2015
- Lựa chọn phương thức thanh toán: Tiền mặt
- Tích chọn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Nhấn **Nộp thuế** , phần mềm tự động sinh ra chứng từ nộp thuế TNDN:

- Kiểm tra lại thông tin chứng từ nộp thuế, sau đó nhấn **Cắt**.
- Cuối năm tài chính, doanh nghiệp tiến hành tính thuế TNDN phải nộp dựa vào thu nhập tính thuế theo công thức:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

=

Trường hợp doanh nghiệp nếu có trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ KH\&CN} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Căn cứ vào số thuế tính được:

- Nếu số Thuế TNDN phải nộp > số Thuế TNDN tạm tính, NSD phản ánh bổ sung: Nợ TK 8211/Có TK 3334 và tiến hành nộp bổ sung.
- Nếu số Thuế TNDN phải nộp < số Thuế TNDN tạm tính, NSD ghi giảm chi phí Thuế TNDN hiện hành: Nợ TK 3334/Có TK 8211
- Các nghiệp vụ này NSD thực hiện hạch toán tại **Chứng từ nghiệp vụ khác** ở phân hệ **Tổng hợp**.

1.2 Xác định kết quả kinh doanh

Thiết lập tài khoản kết chuyển

Thông thường, mỗi phần mềm kế toán thường thiết lập sẵn danh mục tài khoản kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh theo hệ thống tài khoản và theo quy định của chế độ kế toán. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp có thể phát sinh những bút toán kết chuyển tự động khác. Vì vậy doanh nghiệp có thể thực hiện khai báo thêm cho phù hợp bằng cách vào menu **Danh mục\Tài khoản\Tài khoản kết chuyển**

Thủ từ kết chuyển	Mã kết chuyển	Kết chuyển từ	Kết chuyển đến	Bên kết chuyển	Diễn giải
1	4131-515	4131	515	Có	Kết chuyển lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái
5	4131-635	4131	635	Nợ	Kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái
10	521-5111	521	5111	Nợ	Kết chuyển chiết khấu thương mại
15	531-5111	531	5111	Nợ	Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả
20	532-5111	532	5111	Nợ	Kết chuyển giảm giá hàng bán
25	511-911	511	911	Hai bên	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung c
30	512-911	512	911	Hai bên	Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ
35	515-911	515	911	Hai bên	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
40	632-911	632	911	Hai bên	Kết chuyển giá vốn hàng bán
45	635-911	635	911	Hai bên	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính
50	641-911	641	911	Hai bên	Kết chuyển chi phí bán hàng
55	642-911	642	911	Hai bên	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp
60	711-911	711	911	Hai bên	Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong
65	811-911	811	911	Hai bên	Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong k
70	8211-911	8211	911	Hai bên	Kết chuyển chi phí thuế TNDN
75	8212-911	8212	911	Hai bên	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hoãn lại
80	911-4212	911	4212	Hai bên	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh

Kết chuyển lãi lỗ

Sau khi thiết lập thêm những bút toán kết chuyển tự động, kế toán tiến hành kết chuyển lãi lỗ. Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 sẽ tự động tổng hợp số liệu và xác định kết quả kinh doanh dựa vào thiết lập nói trên.

NSD chọn chức năng **Kết chuyển lãi, lỗ** tại phân hệ **Tổng hợp**:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Mã thống kê
Kết chuyển chiết khấu thương mại	5111	5211	200.000	
Kết chuyển giảm giá hàng bán	5111	5212	5.000.000	
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5111	911	167.870.000	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	121.857.000	
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	131.492.413	
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	10.473.000	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6417	1.000.000	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6423	911	625.000	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6426	60.510.000	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6427	4.500.000	
Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ	711	911	10.000.000	
Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	911	811	234.453.225	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	8211	500.000	
Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4212	911	142.576.638	
Bấm vào đây để thêm mới				
Số dòng = 14			891.057.276	

Nhập ngày hạch toán, phần mềm tự động hạch toán các bút toán kết chuyển. Nhấn <<**Cất**>> để lưu chứng từ.

2. Một số chức năng bổ sung khác

2.1 Tính tỷ giá xuất quỹ

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 còn cho phép NSD thực hiện tính tỷ giá xuất quỹ cho từng loại ngoại tệ theo phương pháp bình quân cuối kỳ. Khi đó, phần mềm sẽ tự động sinh ra chứng từ xử lý để hạch toán số tiền chênh lệch lãi (lỗ) khi có chênh lệch giữa tỷ giá xuất quỹ và tỷ giá nhập liệu trên chứng từ..

VD: Ngày 30/01/2015, kế toán tiến hành tính tỷ giá xuất quỹ cho loại tiền ngoại tệ USD.

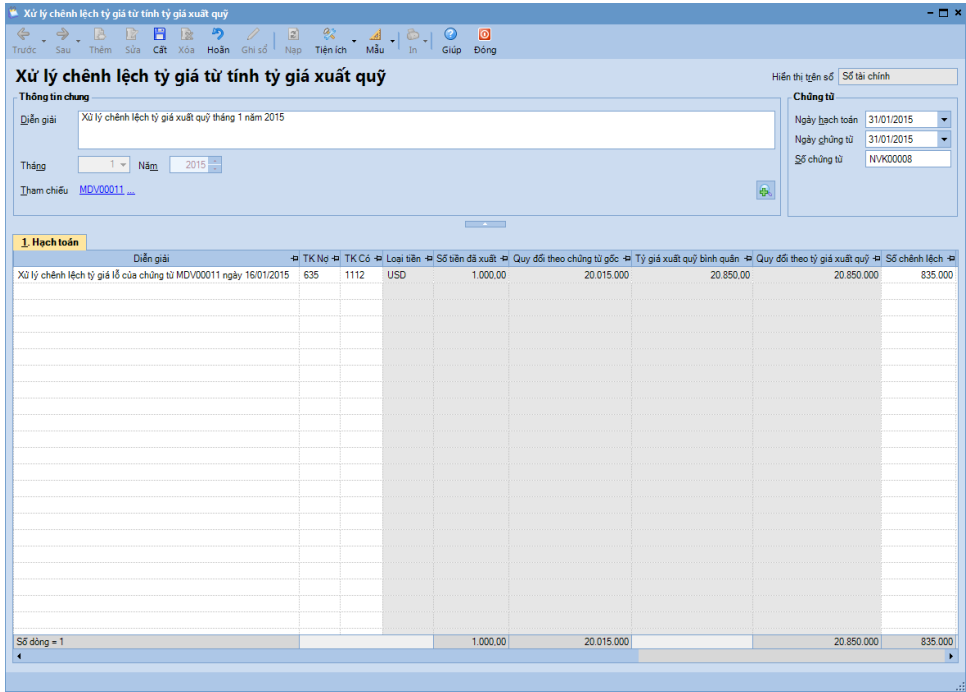
NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Vào menu **Nghiệp vụ\Tổng hợp\Tính tỷ giá xuất quỹ**, sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

The screenshot shows a software window titled "Tính tỷ giá xuất quỹ bình quân". At the top, there is a message: "Thao tác tính tỷ giá xuất quỹ được thực hiện một lần vào cuối kỳ. Sau khi tính tỷ giá xuất quỹ, phần mềm sẽ sinh ra chứng từ nghiệp vụ khác để phản ánh số tiền chênh lệch lãi (lỗ) khi có chênh lệch tỷ giá." Below this, there is a section "Kỳ tính giá xuất quỹ" with "Tháng" set to 1 and "Năm" set to 2015. A table titled "Ngoại tệ" lists currencies with columns for selection, code, and name. The table has two rows: USD (Đô la Mỹ) and UAH (Grip-na Ucraina). The USD row is selected. At the bottom, there are buttons for "Thực hiện" (Execute) and "Hủy bỏ" (Cancel).

<input type="checkbox"/>	Mã loại tiền	Tên loại tiền
<input checked="" type="checkbox"/>	USD	Đô la Mỹ
<input type="checkbox"/>	UAH	Grip-na Ucraina
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		

Số dòng = 2

- Kỳ đánh giá: Tháng 1/2015
- Tích chọn loại tiền ngoại tệ là USD
- Nhấn **Thực hiện** , phần mềm tự động sinh ra chứng từ xử lý chênh lệch tỷ giá từ tính tỷ giá xuất quỹ:



- Kiểm tra lại chứng từ tính tỷ giá xuất quỹ, sau đó nhấn **Cát**

2.2 ***Đánh giá lại tài khoản ngoại tệ***

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 còn cho phép NSD thực hiện đánh giá lại các tài khoản có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm cuối năm tài chính.

VD: Ngày 30/01/2015, kế toán tiến hành đánh giá lại tài khoản ngoại tệ USD.

NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Vào menu **Nghiệp vụ\Tổng hợp\Đánh giá lại tài khoản ngoại tệ**, sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Đánh giá lại tài khoản ngoại tệ

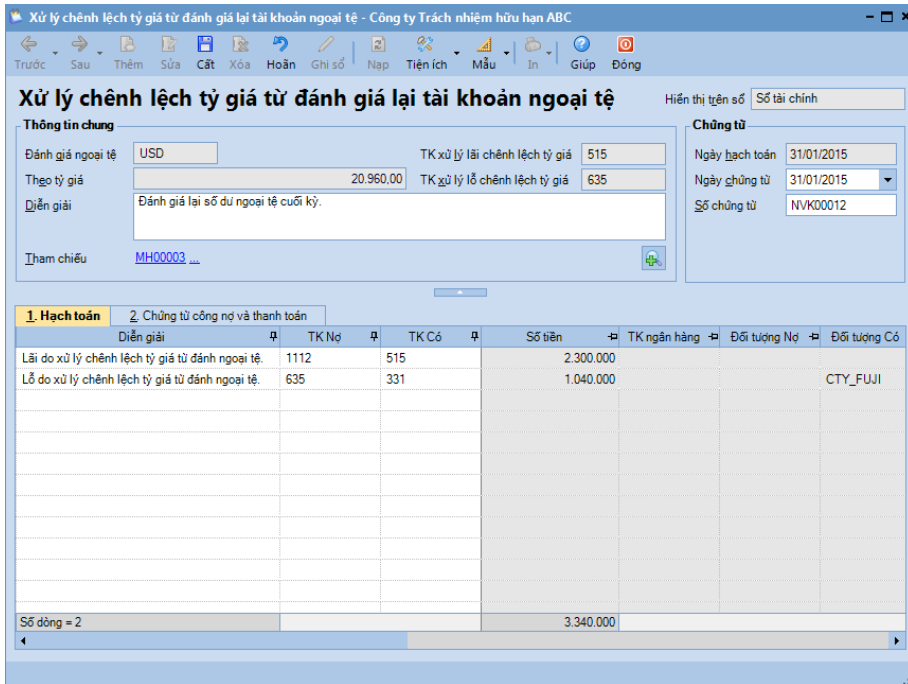
Đánh giá ngoại tệ: USD Đến ngày: 31/01/2015 TK xử lý lãi chênh lệch tỷ giá: 515
Theo tỷ giá: 20.960,00 TK xử lý lỗ chênh lệch tỷ giá: 635

1. Số dư ngoại tệ 2. Chứng từ công nợ và thanh toán

Tài khoản	TK ngân hàng	Đối tượng	Dư Nợ				Dư Có			
			Số tiền	Quy đổi	Đánh giá lại	Chênh lệch	Số tiền	Quy đổi	Đánh giá lại	Chênh lệch
1112			5.000,00	102.500.000	104.800.000	2.300.000	0,00	0	0	0
331		CTY_FUJI	0,00	0	0	0	4.000,00	82.800.000	83.840.000	1.040.000
Số dòng =			5.000,00	102.500.000	104.800.000	2.300.000	4.000,00	82.800.000	83.840.000	1.040.000

Giúp Nap Thực hiện Hủy bỏ

- Đánh giá ngoại tệ: Chọn loại tiền là USD
- Ngày đánh giá: 31/01/2015
- Tỷ giá: 20.960 VND
- TK xử lý lãi chênh lệch tỷ giá: TK 515 và TK xử lý lỗ chênh lệch tỷ giá: TK 635 (phần mềm tự mặc định)
- Tab **Số dư ngoại tệ**: Phần mềm đã tự động thống kê số dư theo tài khoản tính đến ngày đánh giá.
- Tab **Chứng từ công nợ và thanh toán**: Phần mềm tự động liệt kê các chứng từ công nợ và thanh toán cần đánh giá lại:
- Nhấn **Thực hiện** , phần mềm tự động sinh ra chứng từ xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tài khoản ngoại tệ:



- Kiểm tra lại chứng từ đánh giá lại, sau đó nhấn **Cất** .

2.3 Lập chứng từ ghi sổ

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 cho phép NSD thực hiện lập chứng từ ghi sổ trong trường hợp doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

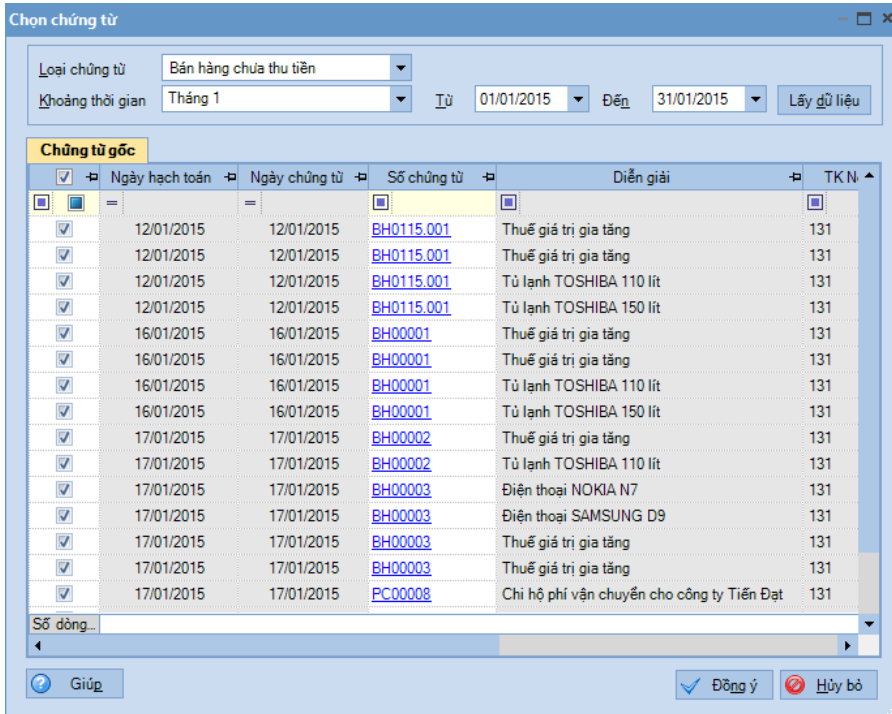
Với mỗi loại chứng từ (VD: Phiếu thu, Phiếu chi,...), NSD phải lập một Chứng từ ghi sổ tương ứng.

VD: Ngày 30/01/2015 lập Chứng từ ghi sổ cho các hóa đơn bán hàng thu tiền mặt trong tháng 1.

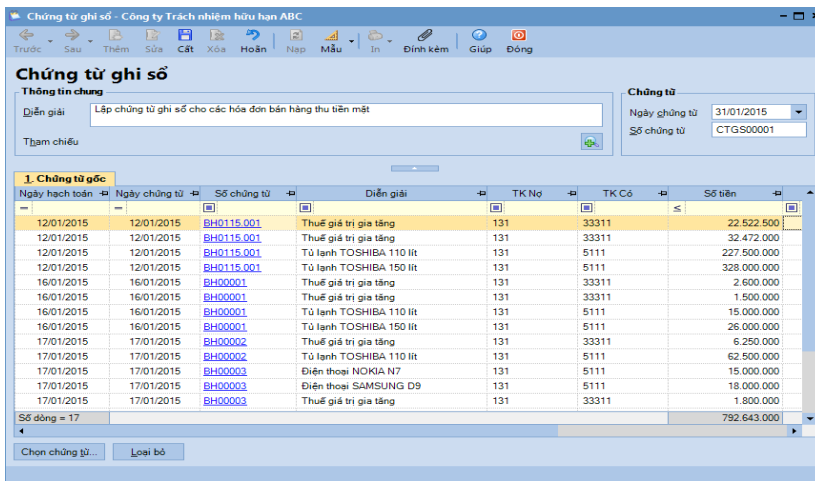
NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Chứng từ ghi sổ** (hoặc trên tab **Chứng từ ghi sổ**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

- Diễn giải: Lập chứng từ ghi sổ cho các hóa đơn bán hàng thu tiền mặt

- Ngày chứng từ: 30/01/2015
- Trên tab **Chứng từ gốc**, nhấn **Chọn chứng từ:**



- Loại chứng từ: Chọn “*Bán hàng chưa thu tiền*”.
- Khoảng thời gian: Chọn tháng 1/2015
- Nhấn **Lấy dữ liệu** , phần mềm sẽ tự động liệt kê các chứng từ bán hàng chưa thu tiền phát sinh trong tháng 1 lên tab **Chứng từ gốc**.
- Tích chọn các chứng bán hàng được lập chung thành một chứng từ ghi sổ, sau đó nhấn **Đồng ý**



- Nhấn **Cắt** để lưu chứng từ vừa lập.

2.4 Chi phí trả trước

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 cho phép NSD quản lý các chi khoản phí trả trước sẽ được phân bổ trong nhiều kỳ (như chi phí thuê văn phòng, chi phí lãi vay trả trước...). Đây là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh, nhưng chưa được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ phát sinh và cần phải phân bổ để tính vào chi phí của từng kỳ.

Khai báo các khoản chi phí trả trước

NSD tiến hành khai báo như sau => Vào menu **Nghiệp vụ\Tổng hợp\Chi phí trả trước\Danh sách chi phí trả trước:**

- Chọn chức năng **Thêm** trên thanh công cụ:

Thêm Chi phí trả trước

Chi phí trả trước

Lấy từ hệ thống số quản trị

Thông tin chung

Mã CP trả trước: THUE VP Số kỳ phân bổ: 5
 Tên CP trả trước: Thuê văn phòng Số tiền PB hàng kỳ: 2.000.000
 Ngày ghi nhận: 31/01/2015 TK chờ phân bổ: 242
 Số tiền: 10.000.000 Tham chiếu:

Thiết lập phân bổ

STT	Đối tượng phân bổ	Tên đối tượng phân bổ	Tỷ lệ PB (%)	TK chi phí
1	PKD	Phòng Kinh doanh	50,00	6427
2	BGD	Ban Giám đốc	20,00	6427
3	PKT	Phòng Kế toán	30,00	6427
Bấm vào đây để thêm mới				
			100,00	

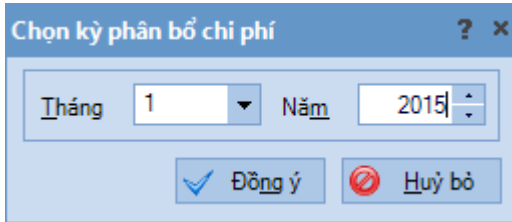
Cắt Cắt & Thêm Hủy bỏ

- Nhập các thông tin Mã CP trả trước và Tên CP trả trước
- Ngày ghi nhận: 18/12/2015
- Số tiền: 10.000.000 VND
- Số kỳ phân bổ: 5, phần mềm tự động tính ra số tiền phân bổ hàng kỳ
- TK chờ phân bổ: 242
- Đối tượng phân bổ: Chọn các đối tượng cần phân bổ là công trình/đơn hàng/hợp đồng/đơn vị.
- Tỷ lệ phân bổ: Nhập tỷ lệ phân bổ tương ứng với từng đối tượng phân bổ (Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%)
- TK chi phí: Chọn TK chi phí để làm căn cứ hạch toán chi phí phân bổ trong các kỳ.
- Nhấn **Cắt** để lưu chi phí đã khai báo

Chi phí trả trước

NSD tiến hành khai báo như sau => Vào menu **Nghiệp vụ\Tổng hợp\Chi phí trả trước\Phân bổ chi phí trả trước**:

- Chọn chức năng **Thêm** trên thanh công cụ:



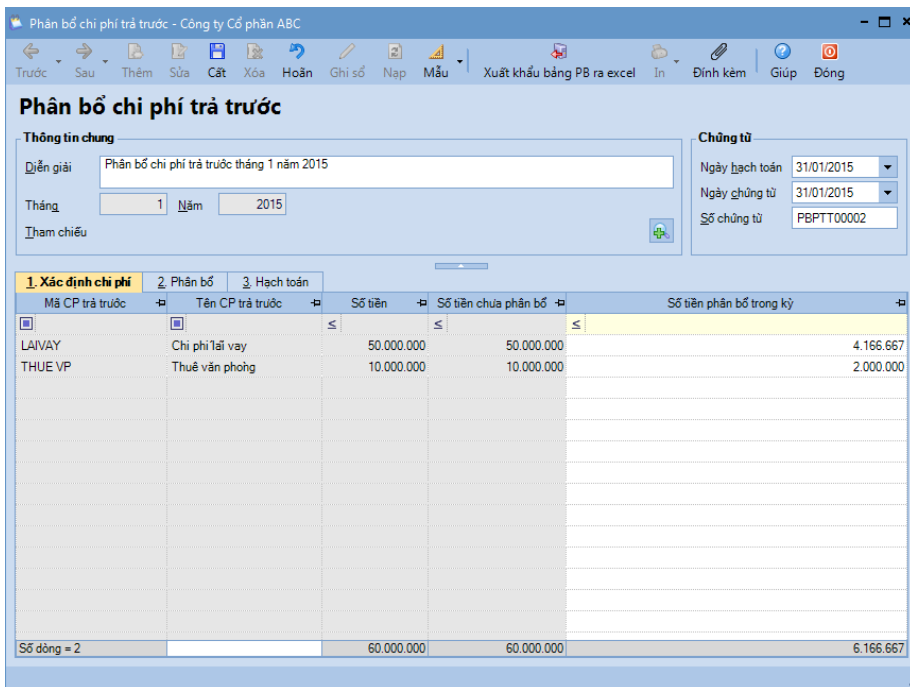
Chọn kỳ phân bổ chi phí

Tháng: 1 Năm: 2015

Đồng ý Hủy bỏ

- Chọn kỳ phân bổ chi phí là Tháng 1/2015, sau đó nhấn **Đồng ý**, phần mềm tự động sinh ra chứng từ phân bổ chi phí trả trước:

- Tab **Xác định chi phí** => phần mềm tự động lấy lên các khoản chi phí trả trước và số tiền phân bổ trong kỳ



Phân bổ chi phí trả trước - Công ty Cổ phần ABC

Thông tin chung

Diễn giải: Phân bổ chi phí trả trước tháng 1 năm 2015

Tháng: 1 Năm: 2015

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 31/01/2015

Ngày chứng từ: 31/01/2015

Số chứng từ: PBP000002

Mã CP trả trước	Tên CP trả trước	Số tiền	Số tiền chưa phân bổ	Số tiền phân bổ trong kỳ
LAIVAY	Chi phí lãi vay	50.000.000	50.000.000	4.166.667
THUẾ VP	Thuế văn phòng	10.000.000	10.000.000	2.000.000
Số dòng = 2		60.000.000	60.000.000	6.166.667

- Tab **Phân bổ** => phần mềm tự động phân bổ theo tỷ lệ đã được thiết lập ở bước khai báo chi phí trả trước trên:

Phân bổ chi phí trả trước - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nap Mẫu Xuất khẩu bảng PB ra excel In Định kèm Giúp Đóng

Phân bổ chi phí trả trước

Thông tin chung

Diễn giải: Phân bổ chi phí trả trước tháng 1 năm 2015

Tháng: 1 Năm: 2015

Tham chiếu

Chung từ

Ngày hạch toán: 31/01/2015

Ngày ghi sổ từ: 31/01/2015

Số chứng từ: PBPTT00002

1. Xác định chi phí 2. **Phân bổ** 3. Hạch toán

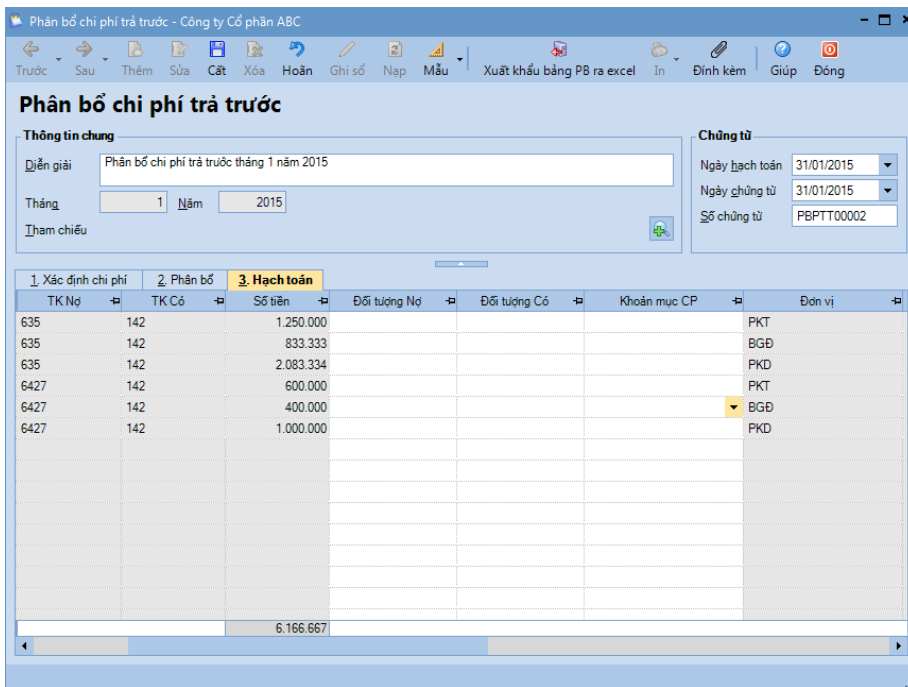
Mã CP trả trước

Tên CP trả trước	Chi phí phân bổ	Đối tượng phân bổ	Tên đối tượng phân bổ	Tỷ lệ (%)	Số tiền	TK chi phí
- Mã CP trả trước : LAIVAY (3)						
Chi phí lãi vay	4.166.667	PKT	Phòng Kế toán	30,00	1.250.000	635
Chi phí lãi vay	4.166.667	BGD	Ban Giám đốc	20,00	833.333	635
Chi phí lãi vay	4.166.667	PKD	Phòng Kinh doanh	50,00	2.083.334	635
Số dòng = 3				100,00	4.166.667	
- Mã CP trả trước : THUẾ VP (3)						
Thuế văn phòng	2.000.000	PKT	Phòng Kế toán	30,00	600.000	6427
Thuế văn phòng	2.000.000	BGD	Ban Giám đốc	20,00	400.000	6427
Thuế văn phòng	2.000.000	PKD	Phòng Kinh doanh	50,00	1.000.000	6427
Số dòng = 3				100,00	2.000.000	
Số dòng = 6				200,00	6.166.667	

NSD có thể thêm dòng để thêm đối tượng phân bổ, nhập tỷ lệ phân bổ của từng đối tượng phân bổ => phần mềm sẽ tự động tính ra số tiền phân bổ.

Nhập TK chi phí của đối tượng phân bổ.

- Tab **Hạch toán** => phần mềm tự động sinh hạch toán theo số tiền đã phân bổ:



- Nhấn **Cắt** để lưu chứng từ phân bổ vừa lập.

2.5 Khóa sổ cuối kỳ

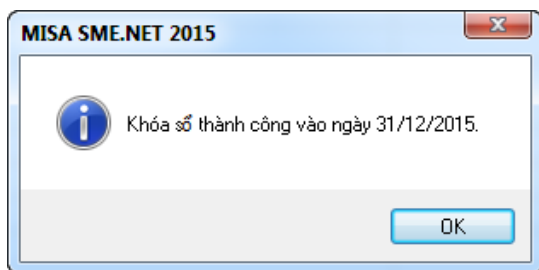
Sau khi thực hiện bút toán kết chuyển lãi lỗ, kế toán kiểm tra lại các báo cáo rồi tiến hành khóa sổ sau khi kết thúc kỳ kế toán. Sau khi khóa sổ, mọi chứng từ kê từ ngày khóa sổ trở về trước sẽ không thể sửa đổi, điều này tạo ra sự an toàn đối với dữ liệu kế toán của doanh nghiệp.

- Để tiến hành khóa sổ, NSD tiến hành như sau => Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Khóa sổ kỳ kế toán** (hoặc vào menu **Nghiệp vụ\Tổng hợp\Khóa sổ kỳ kế toán**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau



- Chọn ngày khoá sổ mới: 31/12/2015
- Nhấn **Thực hiện** để chương trình tiến hành khóa sổ

Trong trường hợp thực hiện khóa sổ, xuất hiện một số chứng từ không ghi được sổ, phần mềm sẽ yêu cầu NSD phải xử lý các chứng từ này trước khi khóa sổ. Khi tất cả các chứng từ đã được ghi sổ, phần mềm sẽ báo khóa sổ thành công.



3. Xem báo cáo tài chính

3.1 Báo cáo tài chính

□ Nội dung: Cho phép lập báo tài chính theo quý, năm, 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm, bộ báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Đối với QĐịnh 48 thì lập kèm theo Bảng cân đối tài khoản). Thuyết minh báo cáo tài chính sẽ được lập riêng.

Việc lập báo cáo tài chính sẽ giúp lưu lại được số liệu đã chốt tại thời điểm cuối kỳ, các thay đổi của chứng từ sẽ không ảnh hưởng đến số liệu báo cáo tài chính đã lập, nếu NSD có nhu cầu lấy dữ liệu mới từ chứng từ thì vào thực hiện sửa báo cáo và nhấn nút Lấy lại dữ liệu.

Nguyên tắc lập:

- Bảng cân đối kế toán:

Phải hoàn tất việc ghi sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết, tiến hành khoá sổ kế toán, tính số dư cuối kỳ.

Kiểm tra lại số liệu ghi trên cột "Số cuối kỳ" của Bảng cân đối kế toán ngày 31/12 năm trước.

Không được bù trừ số dư giữa hai bên Nợ và Có của các tài khoản thanh toán.

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước.

Sổ kế toán chi tiết, tổng hợp trong kỳ của các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Theo phương pháp gián tiếp: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước; Các tài liệu khác.

Theo phương pháp trực tiếp: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước; Sổ kế toán thu chi vốn bằng tiền; Sổ kế toán theo dõi các khoản phải thu, phải trả.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 chỉ trợ giúp NSD lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp.

Cơ sở số liệu:

- Bảng cân đối kế toán:

Căn cứ vào các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết.

Căn cứ vào bảng cân đối kế toán kỳ trước (quý trước, năm trước).

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước.

Sổ kế toán chi tiết, tổng hợp trong kỳ của các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

Thiết lập công thức báo cáo trên máy:

Phần mềm kế toán đã thiết lập sẵn công thức của từng chỉ tiêu trên báo cáo. Hơn thế nữa, phần mềm MISA SME.NET 2015 có thêm phần thiết lập công thức linh động cho phép kế toán có thể sửa đổi một số chỉ tiêu trong trường hợp cần thiết.

Xem báo cáo:

- Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Lập báo cáo tài chính** (hoặc trên tab **Lập BCTC** chọn chức năng **Thêm\Báo cáo tài chính**):

<input checked="" type="checkbox"/>	Mã phụ lục	Tên phụ lục
<input checked="" type="checkbox"/>	B02-DN	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
<input checked="" type="checkbox"/>	B03-DN	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (PP trực tiếp)

- Chọn kỳ báo cáo là Quý I/2015

- Tích chọn các phụ lục in kèm báo cáo tài chính là Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Nhấn **Đồng ý**, phần mềm sẽ tự động in ra các báo cáo:

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo tài chính

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thiết lập công thức Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy lại dữ liệu Xuất khẩu In Nap Giúp Đóng

B01-DN B02-DN B03-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.704.546.044	11.988.179.100
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		210.521.306.899	11.903.466.500
1. Tiền	111		210.521.306.899	11.903.466.500
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		160.000.000	0
1. Chứng khoán và công cụ tài chính kinh doanh	121		160.000.000	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư ngắn hạn khác	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.947.040.810	82.128.500
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3.890.881.810	29.169.500
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		56.159.000	52.959.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		(57.962.665.684)	0
1. Hàng tồn kho	141		(57.962.665.684)	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		(961.135.981)	2.584.100
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		(966.947.434)	2.584.100
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		5.811.453	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		(35.000.421)	0
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		(35.000.421)	0
1. Tài sản cố định hữu hình	221		(35.000.421)	0
- Nguyên giá	222		20.000	0
Số dòng = 116				

Người lập biểu (*) ADMIN Giám đốc(*) Vũ Ngọc Đức Ngày lập (*) 16/07/2015



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo tài chính

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thiết lập công thức Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy lại dữ liệu Xuất khẩu In Nạp Giúp Đóng

B01-DN **B02-DN** B03-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		210.080.326.500	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.193.994	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		210.074.132.506	0
4. Giá vốn hàng bán	11		59.692.650.993	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		150.381.481.513	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		378.572.000	0
7. Chi phí tài chính	22		(85.000.000.000)	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		106.033.028.833	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		71.293.991	0
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - ...)	30		129.655.730.689	0
11. Thu nhập khác	31		52.517.000	0
12. Chi phí khác	32		(795.849.403)	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		848.366.403	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		130.504.097.092	0
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		130.504.097.092	0
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0
Số dòng = 20				

Người lập biểu (*) ADMIN Giám đốc(*) Vũ Ngọc Đức Ngày lập (*) 16/07/2015

□

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo tài chính

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thiết lập công thức Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy lại dữ liệu Xuất khẩu In Nạp Giúp Đóng

B01-DN B02-DN **B03-DN**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		301.921.000.000	0
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(508.418.221)	0
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		0	0
4. Tiền chi trả lãi vay	04		0	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.952.372.100	11.322.966.500
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(106.747.113.480)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		198.617.840.399	11.322.966.500
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của d.	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		198.617.840.399	11.322.966.500
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.903.466.500	580.500.000
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VII.34	210.521.306.899	11.903.466.500
Bấm vào đây để thêm mới				

Chọn lại hoạt động LCTT cho các chứng từ ...

Người lập biểu (*) ADMIN Giám đốc(*) Vũ Ngọc Đức Ngày lập (*) 16/07/2015

- Nhấn **Cắt** để lưu báo cáo tài chính vừa lập.

3.2 Thuyết minh báo cáo tài chính

□ Nội dung: Thuyết minh báo cáo tài chính là một báo cáo mô tả mang tính tường thuật hoặc phân tích chi tiết các thông tin số liệu đã được trình bày trong Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng như các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu kế toán cụ thể, Thuyết minh báo cáo tài chính cũng có thể trình bày những thông tin khác nếu doanh nghiệp xét thấy cần thiết trong việc trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính.

- Thuyết minh báo cáo tài chính gồm các phần sau:
 - Phần I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.
 - Phần II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.
 - Phần III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng.
 - Phần IV. Các chính sách kế toán áp dụng.
 - Phần V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.
 - Phần VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Phần VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Phần VIII. Những thông tin khác.
- Cơ sở số liệu:
 - Các sổ kế toán kỳ báo cáo.
 - Bảng cân đối kế toán kỳ báo cáo.
 - Báo cáo kết quả kinh doanh kỳ báo cáo.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ trước, năm trước.
 - Sổ, thẻ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp.
- Xem báo cáo:
 - Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn tab **Lập BCTC**, sau đó chọn chức năng **Thêm\Thuyết minh báo cáo tài chính**:

The screenshot shows a dialog box with the following elements:

- Title bar: Tham số báo cáo
- Section: Kỳ báo cáo
- Fields: Kỳ (Quý I), Năm (2015)
- Text: (Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015)
- Buttons: Đồng ý, Hủy bỏ

- Chọn kỳ báo cáo là Quý I/2015
- Nhấn **Đồng ý** , phần mềm sẽ tự động in ra thuyết minh báo cáo tài chính:

Tên chi tiêu	Cuối quý	Đầu quý	Nội dung
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục tính bày tr...			
01- Tiền			
- Tiền mặt	208.969.067.460	11.042.075.300	
- Tiền gửi ngân hàng	1.552.239.439	861.391.200	
- Tiền đang chuyển	0	0	
03. Phải thu của khách hàng			
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	3.890.881.810	29.169.500	
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10...	0	0	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	0	0	
b) Phải thu của khách hàng dài hạn (tương tự ngắn hạn)	0	0	
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết L...	0	0	
13. Chi phí trả trước			
a) Ngân hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	0	0	
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;	0	0	
- Công cụ, dụng cụ xuất đúng;	0	0	
- Chi phí đi vay;	0	0	
- Các khoản khác (nếu chi tiết nếu có giá trị lớn).	0	0	
b) Dài hạn	0	0	
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	0	0	
- Chi phí mua bảo hiểm;	0	0	
- Các khoản khác (nếu chi tiết nếu có giá trị lớn).	0	0	
14. Tài sản khác			
a) Ngân hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	0	0	
b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	0	0	
18. Chi phí phải trả			
a) Ngân hạn	0	0	
Số đóng = 245			

- Nhấn <<In>> để xem báo cáo:

Thuyết minh báo cáo tài chính

In Xuất khẩu Sửa trang Tìm kiếm Nap Ký điện tử Sửa mẫu Máy tính Tùy chỉnh Đóng

Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC-DEF
Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam - 01

Mẫu số: B09-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2015

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

- Hình thức sở hữu vốn:
- Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh:
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:
- Cấu trúc doanh nghiệp
 - Danh sách các công ty con
 - Danh sách các công ty liên doanh, liên kết
 - Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (có so sánh được hay không, nếu không so sánh được phải nêu rõ lý do như vì chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, nếu độ dài về kỳ so sánh...)

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm: Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

- Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam); Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.
- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.
- Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.
- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính
 - Chứng khoán kinh doanh;
 - Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Trang 1 của tổng 19 Trang 100%